SỐ 7 NGÀY 15 - 4 - 1965

BACH KHOA

THỜI - ĐẠI

năm thứ chín

VŨ BẢO *đạo luật công quyền và người da đen tại Hoa kỳ* * NHƯ UYÊN *tổ chức, điều hành các xí nghiệp nhà nước* * NGUYỄN PHƯƠNG *anh hùng Lạc Việt* * NGUYỄN HIẾN LÊ và GIẢN CHI *Mạnh Tử — Trang Tử* * VŨ DZŨNG *bên cầu biên giới* * DOÃN DÂN *chỗ của Huệ* * THANH TÂM TUYỀN *cát lầy* * Cô PHƯƠNG THẢO *đọc « Đêm trăng mùa hạ » của Lưu Nghi* * NGUIỄN NGU Í *sống và viết với Lê ngọc Trụ* **SINH HOẠT** : NGUYỄN KÍNH ĐỨC *Hội Nghị Tưởng nhiệm sở Ngoại giao* * QUANG HOA *ý niệm về thời gian — Tin tức Khoa học* * THIỆN Ý *một buổi nói chuyện về ung thư* * NGUIỄN NGU Í *lễ truy niệm Phan Hiền Đạo*

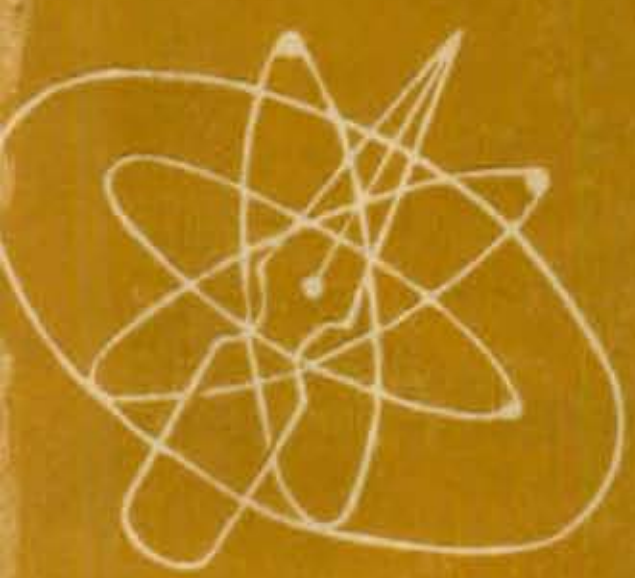

199

Thanh thoát

Fine

Dịu dàng

Racée

Tonique

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"

EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"

DESORMAIS FABRIQUEE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA Ste Fnse DES DISTILLERIES DE L.I.C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat, en vérifiant que la capsule inviolable que comportent les bouteilles d'origine sous leur bouchon à vis est bien en place

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi mua quý ngài nên dè dặt kiểm soát lại nắp chì ngừa gian bọc ở miệng chai chánh gốc nằm phía trong nắp vặn đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP.

BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 199 ngày 15 - 4 - 1965

VŨ BẢO *đạo luật công quyền và người da đen tại Hoa Kỳ* | 3

NHƯ UYÊN *tổ chức điều hành các xí nghiệp nhà nước* | 13

NGUYỄN PHƯƠNG *anh hùng Lạc Việt* | 17

GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ *Mạnh Tử và Trang Tử* | 23

DOÃN DÂN *chỗ của Huệ (truyện 2 kỳ)* | 27

THANH TÂM TUYỀN *cát lầy (truyện dài)* | 35

Cô PHƯƠNG THẢO *đọc « Đêm trăng mùa hạ » của Lưu Nghi* | 47

NGUIỄN NGU Í *sống và viết với Lê Ngọc Trụ* | 60

SINH HOẠT

NGUYỄN KÍNH ĐỨC *hội nghị Trưởng nhiệm sở Ngoại giao* | 73

QUANG HOA *ý niệm về Thời gian — Tin tức khoa học* | 76

THIỆN Ý *một buổi nói chuyện về ung thư* | 79

NGU Í *lễ truy niệm Phan Hiền Đạo* | 80

THẾ NHÂN *15 ngày tin tức* | 81

BÁCH-KHOA
THỜI-ĐẠI *trong những số tới*

Góp ý về bài « Đạo Phật trong lãnh vực văn học nghệ thuật »	VŨ-HẠNH
Vấn đề bảo thủ các báu vật lịch sử	PHẠM TRỌNG NHÂN
Nhà trường : Trung tâm văn hóa dân tộc	NGUYỄN-GIA-TƯỜNG
Uy quyền quốc gia	LÊ-THIỆN-DÂN
Winston Churchill, cuộc đời và sự nghiệp	ĐOÀN-THÊM
Biệt Mặc và Danh gia	GIẢN CHI và NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Đời sống của dân Lạc Việt dưới thời Hán	NGUYỄN-PHƯƠNG
Đọc cuốn « Hiệu-Chú Bích-Câu-Kỳ-Ngộ » của Ô. Hoàng-Xuân-Hãn	TẠ-TRỌNG HIỆP
Nhạc Jazz	TRẦN-VĂN-KHÊ
Đời sống ngày mai	VÕ-QUANG-YẾN
Sống và viết với Vi-Huyền-Đắc	NGUYỄN-NGU-Í
Đọc « Tìm Đẹp » của Đoàn Thêm	TRẦN-THÁI ĐỈNH
Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénitsyne)	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
Đường về (truyện ngắn)	Y-UYÊN
Tóc mai nghìn năm (truyện ngắn)	TÚY-HỒNG

• VŨ BẢO

ĐẠO LUẬT CÔNG QUYỀN

và sự tranh đấu pháp lý cho bình đẳng của người da đen tại Hoa-Kỳ

VẤN đề chủng tộc được đặt ra khắp thế-giới, nó không phải là một vấn đề riêng biệt của Hoa-Kỳ. Nhưng tại Hoa Kỳ, nó mang kích thước của một tấn thảm kịch day dứt được toàn thể thế giới chú ý. Người dân thường không thể không tự đặt câu hỏi do đâu mà Hoa Kỳ, một nước luôn luôn gợi cho người ta hình ảnh của tượng thần Tự-Do nâng cao ngọn đuốc ở cửa bể Nữu Ước, một nước đã trả lời sự thách đố của Cộng-Sản Quốc-Tế bằng một chương trình hoạt-động đặt trên căn bản bình-đẳng và tôn-trọng nhân phẩm, tại sao một nước như vậy mà còn dung dưỡng một bất công ngay trên đất mình ?

Câu hỏi đó, đối với đa số dân Hoa-Kỳ, còn như một vết sẹo trên một bộ mặt mà Hoa Kỳ vẫn tự hào về vẻ khả ái, và ngày nào họ chưa giải quyết được là lương tâm họ chưa yên ổn. Cũng như Tổng Thống Johnson vừa nói trước Quốc Hội Hoa Kỳ : « Chúng ta có thể chiến thắng mọi kẻ thù, chúng ta có thể tăng gấp đôi lợi tức và chinh phục các vì tinh tú, nhưng nếu chúng ta còn bất công với người da đen thì chúng ta đã thất bại như là một dân tộc, như là một quốc gia ».

Viết về vấn đề người da đen ở Hoa Kỳ chúng ta dễ xúc động về những chuyện Cảnh sát thả chó hay ném hơi cay giải tán biểu tình, người da đen quỳ xuống để cầu kinh hay ném vỏ chai gạch đá vào nhân viên công lực, thứ nhất là hai bên lại hai mầu da khác nhau. Nhưng nếu chúng ta không để

cho những xúc động đó chi phối, chúng ta đi tìm thiện chí của mọi người hơn là đi khai thác mối hờn chủng tộc, chúng ta sẽ thấy chưa đến nỗi phải thất vọng về nhân loại, và giữa những dằng co của tập tục và thành kiến, giữa những nghi ngờ và đố kỵ, dân tộc Hoa Kỳ quả thật vẫn chọn hướng đi lên.

Ngay xét riêng về mặt đó, vấn đề cũng hãy còn quá rộng rãi nên trong phạm vi bài này chúng ta chỉ xét về một khía cạnh: đó là tính cách pháp lý trong cuộc tranh đấu bình đẳng cho người da đen. Cho tới nay cuộc tranh đấu này, do cả người trắng và người đen chung sức hoạt động mạnh mẽ, luôn luôn tôn trọng pháp lý và các cơ cấu dân chủ, nên giữa những lúc gay go nhất, kẻ chết người bị thương, hay biểu tình, thị uy lực lượng, chưa bao giờ nền móng sinh hoạt quốc gia bị đe dọa.

Cơ quan lập-pháp đã có nhiều đạo luật xác định sự bình đẳng ; cơ quan tư pháp, các tòa án tiểu bang, nhất là Tối Cao Pháp-Viện đã giải thích Hiến Pháp và các luật lệ một cách nhằm xóa nhòa các sự phân biệt ; cơ quan hành pháp liên bang nhiều lần đem uy quyền và lực lượng của mình can thiệp vào các vụ lộn sộn buộc các tiểu bang không được viện một lẽ gì để ngăn trở hay trì hoãn việc thi hành các luật lệ bình đẳng.

Dưới đây là một số các sự-kiện chính theo thứ tự thời gian, một đoạn riêng biệt sẽ được dành cho đạo luật công quyền vừa được ban hành năm 1964 và đã gây nên bao nhiêu sáo động trong mấy tháng đầu năm 1965.

* * *

Không biết người da đen đầu tiên đặt chân lên Mỹ Quốc có phải là anh chàng Alonzo, hoa tiêu lái chiếc thuyền cho Christophe Colomb cập bờ Tân lục địa năm 1492 không ? Sau anh ta và trong suốt thế kỷ thứ 16 và 17 rất nhiều người da đen được đưa tới Mỹ Châu để làm việc trong các đồn điền trồng bông, mía và thuốc lá.

Chế độ nô-lệ được đặt ra bằng một đạo luật hẳn hòi (!). Luật này ban hành năm 1664 tại tiểu bang Maryland và người hắc-nô từ đó suốt một đời phải làm việc cho chủ, và chủ không muốn dùng có thể đem bán cho người khác.

Phải chờ tới đầu thế kỷ thứ 19 mới có đạo luật năm 1807 cấm không được buôn bán hắc nô, tuy vẫn được dùng họ.

Năm 1860, ông Lincoln được bầu làm Tổng Thống Hoa Kỳ, và để bãi bỏ chế độ nô-lệ, ông ta đã chấp nhận một cuộc nội chiến giữa các tiểu bang miền Nam muốn duy trì chế độ đó, và các tiểu bang miền Bắc đòi giải phóng người da đen. Đạo quân miền Bắc đã thiệt hại tới 350.000 mạng người và miền Nam 130.000 người, nhưng kết quả là chủ trương giải phóng đã thắng, ghi một điểm son cho lịch sử Hoa Kỳ.

Chế độ nô lệ được hủy bỏ nhưng không phải vì thế mà người da đen đã bình đẳng với người da trắng. Chính Tổng Thống Lincoln năm 1862 đã tuyên bố tại Bạch Cung với những người da đen : « Dù rằng các anh không

Còn là nô lệ nữa, các anh cũng hãy còn lâu mới bình đẳng với người da trắng. chúng ta nên sống cách biệt nhau như thế có lợi cho cả các anh lẫn chúng tôi.»

Người học trò da đen đầu tiên dám cả gan xin vào học một trường người da trắng là cô Sarah Roberts. Năm 1849, nghĩa là 12 năm trước cuộc chiến tranh Nam Bắc cô ta xin ghi tên vào một trường ở gần nhà tại tiểu bang Massachusetts và bị mời ra cửa. Cô ta kiện. Quan tòa Shaw đã xử cô thua và bản án ghi như sau: « Nếu có sự phân biệt chủng-tộc trong học đường thì sự kiện này không do luật pháp đặt ra, do đó luật pháp cũng không thể sửa đổi sự kiện đó ».

Kịp đến khi Hoa Kỳ bắt đầu có xe lửa thì một anh da đen khác tên Plessy ngớ ngẩn cũng không kém, nhảy lên toa xe người da trắng cho đó là một phương tiện chuyên chở công cộng. Người ta đuổi anh ta xuống, anh ta cũng lại đi kiện. Vụ án được đưa tới Tối Cao Pháp Viện năm 1896 và Viện phán truyền rằng « sự phân cách về chuyên chở không có nghĩa là chủng tộc nào hơn chủng tộc nào, do đó không phải là một vi phạm các nguyên tắc của Hiến Pháp ».

Trong mấy chục năm liền, Hoa Kỳ hình như bằng lòng với cái thuyết mới: « Phân-cách nhưng bình-đẳng », vì trong thực tế thì không phải cho người da đen quyền lợi chi hết mà trong lý thuyết thì lại là cho hết cả rồi.

Nhưng có những luồng dư luận tiến bộ không chịu kéo dài tình trạng mập mờ đó.

Năm 1935, Tòa án tiểu bang Maryland, — chính tiểu bang đã ban bố đạo luật đặt ra chế độ nô lệ năm 1664 —, đã buộc một trường Luật phải nhận sinh viên da đen Donald Murray, không phải là vì Tòa đã bỏ cái thuyết « phân cách nhưng bình đẳng », mà bởi vì Tòa nhận thấy không thể nào lập một trường Luật riêng cho mỗi một mình anh Donald Murray học.

Năm 1941, Tổng Thống Franklin Roosevelt tiến lên một bước nữa, đặt ra chế độ tuyển dụng công bằng « Fair Employment Practice », cấm không được phân biệt mầu da khi mướn nhân công.

Năm 1948, Tổng Thống Truwan hủy bỏ sự phân biệt mầu da trong quân ngũ. Và tới năm 1953, khi đại tướng Eisenhower đắc cử Tổng Thống, thì vấn đề kỳ thị trong quân đội có thể coi như là giải quyết hoàn toàn vì chính Eisenhower người anh hùng của đệ Nhị thế chiến đã từng chỉ huy những người da đen và da trắng can đảm ngang nhau, hy sinh như nhau, ấy thế mà chính Eisenhower đã từng chứng kiến khi viếng thăm mồ các binh sĩ tử trận thì các bà mẹ da trắng lại được vào nghĩa địa trước các bà mẹ da đen để săn sóc mộ phần những đứa con chung của Tổ quốc.

Eisenhower cũng mời Ralph Bunche, vị phó tổng thư ký người da đen của Liên Hiệp Quốc, làm thứ trưởng trong chính phủ mới nhưng Bunche đã chối từ cho rằng tại Hoa Thịnh Đốn ông ta vẫn còn không được vào một vài câu lạc bộ như các bạn của ông ta trong

nội các. Và, chỉ cách đó ít lâu, chính con trai của Ralph Bunche đã bị ngăn cấm không được vào chơi tại một sân quần vợt ở Nữu Ước.

Nhưng khúc quẹo lịch sử trong cuộc tranh đấu về pháp lý cho sự bình đẳng của người da đen là bản án ngày 17 tháng 5 năm 1954 của Tối Cao Pháp Viện. Phán quyết về bình đẳng trong học đường, Pháp viện đã bác hẳn cái thuyết « phân cách nhưng bình đẳng » mà các tòa án và chính Tối Cao Pháp Viện vẫn khư khư ôm lấy trên nửa thế kỷ nay. Pháp viện đã cho thuyết đó là một sự giả đạo đức và tất cả 9 vị thẩm phán cao nhất của Hoa Kỳ đã đồng thanh phán quyết như sau : « Câu hỏi được đặt ra là việc buộc các trẻ theo học các trường khác nhau vì chúng khác mầu da có làm thiệt thòi cho học sinh nhóm thiểu số không được hưởng những điều kiện và cơ hội đồng đều giáo dục không ? Tòa nhận thấy là có. Những điều kiện riêng biệt, do tính chất của nó, là những điều kiện bất bình đẳng. Và Tòa phán quyết : trong phạm vi giáo dục không thể có chỗ cho chủ trương phân cách nhưng bình đẳng ».

Bản án đó đã như là một tiếng sét trong các tiểu bang bảo thủ và nó đã gây ra nhiều tia chớp nhằng nhịt, nhiều tiếng sấm động trong bầu trời sinh hoạt chính trị của Hoa-Kỳ.

Đi tới bản án đó là do sự hoạt động nhẫn nại của « Hiệp Hội quốc gia tranh đấu cho sự tiến bộ của người da đen » (National Association for the advancement of coloured People viết tắt là N. A.A.C.P.). Hội thành lập từ 1909, gồm 400.000 hội viên, ngân sách hàng năm là 1.120 000 đô la Hoạt động chính của Hội là chỉ đi kiện, kỳ cho đến khi người da đen thắng kiện trong những vụ án kỳ thị màu da Và Hội đã huy động được nhiều luật sư danh tiếng bênh vực cho các đương đơn

Sau khi có bản án năm 1954, một số tiểu bang không chịu thua ngay và nghĩ ra nhiều mẹo để làm cho phán-quyết của Tòa án Liên Bang không thi hành được, thí dụ như đóng cửa trường, cho mở cửa nhưng không cấp ngân quỹ hoạt động, đổi trường công ra làm trường tư v.v...

Nhưng gặp mỗi trường hợp, hội NAACP lại đứng ra kiện, hình như không biết mỏi. Tối Cao Pháp Viện ngày 31 tháng 5 năm 1955 lại ra một phán quyết lời lẽ thật cứng rắn : « Tất cả mọi luật lệ nào của liên bang hay của tiểu bang, có trù liệu sự phân biệt màu da, đều phải hủy bỏ hẳn. Mọi biện pháp cần thiết phải được áp dụng để cho các học sinh, không phân biệt chủng tộc, phải được vào học ngay tại các trường công .»

Các tiểu bang vẫn còn cứng dầu và năm 1957 xảy ra vụ Little Rock. Học sinh da đen không được vào lớp, Tổng Thống Eisenhower phải phái quân đội Liên Bang tới dẫn các em da đen tới trường.

Tối Cao Pháp Viện lại càng tỏ ra quyết liệt hơn. Khi thẩm phán tòa án Arkansas, ông Harvey Lemley, trước một

tình thế quá căng thẳng đã ra một bản án gia hạn cho các trường, sau một thời gian hai năm mới phải bỏ hẳn kỳ thị, Tối Cao Pháp Viện ở Hoa-thạnh-Đốn đã tuyên bố thủ tiêu bản án đó với phán quyết sau đây : « Ở Hoa-Kỳ chưa đến lúc mà mệnh lệnh của Tòa-Án Liên Bang có thể bị coi như một mảnh giấy lộn, chưa đến lúc mà người ta phải nhục nhã chấp nhận việc đó vì có những hành động bạo lực uy hiếp pháp luật ».

Thái độ của Tối Cao Pháp Viện làm người da đen hết sức phấn khởi nhưng một số tiểu bang lại coi đó là một sự xâm lấn vào quyền hạn của các tiểu bang. Thống đốc của tiểu bang Alabama đã không ngần ngại coi Tối Cao Pháp Viện như là một tên đạo chích, đêm đêm lẻn vào rón dần từng quyền hạn một của các tiểu bang.

Năm 1960, ông Kennedy ra tranh cử Tổng-Thống với một chương trình hứa hẹn bảo đảm đầy đủ quyền công dân cho người da đen, và hôm làm lễ tuyên thệ nhậm chức, ông đã mời nữ ca sĩ da đen Marian Anderson hát bản quốc ca tại khán đài danh dự.

Nhưng hơn một năm sau tại trường đại-học Oxford, tiểu bang Mississippi, anh chàng sinh-viên da đen Meredith cũng vẫn không được vào học và Kennedy đã phải gửi tới 16.000 binh sĩ mới đưa được anh ta vào lớp, sau khi hàng trăm người bị thương và hai người chết trong đó có ký giả người Pháp Paul Guinard.

Năm 1963, lại xung đột giữa cảnh binh và người da đen tại Birmingham, tiểu bang Alabama, lý do là các khách sạn tiệm ăn, hồ tắm vẫn không chịu nhận khách hàng da đen.

Trong khi đó một số tiểu bang vẫn không chịu ghi người da đen vào danh sách cử tri hay đặt ra nhiều cuộc sát hạch về trình độ học vấn, đặt những câu hỏi hiểm hóc về sử ký hay hiến pháp Hoa Kỳ cốt để gạt ra ngoài danh sách cử tri những người da đen xét chưa đủ « năng lực » để đi bầu.

Tổng Thống Kennedy thì không thể nào quên được mình đã thắng ông Nixon nhờ đã thâu được 80 phần trăm phiếu của người da đen. Nay lại sắp đến cuộc bầu cử năm 1964, Kennedy muốn chuẩn bị ra tái cử, bó buộc phải bảo đảm cho kỳ được quyền đi bỏ phiếu của những người công dân khác màu da đó.

Tình thế đã đến lúc chín mùi để Kennedy đệ trình quốc hội dạo dự luật về công quyền nhằm xóa bỏ hết các vết tích của nạn kỳ thị chủng tộc.

* * *

Tháng 6 năm 1963, đạo dự luật được đệ trình Hạ nghị viện, nhưng tới tháng 11 năm đó thì Kennedy bị ám sát. Bản văn đó nằm ngủ im lìm cho tới tháng 2 năm 1964 mới được sửa đổi đôi chút rồi gửi sang Thượng-nghị-viện, sau khi Tổng Thống Johnson có lời yêu cầu Hạ-nghị-viện nên vì lòng tưởng niệm đến công nghiệp của cố Tổng Thống Kennedy mà xét dự luật cho mau lẹ.

Sang đến Thượng-nghị-viện, dự luật lại gặp một trở ngại khác. Các Thượng-nghị-sĩ các tiểu bang miền Nam chống

lại đạo luật đã dùng một thứ khí giới hợp pháp để làm bế tắc cuộc bỏ phiếu. Họ dã dựa vào điều 22 của nội-quy cho phép họ có quyền tha hồ bàn cãi thảo luận, tha hồ kéo dài các phiên nhóm. Và nếu họ còn nói, là chủ tịch phiên nhóm chưa có quyền cho biểu quyết về đạo luật. Chiến thuật này được đặt tên là « Filibuster ». Những Thượng-nghị-sĩ muốn làm bế tắc cuộc biểu quyết chia nhau ra làm 3 nhóm, rồi lần lượt thay phiên nhau lên diễn đàn, nhóm nầy nói thì 2 nhóm kia đi ăn uống hay nghỉ ngơi. Nhiều thượng-nghị-sĩ đã lập ra nhưng kỷ lục nói lâu. Tới nay thì quán quân là Thượng-nghị-sĩ Thurmond với kỷ lục 24 giờ 18 phút, và đệ nhị anh hào là Thượng-nghị-sĩ Wayne Morse với 22 giờ 26 phút.

Người ta tự hỏi các tay filibuster làm thế nào mà nói được lắm thế? Mưu của họ thật là giản dị: ông thì mang thánh kinh ra đọc, ông mang sách nấu ăn, có ông vác những bài diễn văn của những vị Tổng Thống trước, có ông khệ nệ khuân lên diễn đàn hàng chồng báo cũ để ngâm nga. Cái khổ nhất là dù nghe chán tai đến mấy, phe đối lập cũng không bỏ ra về được vì nếu họ về thì các ông Filibuster bỏ phiếu để bác đạo luật ngay, nếu chỉ còn có các ông đó ở lại thì lẽ tất nhiên các ông ấy thắng. Vì vậy mà phe đối lập lúc nào cũng phải lo giữ đủ mặt đa số 51 thượng-nghị-sĩ, muốn nằm, ngồi, ngủ gật thế nào tùy ý, nhưng phải chịu cái cực hình nghe các filibusters lảm nhảm suốt ngày đêm và đề phòng họ bác mất đạo luật.

Chỉ có một cách chấm dứt được chiến thuật cao-su của các filibusters. Đó là khi nào 2 phần 3 Thượng-nghị-sĩ đồng ý bỏ phiếu khóa cuộc thảo luận (cloture).

Đạo luật công quyền bảo đảm quyền công dân cho người da đen đã bị các ông filibusters làm bế tắc cuộc biểu quyết trong 87 ngày đêm không ngừng nói. Sau cùng nhờ sự khéo léo của Thượng-nghị-sĩ Dirksen kéo được đủ 2 phần 3 bạn đồng viện khóa các máy nói, đạo luật mới được đưa ra biểu quyết với 71 phiếu thuận và 29 phiếu nghịch.

Cuộc bỏ phiếu « khóa » những chuyện thảo luận dông dài này cũng có những phút nghẹt thở như khi Thượng-nghị-sĩ Clair Engle tiến vào phòng nhóm. Theo thường lệ khi ông Chủ-tịch gọi đến tên ai thì người đó trả lời:

— Aye, (đọc là ai ơ) nếu bỏ phiếu thuận và Nay (đọc là nây) nếu bỏ phiếu chống. Chủ-tịch xướng danh:

— Ông Clair Engle, tiểu bang California

Và Engle tiến vào trên một cái xe lăn. Vì đã hơn 2 tháng nay, Engle nằm nhà thương để chịu giải phẫu về óc. Ông ta chưa đi đứng nổi và cũng không nói được. Để trả lời ông Chủ tịch, Clair Engle cố gắng mấp máy đôi môi nhưng cũng không có một tiếng nào phát ra. Và Engle đã từ từ dơ tay trái lên chỉ vào mắt mình để ra hiệu.

Cả phòng nhóm đã hiểu là Engle bỏ phiếu thuận vì « mắt » tiếng Anh kêu là « Eye » đồng âm với « Aye » nghĩa là thuận.

Được biểu quyết trong những hoàn cánh bi đát như vậy, đạo luật công quyền đã mang lại cho người da đen những gì ?

Đạo luật gồm 7 điểm chính :

1) Thủ tục ghi tên trên danh sách cử tri được áp dụng đồng đều cho mọi người.

2) Cệm không được phân biệt màu da trong khách sạn, tiệm ăn, tiệm giải khát, rạp hát, sân thể thao hay tại các cây săng Bộ-trưởng Tư-Pháp có thể truy tố những người kỳ thị chủng tộc để luật pháp được tuân hành

3) Bình đẳng tại các nơi công cộng như công viên, bệnh viện, thư viện.

4) Bình đẳng tại các trường công và các trường đại học.

5) Chính phủ liên bang có quyền ngưng cấp tài trợ cho những chương trình hoạt động nào trong đó còn có phân biệt màu da.

6) Không một chủ nhân nào dùng trên 100 công nhân mà có quyền từ chối không mướn người làm vì lý do chủng tộc, tôn giáo. Một ủy-ban về sự « thâu dụng đồng đều » được thành lập để giúp đỡ công nhân.

7) Đặt tại Bộ Thương-Mại một cơ quan « Giao-tế Cộng-đồng » để giải quyết những vụ kỳ thị chủng tộc.

Ngày mồng 2 tháng 7 năm 1964, Tổng Thống Johnson ký tên phê chuẩn đạo luật công quyền vừa được Quốc-Hội biểu quyết. Ông ta đã dùng tới 72 cái bút để ký rồi tặng cho mỗi người tới dự buổi lễ một cây bút để kỷ niệm ngày

SÁCH BÁO MỚI

— **Chắp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện** tập thơ của Nhất Hạnh, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 108 trang, gồm 2 phần : « Xin gọi hết muôn sao về cầu nguyện » và « Hoa mặt trời», 34 bài thơ, bìa bo Hiếu Đệ vẽ, bản đặc biệt không đề giá.

— **Vòng thời gian** thơ Phổ Đức do Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương vào đề, Nguyễn Hiền phổ nhạc, bìa và phụ bản do Duy Thanh Hoàng Hương Trang v. v... Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng Tập thơ dày 68 trang, gồm 41 bài thơ. Giá bán 50đ.

mà vấn đề chủng tộc tiến thêm được một bước quyết định.

Người đầu tiên được hưởng các điều khoản của đạo luật mới là chú nhỏ da đen Eugene Young, 13 tuổi. Chú ta vào tiệm hớt tóc của một người da trắng, nhảy lên ghế chìa ra 2 đô la, rồi ra hiệu muốn cắt tóc. Chủ tiệm Lloyd Soper mang dao kéo ra hớt liền. Chỉ mới ngày hôm trước thôi, Eugene Young cũng vào tiệm này và đã bị Soper mời ra khỏi cửa ngay lập tức.

Nhưng không phải ở đâu đạo luật cũng được áp dụng một cách dễ dàng như vậy. Tại những thành trì kỳ thị ở miền Nam, vấn đề vẫn gần như không nhúc nhích. Người da đen vẫn bị làm khó dễ khi xin ghi tên vào sổ cử tri, vẫn bị sát hạch bằng những câu hỏi thật hiểm hóc.

Nhà lãnh đạo nhiều uy tín nhất của người da đen, mục-sư Martin Luther King, giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1964, (1) đã chọn một đường lối tranh đấu mới, biểu tình bất bạo động cho tới khi người da đen có đầy đủ quyền công dân.

Chính mục sư King cũng nhận thấy là đường lối này có thể đưa tới nhiều bất ngờ. Đã bao nhiêu năm nay ông ta đã tranh đấu trong vòng luật pháp, nhưng bây giờ thì « vấn đề đi quá xa rồi không thể trở lại được nữa ».

Martin Luther King đã chọn thành phố Selma, tiểu bang Alabama để phát động cuộc đấu tranh. Selma đáng được coi là thành phố điển hình cho sự kỳ thị chủng tộc. Dân số 29.000 người chia ra 14.400 người da trắng và 15.500 người da đen, nhưng trên danh sách cử tri thì người da trắng chiếm tới 99 phần trăm, chỉ còn lại 1 phần trăm cho người da đen. Ngay trong quá khứ, Selma cũng đã từng nổi tiếng với một đạo luật năm 1852 theo đó thì một «anh da đen nào bị bắt gặp ở ngoài đường, miệng ngậm xì gà hay tay cầm can thì sẽ bị đánh 39 hèo ».

Ngày mồng 7 tháng 3 vừa qua, 600 người da đen biểu tình đòi ghi tên trên danh sách cử tri và đã bị cảnh-sát đàn áp dữ dội khiến 80 người bị thương. Để trả lời Mục sư King bèn dẫn đầu một cuộc diễn hành từ Selma tới Montgomery, thủ-đô của tiểu bang Alabama, đường dài 80 cây số chia làm 5 chặng đi trong 5 ngày, chuẩn bị chu đáo đến nỗi người ta không quên mang theo 32 cầu tiêu xách tay.

Thống đốc tiểu bang, ông Wallace tố cáo cuộc diễn hành có « bàn tay Cộng-Sản », được « báo chí khuyến khích » vì có những « cán bộ tuyên truyền trong hàng ngũ ký giả ». Tổng Thống Johnson trái lại đã tỏ ra hết sức cương quyết. Một mặt ông phái 3.000 binh sĩ bảo vệ cuộc diễn hành, một mặt khác ông lên tiếng trước quốc hội, « nhân danh phẩm giá của con người và tương lai nền dân chủ », đề trình một dự luật mới nhằm bảo đảm chặt chẽ hơn nữa quyền bỏ phiếu của người da đen.

Theo dự luật này, Bộ-trưởng Tư Pháp có quyền bãi bỏ những cuộc sát hạch về « năng lực » hay trình độ học vấn của cử tri trước khi ghi tên họ vào danh sách. Ngoài ra tại những nơi không chịu ghi tên cử tri, hay tại những nơi mà chỉ có dưới 50 phần trăm người đến tuổi đi bầu được ghi tên trong danh sách, thì Bộ trưởng Tư Pháp có quyền thay thế những viên chức địa-phương bằng những viên chức liên-bang để lập danh-sách cử-tri. »

Người ta hy vọng rằng dự luật này có thể ra đời một cách mau chóng không bị các ông filibusters phá ngang như lần trước.

Nhưng cũng như lời Tổng Thống Johnson vừa tuyên bố, « dù đạo luật này ra đời rồi, cuộc đấu tranh cũng vẫn chưa phải là hết ».

Vì pháp lý chỉ là một khía cạnh trong một vấn đề hết sức phức tạp như sự bình đẳng của người da đen ở Hoa kỳ.

Trong 2 năm qua, những tiến bộ về mặt pháp lý đã quan trọng hơn cả

L.T.S. Xin xem Bách-Khoa số 189 ra ngày 15-11-64 trang 73.

những cố gắng trong mấy chục năm trước. Về mặt đời sống vật chất, so ngay cả với những nước mở mang, người da đen Hoa Kỳ cũng không phải phàn nàn, lợi tức của mỗi đầu người khoảng 1.100 đô la và 92 phần trăm các gia đình da đen có máy vô tuyến truyền hình. Ấy thế mà chưa bao giờ vấn đề da đen ở Hoa Kỳ lại nóng bỏng như bây giờ. Lý do là vì pháp luật thực ra chỉ ghi nhận một tình trạng xã hội ; pháp luật không rung động hay cảm nghĩ thay hộ cho xã hội đó. Và biểu quyết một đạo luật, dù có các ông filibusters đi nữa, cũng vẫn là một việc dễ. Áp dụng một đạo luật mới thật là khó, thứ nhất là ở trong vấn đề người da đen, mà những điều khoản ấn định trong các đạo luật sẽ vô hiệu nếu ở trong lòng tất cả mọi người chưa có ghi chép một thứ luật khác, luật của tình yêu, luật của công-bằng.

VŨ-BẢO

ĐÓN XEM

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT-NAM

của HỒ-HỮU-TƯỜNG

(Lần xuất bản thứ 3 này có bài TỰA nói trong hoàn cảnh nào và với dụng ý gì, tác phẩm đã được xây dựng, để cung cấp một đề tài suy tư cho những thế hệ mai sau).

Xuất bản : nhà HUỆ-MINH

Tổng phát hành : nhà SỐNG-MỚI

385, Trần-Quí-Cáp — SAIGON

SÁCH THỜI MỚI

LOẠI SÁNG TÁC *(bìa có lằn gạch màu nâu)*

THƯ NHÀ Võ Phiến (38đ) ★ NGƯỜI TÙ Võ Phiến (in lần thứ hai — 36đ) ★ THƠ TRẮNG của Đỗ Tấn (30đ) ★ LÁ VẪN XANH Võ Hồng (42đ) ★ NHỮNG HẠT CÁT Thế Uyên (hết) ★ THỜ DÀI Túy Hồng (hết) MƯA TRONG SƯƠNG Thế Uyên (70đ) ★ MỘT MÌNH Võ Phiến (đang in).

LOẠI PHIÊN DỊCH *(bìa có lằn gạch màu xám)*

GƯƠNG MÁY J.P. SARTRE do Trần Phong Giao dịch (hết) ★ HĂM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ S. Zweig do Tràng Thiên dịch (in lần thứ hai — 28đ) ★ NGƯỜI CUỒNG MÃ LAI S Zweig do Trần Đình Khải dịch (50đ) ★ CÁI CHẾT CỦA VĂNG I LÍCH L. Tolstoi do Vũ Đình Lưu dịch (32đ) ★ TRUYỆN HAY CÁC NƯỚC do Nguyễn Minh Hoàng và Tràng Thiên dịch (34đ) ★ ÁO ĐEN ÁO ĐỎ E. Brieux do Trần Thúc Linh phóng tác.

LOẠI KHẢO LUẬN *(bìa có lằn gạch màu vàng)*

TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI Tràng Thiên (42đ) ★ CÁC TRÀO LƯU LỚN CỦA TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI A. Maurois do Tràng Thiên dịch (20đ) ★ TẠP BÚT Võ Phiến (32đ) VĂN HỌC NGA SÔ HIỆN ĐẠI Tràng Thiên (đang in).

★ **Thư từ xin gửi : Ô. Võ Phiến, 160, Phan-đình-Phùng — SAIGON**

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn **Hỏa Hoạn** **Hàng Hải** **Linh Tinh**

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : **Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane — Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Douala**

SOCIÉTE D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE
Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLO PROPANE — PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de Carothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

Tổ chức và điều hành các xí - nghiệp của nhà nước

• *NHƯ UYÊN*

TUẦN SAN của Phòng Thương Mãi Saigon, số 398 xuất bản ngày 26-3-1965 đã đề cập đến việc quản trị các xí nghiệp công lập nhân dịp Thủ Tướng Chính Phủ trình bày chương trình hoạt động trước Hội đồng Quốc gia lập pháp. Bài báo cho rằng những sự lỗ lãi và những vụ tranh chấp trong các xí nghiệp công lập đều do sự quản trị vụng về, lề lối làm việc của nhân viên phụ trách. Độc giả cảm thấy ngay Phòng Thương mại không có thiện cảm với chính sách quốc doanh hiện nay,

Bài này không nhằm mục đích phê bình lập trường và lập luận của phòng Thương mãi hoặc biện hộ cho các ban quản trị các xí nghiệp công lập. Chúng tôi chỉ muốn nêu lên một vài điểm thực tế liên quan đến các vụ kinh doanh của nhà nước, dưới hình thức công quản (vốn do nhà nước hoàn toàn xuất ra) hay xí nghiệp hỗn hợp (hợp tác với tư bản tư nhân).

Chúng tôi xin miễn phân tách những lý do đã khiến nhà nước đầu tư vì thực ra những lý do này không thể sắp xếp theo một triết lý chánh trị hay những nguyên tắc phát triển thuần nhất nào hết.

Trong thực tế, các vụ kinh doanh của nhà nước, như định nghĩa ở trên có thể sắp làm 3 loại : (a) Cung cấp tiện nghi cho quần chúng hay kỹ nghệ như công quản hỏa xa, công quản xe buýt, điện lực Việt-Nam, Saigon thủy cục, (b) kỹ nghệ chế biến như công quản xi măng Hà tiên, công ty đường Việt Nam, khu kỹ nghệ An Hòa và (c) khai thác nguồn lợi thiên nhiên như công quản mỏ than Nông Sơn, công ty nước suối Vĩnh Hảo,

Dân chúng sẵn sàng tin rằng khi bỏ vốn ra kinh doanh, chánh phủ nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển kinh tế và thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của mọi người. Tuy nhiên những mục đích cao đẹp ấy không thể được viện dẫn để chứng minh những sự hoang phí đưa đến thua lỗ Các xí nghiệp do nhà nước tạo ra đều thụ hưởng tình trạng độc quyền cung cấp hay thị trường bảo đảm chắc chắn. Nói một cách khác, một tấn xi măng có đắt thêm năm chục một trăm, 1 kilowatt điện có phải trả thêm 5 cắc hay 1đ, một kilô đường trắng có phải trả thêm 3đ hay 4đ người tiêu thụ vẫn phải chịu, hay các thứ hàng ấy vẫn có thể bán được. Cho nên cần phải bảo vệ dân chúng đối với sự « bóc lột » của những xí nghiệp có ưu thế nói trên. Nếu không, chánh phủ sẽ tạo ra một tình trạng rất thiếu công bằng, hoặc vì những cá nhân được may mắn nhận lãnh quản trị các xí nghiệp công lập và bán công thụ hưởng những lợi lộc không tương xứng với tài năng, hoặc vì thế hệ hiện tại phải hy sinh gánh chịu quá nặng sở phí của công cuộc khuếch trương.

Bất cứ một xí nghiệp nào cũng khải theo quy luật chung của các xí nghiệp nếu muốn hoạt động lành mạnh. Quy luật chung của các xí nghiệp là thực hiện tiền lời, nhờ sự quản trị khéo léo. Ít khi người ta eó thể đòi hỏi một xí nghiệp đạt lời ngay trong những năm hoạt động đầu tiên. Nhưng cũng không ai dại gì bỏ tiền ra thiết lập một xí nghiệp phải chịu thua lỗ mãi mãi !

Chánh phủ cần phải giao phó những xí nghiệp của mình cho những quản trị viên lành nghề mới có thể điều khiển hoạt động của xí nghiệp đúng theo quy luật của các xí nghiệp. Tiền lời của một xí nghiệp là sai biệt giữa tổng số thâu và tổng số chi. Đối với các xí nghiệp công lập hay bán công, việc tăng số thâu tương đối dễ vì những lý do đã trình bày ở trên. Sau đây sẽ trở lại điểm ấy. Tổng số chi càng giảm trong khi tổng số thâu càng tăng thì tất nhiên số lời sẽ tăng. Một xí nghiệp thâu dụng những người không thạo việc, hay quá số cần thiết, hay làm việc một cách tắc trách thì không mong gì giảm số chi. Tác giả bài đăng trong Tuần san của Phòng Thương Mãi Saigon hình như cho sự kiện ấy là lý do chính của sự thua lỗ trong một vài xí nghiệp công lập và những khó khăn của một số xí nghiệp công lập khác. Nước nhà còn thiếu doanh gia có hạng, nhưng vấn đề không phải bế tắc nếu chúng ta có một quan niệm khiêm tốn và đỡ cố chấp hơn một chút.

Có nhiều người cho rằng các xí nghiệp cung cấp tiện nghi công cộng nhất thiết phải lỗ nếu xét riêng một xí nghiệp. Nhưng sự lỗ này được bù đắp bằng những điều kiện thuận lợi tạo ra cho các hoạt động trong các khu vực khác. Thí dụ việc chuyên chở hàng hóa, nguyên liệu bằng xe lửa, việc chuyên chở dân chúng từ ngoại ô vào trung tâm các đô thị lớn ; thí dụ điện lực rẻ sẽ giúp cho kỹ nghệ mở mang. Tình trạng này đã sảy ra tại một số nước. Nhưng ý kiến này không hoàn toàn đúng. Điện lực ở Nhật Bổn, các phương

ĐÃ IN XONG

TÌM ĐẸP

(MỸ HỌC)

của ĐOÀN-THÊM

TÁC GIẢ TÌM HIỂU HỘI - HỌA
do NAM-CHI TÙNG-THƯ ấn hành
● *thư và tiền nong xin gửi về :*

KIM - LAI ẤN - QUÁN
3, Nguyễn-Siêu — SAIGON

tiện giao thông ở Huê kỳ đều cung cấp bởi tư nhân — nghĩa là trên căn bản thương mãi, có lời — thế mà sự phát triển kỹ nghệ tại hai nước ấy không bị cản trở.

Bây giờ xin trở lại phần thâu của các xí nghiệp công lập hay bán công. Như đã ghi trên đây, các xí nghiệp này ở tình trạng hưởng độc quyền cung cấp hay thị trường bảo đảm. Người tiêu thụ không còn cách gì đối phó ngoài việc nhịn dùng, nhìn mua các phẩm vật hay dịch vụ do các xí nghiệp công lập và bán công cung cấp theo giá ấn định. Nếu những giá này quá cao thì chẳng là một sự thiệt thòi lớn cho người tiêu thụ hay sao ? Và chẳng đi ngược lại chính sách hạ giá sinh hoạt của chánh phủ hay sao ? Giá cao có thể vì các xí nghiệp đã không được quản trị đúng mức. Giá cao có thể vì một thứ thuế trá hình đã được thêm vào giá hàng, giá dịch vụ do xí nghiệp công lập hay bán công cung cấp.

Chúng tôi xin đan cử giá đường. Giá đường chúng ta tiêu thụ hiện thời đã được ấn định vào khoảng giữa năm 1963, căn cứ vào giá đường bồi nhập cảng lối 300 Mỹ kim một tấn. Nhớ lại hồi ấy, sau khi Cuba nhận bán cho Nga Sô một số đường quan trọng và viễn tượng mất mùa mía tại nhiều nước, giá đường trên thị trường quốc tế cao lên vùn vụt. Các chuyên gia tiên đoán giá đường bồi có thể lên đến 350 Mỹ một tấn và tình trạng khan hiếm đường có thể kéo dài vài năm. Trong giá đường hiện nay, một phần thâu hẳn cho công ty đường, thay đổi ít nhiều tùy theo giá đường nhập cảng, một phần công ty đường thâu cho chánh phủ như một thứ thuế. Dĩ nhiên phần thứ hai này cũng thay đổi vì giá đường bán cho người tiêu thụ là giạ nhứt định ; phần này có thể lên đến 10đ một kilô !

Sự đóng góp của người tiêu thụ rất là nặng vì lẽ từ ngày định giá đường mới tới nay, đường bồi nhập cảng cao nhứt chỉ hơn 200 Mỹ kim một tấn. Cách đây lối 2 tháng các báo đăng tin rằng Đài Loan đã nhận cung cấp cho công ty đường với giá lối 70 Mỹ kim một tấn ! Như vậy phần thuế phụ thu trên một kilo đường — chưa kể thuế nhập cảng, thuế sản xuất — có thể lên đến 15đ. Sở dĩ chúng toi nói đến đường nhập cảng là vì phần lớn đường trắng chúng ta tiêu thụ lúc này là đường bồi ngoại quốc đã được công ty đường Việt Nam nhập cảng và học tại Saigon.

Đối với dân chúng, bất luận khoản thuế phụ thâu dùng vào mục đích gì, thiết tưởng cũng quá cao, giá đường cần được định lại vì yếu tố khiến chánh phủ ấn định nó ở mức hiện thời tối nay chưa sầy ra ra và chắc sẽ không sầy ra. Đã từ lâu rồi,

giá sanh hoạt không ngưng tăng lên. Chánh phủ muốn làm giảm giá sanh hoạt tưởng có thể bắt đầu bằng cách xét lại giá các hàng hóa và dịch vụ do các xí nghiệp công lập và bán công cung cấp cho dân chúng. Nếu các xí nghiệp tư cũng theo đó mà xét lại giá cả của họ thì chắc chắn giá sanh hoạt sẽ xuống phần nào.

Đối với công ty đường, vì lẽ chánh phủ có quá nửa số vốn, chánh phủ nên coi xem việc quản trị có thực hợp lý không, vì sở phí quản trị ảnh hưởng giá chế biến đường. Mặt khác chánh phủ cũng cần xét xem giá đường có được tính một cách đứng đắn không, vì lẽ số thuế phụ thâu là số sai biệt giữa giá bán nhứt định cho dân chúng và số tiền (giá thành và lời) công ty được thâu đứt chh nó. Ta không nên quên gần nửa số vốn công ty thuộc quyền sở hữu của một nhóm ngoại nhân và nhóm này sẽ chia xẻ tất cả các món tiền mà đáng lý công ty phải hoàn lại chánh phủ.

Chúng tôi được nghe một vị trong đương kim chánh phủ nói rằng chánh phủ có một chương trình « bốn món ăn chơi » trong khi chờ đợi thực thi những dự án nồng cốt.

Xét lại việc quản trị các xí nghiệp công lập và bán công có thể là món heo quay, món vịt tiềm hay món cá đút lò dân chúng chờ đợi trong bữa tiệc thâu đêm, Hạ ngay giá đường là một « món ăn chơi » hạp vị !

NHƯ UYÊN

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◆ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

NGUYỄN-PHƯƠNG

lịch-sử LẠC-VIỆT

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 197)

V. — ANH HÙNG LẠC-VIỆT

Hai bà Trưng đã để lại cho hậu thế một gương phụ nữ quật cường hiếm có. Hai bà đã gây thơm danh cho nòi giống Lạc Việt và đã được sử sách Trung quốc nói đến một cách cảm phục. Tên hai bà là Trưng Trắc, chị, và Trưng Nhị, em. Về hai bà *Hậu Hán thư* (747/3) chép :

« Ở Giao Chỉ có người đàn bà tên là Trưng Trắc và em gái là Trưng Nhị nổi lên làm loạn, đánh phá trong quận. Người man di ở các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, cướp phá hơn 6o thành ở Lĩnh ngoại. Trắc tự xưng vương. »

(Hựu Giao Chỉ nữ tử Trưng Trắc, cập nữ đệ Trưng Nhị phản, công đầu kỳ quận. Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố man di giả ứng chi, khấu lược Lĩnh ngoại lục thập dư thành. Trắc tự lập vi Vương.)

Theo sử liệu này, hai bà Trưng đã nổi dậy trong quận Giao Chỉ. Ở các quận khác, người man di đã theo gương hai bà đứng lên chống đánh người Tàu. Cả ở Giao Chỉ, cả ở các nơi, những thành bị đánh phá như thế có đến hơn 6o. Các quận khác, không ai xưng Vương, chỉ có ở quận Giao Chỉ, Trưng Trắc xưng Vương mà thôi.

1) Nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa

Đoạn này không cho biết nguyên nhân của cuộc nổi dậy. Nhưng dựa vào hoàn cảnh chính trị Trung quốc bây giờ, chúng ta cũng thấy được đó là sự

thay đổi trong chính sách nhà Hán. Bấy giờ nhà Tây Hán mới chấm dứt với loạn Vương Mãng (năm 23) và nhà Đông Hán lên thay. Nhà Tây Hán là một nhà chinh phục, lo việc mở mang đất đai, hơn là bắt ép dân vào khuôn khổ chặt chẽ. Chính sách của họ vì đó mà có phần rộng rãi, cởi mở. Hơn nữa, những đại diện của họ ở Lạc Việt lại là những người đầy lòng nhân đạo, đã không bóc lột, lại công gắng giáo hóa nhân dân. Những thái thú như Tích Quang ở Giao Chỉ, Nhâm Diên ở Cửu Chân là những người đã để lại tiếng tốt ở người dân bản xứ.

Nhà Đông Hán vừa trải qua kinh nghiệm của một thời đại loạn, nên lo lắng nhiều trong việc củng cố quyền bính. Các nhà chức trách có bổn phận phải bắt dân địa phương giữ luật pháp chu đáo, đến cả các dân man di cũng vậy. Trong tình trạng đó thái thú Tô Định, sang Giao chỉ 9 năm sau khi nhà Đông Hán lên cầm quyền, đã tỏ ra cứng rắn. Vừa thiếu khôn khéo lại vừa tham lam, Tô Định đã chạm trán với chí khí hùng dũng của hai bà Trưng.

Vào thế kỷ VIII, Thái tử Hiền đã nói rõ nguyên nhân đó khi chú thích đoạn *Hậu Hán thư* trên. Ông viết :

« Thái thú Giao Chỉ là Tô Định lấy pháp luật trói buộc, nên Trắc tức giận làm phản. » (Giao chỉ Thái thú Tô Định dĩ pháp thằng chi, Trắc oán nộ, cố phản).

Nguyên nhân vừa nói, cũng cắt nghĩa cho chúng ta sự kiện các dân man di mau chóng hưởng ứng cuộc nổi dậy của hai Bà. Trong thời xa xưa như vậy, Cửu chan, Nhật Nam, Hợp Phố, cần phải mất công mất thì giờ nhiều mà chưa chắc đã thành công. Còn hai bà Trưng, không vận động gì hết mà man di các nơi đều đồng một lòng đứng dậy. Đó chắc chắn phải là do một duyên cớ chung, gây nên bởi nơi công phẫn chung : chính sách nghiêm nhặt hơn của nhà Đông Hán.

Nhưng tại sao bắt giữ luật pháp — dĩ pháp thằng chi — lại có thể làm cớ cho những nỗi công phẫn mạnh đến thế ? Người ta có thể lấy làm lạ nếu xét về những dân văn minh ngày nay, nhưng chắc không có ai ngạc nhiên khi nhận định rằng đấy là nói về dân Lạc Việt vào thế kỷ I. Đã quen với thói tự do phóng túng ở chỗ rừng núi, khe động, đã quen với đời sống rất giản dị, rất gần với chiên nhiên, dân Lạc Việt sẽ vùng vẫy trước mọi hình thức gò bó của văn minh, cũng như của luật pháp, huống hồ, khi luật pháp lại được đem áp dụng bởi một người tàn nhẫn. Và người ta thấy họ liều chết để chống lại.

Nhưng ngoài nguyên nhân ép giữ luật pháp đó, tập truyền Việt Nam lại còn thêm vào một số lý do nữa cho cuộc nổi dậy của hai bà Trưng. Từ thế kỷ 13, các sử gia Việt Nam đã đặt Trưng Vương vào hàng các vua thuộc truyền thống quốc sử, và họ cho hai Bà đã vì nợ nước thù chồng mà khởi nghĩa.

Vì nợ nước, họ hiểu ngầm trong việc người Trung quốc đã sang xâm lăng lĩnh thổ Việt Nam, và người Việt Nam phải đánh đuổi đi. Vấn đề này hư

thực thế nào, chúng tôi đã bàn đến trong bài « Tiến trình hình thành quốc gia Việt Nam » (Đại Học số 32). Ở đây xin bàn riêng về tập truyền nói bà Trưng Trắc thù chồng.

Ngô Sĩ Liên đã viết :

« Canh tí (40), năm đầu (năm thứ 16 hiệu Kiến Vũ nhà Hán) mùa xuân, tháng hai, Vương đau lòng vì Tô Định lấy chính pháp ràng buộc, lại căm thù vì Định đã giết mất chồng, bèn cùng em gái là Nhị cử binh đánh phá châu trị » (q.3, 2ab).

(Canh tí, nguyên niên, Hán Kiến Vũ thập lục niên, xuân, nhị nguyệt, vương khổ Thái thú Tô Định thẳng dĩ chính, cập thù Định chi sát kỳ phu, nãi dự kỳ muội Nhị, cử binh công hãm châu trị).

Bà Trắc thù chồng, vì Tô Định đã giết chồng bà. Chồng bà bị giết bao giờ ? Theo đây thì phải bị giết trước khi bà nổi dậy, và ít nhất là trong năm Canh tí (40). Hỏi có thực sự như vậy không ? Và chồng bà là ai đã ?

Ngô Sĩ Liên sẽ trả lời một cách dễ dàng rằng chồng bà Trưng là « Thi Sách, người huyện Châu Diên ». Rồi ông chú thêm rằng : « Thi Sách cũng là con Lạc tướng, con hai nhà tướng kết hôn với nhau » (3, 2a). Sao mà ông biết được rõ thế. *Việt điện U linh tập* chép : « Bà (Trắc) được gả cho Thi Sách, người huyện Châu Diên. Thi Sách là người có sức mạnh, trọng hào khí, tiếng dồn khắp nơi, bị thứ sử Tô Định dùng kế giết đi. » Nhưng điều đó học giả Việt Nam, đã học được ở sử sách Trung quốc, nhất là ở *Hậu Hán thư*. Chú thích đoạn văn của Phạm Việp đã trích trên, Thái tử Hiền cho biết :

« Trưng Trắc là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh được gả làm vợ một người huyện Châu Diên là Thi Sách, bà rất hùng dũng ».

(Trưng Trắc giả, Mê linh huyện Lạc tướng chi nữ dã, giá vi Châu Diên nhân Thi Sách thê, thậm hùng dũng).

Nên chú ý điều này : mặc dầu lời chú nằm trong bản văn của *Hậu Hán thư* — in bằng cỡ chữ nhỏ hơn —, nhưng không phải là đồng thời. Phạm Việp chép vào thế kỷ thứ 4, mà Thái tử Hiền chỉ chú vào thế kỷ thứ 8. Một điều cần chú ý nữa, là ở lời chú của Thái tử Hiền, tính cách hùng dũng ăn về Trưng Trắc ; còn ở *Việt điện U linh tập*, tính cách đó hiển nhiên được đem về chồng bà. Đọc vào câu hán văn của Lý Tế Xuyên sau đây càng thấy rõ chỗ đó :

« Tị (Trắc) đích Châu Diên huyện nhân Thi Sách, hữu dũng lực, thượng hào khí, thứ sử Tô Định thiết pháp hãm chi ».

Bây giờ thử hỏi đọc vào *Hậu Hán thư* với lời chú như vậy, đã phải là cùng đường tìm kiếm chưa ? Chưa, vì căn cứ vào lời văn của Thái tử Hiền, người ta biết được ông đã lấy ở một nguồn khác, *Thủy Kinh chú*. Tác giả sách này, vào thế kỷ thứ 6, đã qua vùng Mê Linh, và đã ghi lại những điều nghe thấy. Lệ-Đào-Nguyên nói về chồng bà Trắc rằng :

« Con trai của Lạc tướng Châu Diên tên là Thi, đã hỏi con gái Lạc tướng

Mê Linh tên là Trưng-Trắc làm vợ. Trắc là người can đảm, hùng dũng, cùng Thi nổi dậy làm giặc. Mã-Viện đem quân sang đánh, Trắc và Thi chạy vào Cầm-Khê » (37, 62a).

(Châu Diên Lạc tướng tử danh Thi, sách Mê-linh Lạc tướng nữ danh Trưng Trắc vi thi. Trắc vi nhân hữu đảm dũng, tương Thị khởi tặc. Mã Viện tương binh thảo, Trắc Thi tẩu nhập Cầm Khê).

Theo câu vừa dẫn không sao hiểu được rằng tên của chồng bà Trắc là Thi Sách, mà nhất định tên đó chỉ có thể là Thi. Huệ Đống đã giải thích rõ điểm này rằng :

« Cứu Triệu Nhất Thanh viết : Sách thê do ngôn thú thê. Phạm sử tác : « Giả vi Châu Diên nhân Thi Sách thê » mậu hỉ. Án Thủy kinh chú ngôn « tương Thi », ngôn « Trắc, Thi », minh chỉ danh Thi »

« Xét Triệu Nhất Thanh nói : « sách thê » còn có nghĩa là cưới vợ » : sách sử học Phạm chép « Giả làm vợ người Châu Diên là Thi Sách » là sai. Xem *Thủy kinh chú* thấy nói « tương Thi » rồi nói « Trắc, Thi » chỉ rõ rằng tên ông đó là Thi).

Những đoạn văn trên đây, làm chứng về tên của chồng bà Trắc, mà đồng thời cũng cho biết rằng bà Trắc nổi dậy không phải là vì thù chồng. Ngô-Sĩ-Liên nói bà báo thù cho chồng, vì chồng bà bị Tô-Định giết, nhưng đàng này sử liệu cho biết rõ là Tô-Định không hề giết chồng bà Trắc. Khi bà Trắc nổi dậy rồi, và Tô-Định đã bị đuổi về rồi, ông Thi vẫn còn sống và cộng tác với vợ trong công cuộc khởi nghĩa. Mãi lúc Mã-Viện đem quân sang đánh, ông mới cùng vợ chạy vào Kim Khê.

2) Phạm-vi hoạt-động của hai bà Trưng.

Kết quả của cuộc nổi dậy cũng cần phải xác-định. Nhiều học giả đã nhận lầm rằng hai bà Trưng đã đánh phá hơn 60 hay là 65 thành. Vậy thử hỏi hai bà Trưng đã hoạt động được bao nhiêu ?

Hoạt động của hai bà Trưng có thể xét về phạm vi địa-lý và về hiệu lực. Không thể nói được là hai bà Trưng đã đánh phá hết tất cả ở hơn 60 thành của lĩnh ngoại. Theo *Hậu Hán thư*, thì hai Bà chỉ « công đắu kỳ quận », nghĩa là đánh phá trong quận của hai Bà, quận Giao chỉ ấy, mà chưa hề ai nghĩ rằng hơn 60 thành nói đây là thuộc về quận Giao chỉ. Chúng ta phải phân biệt như Phạm-Việp là hai bà Trưng « công đắu Giao Chỉ », và dân man di « khâu lược » các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, và nói chung lại ở Lĩnh ngoại, có chừng hơn 60 thành bị đánh phá.

Các cuộc khởi nghĩa bùng lên và tan rã nói rõ nó không được điều khiển bởi một thủ lĩnh chung. Sở dĩ khắp nơi đều đứng dậy trong một lúc, là vì một nguyên nhân chung như đã nói trên ; nhưng tại sao nó thất bại mau chóng như thế ? Đó là vì không có lực lượng lớn. Mỗi nơi hoạt động riêng, nên mỗi nơi dễ bị quân đội địa phương của Trung quốc đánh dẹp. Chúng ta nhận được ngay điều này là Mã Viện chỉ sang bình định Giao Chỉ, còn các nơ

như Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đã tan trước. Mã Viện có vào Cửu Chân, nhưng đó là vì dư đảng của hai bà Trưng chạy vào. Trong cuộc khởi nghĩa rầm rộ và rộng rãi đó, chỉ hai bà Trưng là kéo dài được một thời gian, nên danh tiếng của cuộc khởi nghĩa thuộc về hai bà.

3) Hai bà Trưng với Mã-Viện.

Nhưng quyền thế của hai bà trên dân Lạc Việt không được lâu bền. Vào năm 42, một vị anh hùng Trung quốc, Mã Viện đã được đề cử đi dẹp các nữ anh hùng Lạc Việt. Mã Viện bấy giờ, không phải chỉ là một tướng lão luyện, mà còn là kẻ mới thắng giặc Lý Quảng ở Hoàn-Thành. Sở dĩ Hán đế phải cậy đến một người tài cao như thế, không phải chỉ vì tình trạng ở Giao Chỉ trầm trọng mà thôi, mà cũng là do hoàn cảnh chung. Triều Hán vừa mới bị lung lay dưới thời Vương Mãng, và bây giờ nhiều nơi vẫn còn chống lại nhà vua. Bởi vậy, đối với loạn Giao Chỉ, vua Quang Võ (25-57) phải chọn một người cầm quân thế nào cho chắc chắn phần thắng.

Khi đã định chọn Mã Viện đi chinh phạt Giao Chỉ, vua Hán tặng cho ông chức Phục Ba tướng quân, một chức như Hán Võ đế (140-87 B.C) đã tặng Lộ Bác Đức 150 năm trước, khi ông này khởi binh đi đánh Nam-Việt. Cùng đi với Mã Viện có Phó tướng Lưu Long, Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí. Đoàn Chí không may đến Hợp phố bị bệnh chết và Viện phải kiêm gánh cả công việc. Quân dưới quyền ông có đến 20 vạn, đến Hợp Phố thêm 12.000 tinh binh Giao Chỉ nữa và ông dẫn tất cả dọc theo bờ núi, phát xẻ hơn 1000 dặm đường, để tìm đón đối diện với quân hai vợ chồng Trưng Trắc và cô Trưng Nhị! *Hậu Hán thư* thuật lại cuộc chạm trán đầu tiên của lực lượng hai bên rằng:

« Năm thứ 18 (hiệu Kiến Vũ nhà Hán — năm 42), mùa Xuân, quân đến vùng Lãng Bạc, đánh phá được giặc, chém giết được mấy nghìn đầu. Những kẻ lần lượt xin hàng, kể được hơn vạn người. Viện đuổi theo bọn Trưng Trắc đến Cầm Khê, đánh thắng mấy trận, giặc phải tan chạy. »

(Thập bát niên, xuân, quân chi Lãng bạc thượng, dự tặc chiến phá chi, trảm thủ số thiên. Cấp hàng giả, vạn dư nhân. Viện truy Trưng Trắc đẳng chi Cầm Khê, số bại chi, tặc toại tán tẩu.)

Thắng ở Giao Chỉ, Mã Viện cố đuổi theo dư đảng của hai Bà Trưng là bọn Đô Dương. Ông lùng bắt họ từ Vô công đến Cư Phong ở quận Cửu Chân, giết được hơn năm nghìn người.

Xong về mặt quân sự, ông quay về việc củng cố quyền bính Trung quốc. « Qua huyện nào, ông cũng xây đắp thành quách. Ông tâu Hán đế xin chia huyện Tây Vu ra làm hai, vì huyện đó « có ba vạn hai nghìn nhà » và từ nơi cương giới xa nhất đến huyện lỵ có đến hơn nghìn dặm. » Hán đế bằng lòng chia ra làm Phong Khê và Vọng Hải. Ông còn dạy dân đặt cừ, khai mương dẫn nước, làm lợi cho dân. Sau hết, ông đem luật pháp Trung quốc giải thích cho dân Lạc Việt, và họ nghe lời ông.

Những điều vừa nói, các sử gia Việt

Nam đã lập lại của sử sách Trung quốc, hầu như nguyên văn. Dầu vậy có một chỗ hai đàng không được giống nhau, đó là về cái chết của hai Bà. *Hậu Hán thư* nói một cách gọn ghẽ rằng : « Tháng giêng, năm sau, (năm 43), Viện chém Trưng Trắc, Trưng Nhị, gửi đầu về Lạc dương. » (Minh niên, chính nguyệt, trảm Trưng Trắc, Trưng Nhị, truyền thủ Lạc Dương.)

Tập truyền Việt Nam không muốn thế. Các học giả nói về hai bà phần nhiều tìm cách tránh sự thật trắng trợn đó, vì nó không nhip với lòng họ tôn kính hai bà. Đã đem hai bà vào số các vua Việt Nam, họ muốn cho cái chết của bà phải oanh liệt hơn là chạy trốn vào hang động, bị bắt và bị giết, và đầu phải gửi sang Tàu.

Theo sát *Hậu Hán thư*, có lẽ chỉ có *Lê Tắc* và tác giả *Việt sử lược*. Lê Tắc chép *An-nam chí lược* khi ông đã bỏ Việt Nam, trốn sang ở Trung quốc, nên ông đứng về mặt Trung quốc để nhìn vào lịch sử Việt Nam (hay ông cho là của Việt Nam). Lê Tắc viết : « Năm Kiến Vũ thứ 19, Mã Viện chém yêu tặc là Trưng Nhị và đánh luôn cả dư đảng, bọn Đô Dương. Đến huyện Cư phong, « bọn này đầu hàng » (Thập cửu niên, Mã Viện trảm Trưng Nhị yêu tặc, kích kỳ dư đảng Đô Dương đẳng, chí Cư Phong huyện hàng chi). *Việt sử lược* nói : « Năm thứ 19, Trắc càng ngày càng kiệt cùng bèn bỏ chạy và bị Viện giết » (Thập cửu niên, Trắc ích khốn, toại tẩu, vi Viện sở sát).

Đến lượt *Lĩnh nam trích quái*, câu chuyện bắt đầu khác. Sau khi nói một cách không dứt khoát rằng hai bà « thế cô bị *hãm* chết ở Lãng bạc, » sách đó thêm rằng « Có kẻ nói ; hai bà lên Hy sơn rồi không biết đi đâu. » *Toàn thư* cũng nói với giọng úp mở : « Trưng nữ Vương và em là Trưng Nhị chống đánh quân Hán, nhưng vì thế cô cả hai bị hãm chết. »

Việt sử tiêu án của Ngô Thời Si nói : « Xét quân hai bà Trưng bị thua chạy đến núi Hy Sơn, rồi không biết đi đâu. Trong đền thờ hai bà Trưng, phàm những đồ thờ tự đều sơn đen, tuyệt sơn đỏ, dân địa phương không dám mặc áo đỏ, những khi đến yết cáo, ai có mặc áo đỏ đều cởi bỏ đi, không ai dám xúc phạm đến cấm lệ. Tục truyền rằng Trưng Vương chết vì việc binh đao, nên kiêng sắc đỏ vì giống như máu. » Đầu đoạn này lập lại luận điệu của *Trích quái* cũng cho người đọc liên tưởng đến một cảnh chết lưu huyết.

Cương mục cũng không nói rõ gì hơn : « Trưng Vương và em gái chống với quân Hán bị binh lính bỏ trốn lại thế cô, cả hai thất trận chết »

Vì những sách sử trên không đủ can đảm lập lại hết lời của *Hậu Hán thư*, và dùng những tiếng không dứt khoát, khi nói đến cái chết hai bà Trưng, nên *Đại nam Quốc sử diễn ca* đã không ngần ngại phổ biến trong dân gian những câu như :

Cầm khê đến lúc hiểm nghèo
Chị em thất thế phải liều với sông !

Và để tô điểm thêm ti nữa cho có vẻ văn hay, Tiên đàm Nguyễn Tường Phượng đã viết trong báo *Tri Tân* (số 36, trang 219, ngày 11-3-1942) trong dịp kỷ niệm hai bà rằng : « Chị em Trưng Vương thất thế phải gieo mình xuống cửa sông Hát giang mà tự tận. » Thật là quá xa với sự thật.

NGUYỄN-PHƯƠNG

Kỳ tới : *VI Đời sống của dân Lạc-Việt dưới thời Hán.*

GIẢN-CHI và NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 196)

Vài nét sơ lược về sự phát triển của Triết-học Trung-Hoa trong thời-đại Tiên-Tần :

TRĂM HOA ĐUA NỞ

Sở dĩ có phong trào trăm hoa đua nở đó là nhờ tinh thần tranh biện của các triết gia. Thời trước, Khổng Tử một phần vì bẩm tính trung-hòa, một phần vì không gặp người ngang tài với mình, nên không tranh luận với ai cả. Lão-Tử chủ trương nhường nhịn, nên chỉ trình bày học thuyết của mình, không muốn thắng người. Duy có Mặc-Tử là hăng hái hơn hết, đả đảo chính sách trọng lễ, nhạc, tục lệ đề tang lâu năm và chôn cất xa xỉ của đạo Nho ; do đó gây phong trào tranh luận cho thời sau.

Trong thời này, người đại diện chân chính của Khổng-giáo là Mạnh-Tử Vì phía Mặc giáo, có sự chia rẽ : một nhóm như Tống Kiên (1) giữ đúng tinh thần của Mặc Tử, cũng khắc khổ, bôn tẩu, hô hào mọi người quả dục, giúp đỡ lẫn nhau để cứu loạn cho thiên hạ ; một nhóm gọi là Biệt Mặc — phát huy thêm về tri thức luận, công kích phái biện giả, bọn ngụy biện mà người sau gọi là danh gia. Về phía Lão giáo, có Trang Tử tập đại thành những tư tưởng của Dương Tử, Lão Tử và của Huệ Thi (đồng thời với ông), lập một học thuyết đặc biệt. Ngoài ra lại còn những phái nông gia, pháp gia và âm dương gia nữa.

MẠNH-TỬ

Trước hết chúng tôi hãy xét về *Mạnh Tử*. Ông sinh ở nước Trâu, là môn đệ của Tử Tư (cháu nội Khổng Tử) theo đúng học thuyết của Khổng Tử và phát huy thêm được vài điều quan trọng.

Ông vẫn muốn phục hồi lại chế độ phong kiến nhưng không tôn Chu, nghĩa là không muốn lập lại cái uy thế cho vua Chu nữa (có lẽ vì thấy rằng nhà Chu đã suy quá rồi), hễ có một vị anh quân nào dùng đức nhân mà thống nhất được thiện hạ thì ông cũng ủng hộ.

Ông cho rằng vua không đáng coi trọng bằng dân (dân vi quý... quân vi

(1) Tống Kiên không chắc là môn đồ của Mặc Tử, nhưng sinh sau Mặc và cùng một chủ trương với Mặc, nên chúng tôi sắp chung vào Mặc phái.

khinh) ; tuy chưa cho dân cái quyền làm cách mạng — theo ông phải là một người hiền đức, được Trời giao cho trách-nhiệm cứu dân mới được làm cách mạng — nhưng đã dám gọi bọn bạo chúa là bọn giặc. Ông vẫn giữ thuyết tôn ti, thuyết bất bình đẳng của Nho gia, nhưng đã phát minh ra chủ nghĩa phân lập quyền hành chánh và quyền tư pháp, và chủ nghĩa bình đẳng, trước pháp luật, lại có xu hướng tiến tới chế độ lập hiến, làm cho chính trị học Trung Hoa thêm được ít sắc thái dân chủ.

Ông đề cao đức hạnh coi nó quý hơn tước và bảo nhà cầm quyền trong nước phải thờ người hiền như thầy. Người hiền phải giữ địa vị lãnh đạo trong xã-hội. Về pháp luật thì mọi người được bình đẳng (2) nhưng về tài đức thì có kẻ trên người dưới. Về điểm này ông trái với Hứa Hành (phái nông gia)

Theo Hứa Hành, mọi người trong nước phải cầy cấy lấy mà ăn, không ai được bắt người khác phải nuôi mình, như vậy thì thiên hạ sẽ trị ; Mạnh-Tử bác thuyết đó, bảo Trời sinh có người trí và hiền, công việc trị dân phải giao cho hạng đó, mà người trị dân thì được dân nuôi, người dân « bị trị » thì phải nuôi người « trị » mình, như vậy là luật tự nhiên.

Ông đả kích thuyết vị ngã của Dương Tử, mắng Dương Tử là không có vua. Mạnh nhất là những lời ông bài xích Mặc Tử. Ông chê Mặc ở hai điểm : chủ nghĩa kiêm ái của Mặc là không hợp nhân tình, là coi cha mẹ người như cha mẹ mình, tức là không có cha ; — chủ nghĩa công lợi rất tai hại vì làm cho người trên kẻ dưới ai cũng chỉ nghĩ tới lợi riêng mà bỏ nhân nghĩa. (Sự thực, Mặc Tử không hề khuyên ai nghĩ tới cái lợi riêng của mình mà cực lực hô hào người ta nghĩ tới cái lợi chung).

Một sự phát minh lớn của ông là bàn đến tính và tâm. Về tính, Khổng-Tử chỉ nói : *Tính tương cận, tập tương viễn*, nghĩa là tính con người khi mới sinh gần như nhau, do tập tành và thói quen mà lần lần khác nhau ; còn Mặc Tử thì cho tính người như tấm lụa trắng, nhuộm xanh thì hóa xanh, nhuộm vàng thì hóa vàng, nhuộm màu nào thì biến ra màu đó.. cho nên sự tiêm nhiễm không thể thận trọng được.

(Tử Mặc Tử kiến nhiễm ti giả nhi thán viết : Nhiễm ư thương tắc thương, nhiễm ư hoàng tắc hoàng. Sở nhập giả biến, kì sắc diệc biến... cố nhiễm bất khả bất thận dã (Mặc-Tử).

Tới thời Mạnh Tử thêm nhiều thuyết nữa về tính. Có người nói rằng có tính

(2) Chủ trương này cũng hơi mới mẻ vì đời Chu, hạng quý tộc không bị hình phạt.

Nhắn tin *với một vị độc-giả ẩn danh ở Mỹ Tho đã viết cho tôi một bức thư rất dài về cuốn Sống Đẹp* — Xin thâm tạ thịnh tình cùng ý kiến. Trông tuồng chữ quen quen. Phải bạn cố tri từ mươi năm trước đấy chăng ?

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

thiện, có tính ác , Các Tử lại bảo tính không thiện không ác. Mạnh Tử phản đối tất cả những thuyết đó, chủ trương rằng tính người ta vốn thiện, vì ai cũng sẵn có lòng trắc ẩn, lòng tu ố, lòng từ nhượng, lòng thị phi, bốn cái đó là đầu mối của nhân, của nghĩa, của lễ, của trí ; nếu khéo nuôi dưỡng bốn cái mối đó thì ai cũng có thể thành thánh hiền được. Muốn vậy phải « tồn tâm », nghĩa là giữ cái tâm cho trong sạch, khỏi bị tư dục làm mờ ám.

Cái tâm đó ông gọi là lương tâm. Có lương tâm thì có lương tri, nghĩa là cái khả năng biết một cách mẫn tiệp mà đứng đắn.

Thuyết tính thiện, tồn tâm đó sau này gây nhiều cuộc biện luận, và ảnh hưởng rất lớn tới triết học đời Tống và Minh. Câu : *Tận kỳ tâm giả tri kỳ tính, tri kỳ tính giả tắc tri thiên hĩ* (Phát huy đến cùng cực cái tâm của mình thì biết được cái tính của mình, biết cái tính của mình thì biết Trời) đã mở một khoảng đất mới cho người sau khai thác.

TRANG-TỬ

Phái Dương Tử hồi này không có ai xuất sắc. Nhưng phái Lão xuất hiện một thiên tài, tức Trang Tử.

Trang Tử sanh ở nước Sở, tập đại thành những tư tưởng của Dương, Lão và của Huệ Thi (một người lớn hơn ông độ mươi tuổi, cho rằng vạn vật nhất thể, trong chỗ giống nhau có chỗ khác nhau, trong chỗ khác nhau có chỗ giống nhau (1), phát minh ra thuyết *đại nhất* và *tiểu nhất* (đại nhất là cái vô cùng lớn không có gì bao nó được, tiểu nhất là cái cực nhỏ, không có gì chứa trong nó được), dựng nên một học thuyết rực rỡ gồm những điểm chính dưới đây :

— *Vũ trụ luôn luôn tiến hóa.* Vạn vật lúc mới đầu cùng một loại, sau lần lần biến đổi để thích hợp với hoàn cảnh, do đó mới khác nhau. Sự biến đổi đó không ngừng, như thình lình và mau. « *Vạn vật giai trủng dã* » « *Vật chi sinh dã, nhược sậu nhược trì, vô động nhi bất biến biến, vô thời nhi bất di* »

— *Vạn vật đều ngang nhau,* không có lớn nhỏ, sang hèn phải quấy, tốt xấu cũng không có, vì hết thảy đều là tương đối cả ; mà vật nào cũng có bản tính, cũng thuận cái tính của mình mà biến hóa. Vật có loài thọ cả ngàn năm, có loài thọ có một năm, một ngày, nhưng đều là sống hết cái tuổi tự nhiên của nó mà thôi. Chim có con bay được cả nghìn dặm rồi mới nghỉ, có con chỉ bay được vài chục dặm đã phải nghỉ, cũng là bay hết cái sức tự nhiên của nó mà thôi. Người sống ở dưới bùn thì đau ốm, con trạch thì không vậy. Người ở trên cây thì run sợ, con khỉ thì không. Vậy thì người kém trạch hay hơn trạch, kém khỉ hay hơn khỉ ? Mỗi vật có cái hợp với nó, có cái đẹp của nó, cái thích của nó,

(1) Do đó Huệ Thi kết rằng người ta chẳng những phải kiêm ái mà còn phải phiếm ái vạn vật như chính mình. Có người sắp ông vào phái Mặc vì thuyết phiếm ái đó.

không thể nhất thiết như nhau được, mà cũng không thể phân biệt hơn kém được.

Tư tưởng hoài nghi đó đưa tới tư-tưởng *tự do và bình đẳng tuyệt đối, trọng cá nhân tới tuyệt đối, vô vi tới tuyệt đối.*

Hạnh phúc của vạn vật, của con người là thuận cái bản tính của mình mà hòa với vũ trụ. Vì vậy ông rất ghét chính trị, coi các chính trị gia đương thời như Lỗ hầu hết. Ông đặt ra ngụ ngôn này: Lỗ hầu bắt được một con chim biển, thích lắm, đem nuôi ở trong miếu đường bắt các quan tấu nhạc cho nó nghe, làm thịt cá cho nó ăn, chuốc rượu cho nó uống, nhưng nó cứ ủ rũ, không ăn uống gì cả, ba ngày sau nó chết. Cái hại của xã hội là bắt mọi người vào trong một khuôn nếp; không để cho mọi người theo bản tính tự nhiên của mình.

Tương truyền vua Sở vời ông ra làm quan, ông không chịu, trái hẳn với Khổng Tử, Mặc Tử, Mạnh Tử. Nhân sinh quan của ông là tuyệt đối tiêu dao, đừng «đợi nương» có phú quý rồi mới sung sướng, đừng «đợi nương» có danh vọng rồi mới thỏa chí, cũng đừng đợi nương có ái tình rồi mới vui vẻ. Con người sở dĩ khổ là vì cứ đợi nương cái khác rồi mới thỏa mãn; đừng để sự tiêu dao của ta bị cái «đợi nương» đó (ông gọi là đãi) nó hạn chế, thì mới thực là bậc chí nhân, tức như bậc thần nhân. Người « vô đãi », « vô cầu » mới thật là sướng. Quan niệm nhàn của phương Đông nguồn gốc ở Lão, Trang, thứ nhất là ở Trang, và ảnh hưởng mạnh tới hầu hết các văn nhân học giả Trung Hoa. Trái lại quan niệm tự do và bình đẳng tuyệt đối của Trang sau này chỉ được một số người đề cao thôi.

Kỳ tới: Biệt-Mặc và danh gia

GIẢN-CHI và NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TRUYỆN 2 KỲ :

Doãn - Dân

CHỖ CỦA HUỆ

(tiếp theo)

Và đã nhiều lần « ba ngày » trôi qua mà tôi vẫn chưa tìm ra một nửa việc làm. Đồng tiền cuối cùng do Huệ để dành cũng là từ biệt chúng tôi mà không hẹn ngày tái ngộ. Huệ nghĩ đến cách đem bán một vài món đồ còn tốt. Nàng bán cả mấy chiếc áo dài nàng mới may tháng trước. Rồi Huệ bán tất cả mọi thứ có thể bán được để sống cầm hơi trong lúc đợi chờ. Nàng chỉ để lại một sợi giây chuyền bằng vàng Tây, mẹ nàng cho hồi nàng còn nhỏ. Ở đầu sợi giây có một cái hộp tròn, mỏng, chỉ bé bằng đồng xu, bên trong đựng tấm ảnh của Huệ, chụp lúc nàng được mười hai tuổi. Cả tấm ảnh chỉ là một khuôn mặt, với nụ cười và đôi mắt ngây thơ, trong sáng. Huệ bảo đến chết nàng cũng không rời sợi giây chuyền đó. Nàng đeo nươm ở cổ như một bảo vật.

Riêng tôi, tôi chẳng có gì để bán. Cũng chẳng có gì để tôi, nhớ lại tuổi thơ của mình. Cha mẹ tôi chết đi, chỉ để lại cho tôi một thứ làm tôi biết được chắc chắn sự có mặt của ông bà trên cuộc đời này, và nó thuộc về ông bà hoàn toàn, trọn vẹn : Đó là thân tôi. Ngoài ra, không còn gì nữa. Bởi vậy, một hôm, sau khi Huệ đã bán hết mọi thứ của nàng, tôi phàn nàn với Huệ :

— Anh ân-hận là đến giờ phút này cũng không có gì để góp với em. Giá thân xác anh mà có người mua, chắc anh cũng bán đi rồi.

Huệ cười :

— Nói gì chua chát vậy. Để đó bán cho em.

— Em thì anh cho không.

— Sao tử tế thế ?

— Chả cho không thì em cũng chẳng còn tiền.

Cả hai chúng tôi cùng cười. Ruột gan tôi tựa hồ sát muối. Câu nói đùa của tôi cũng là lời nói thật. Chúng tôi không còn được lấy một đồng. Từ trưa hôm qua Huệ và tôi không có một hột cơm trong bụng. Buổi chiều bên ngoài đang xuống thản nhiên như mọi buổi chiều. Tôi nghe văng vẳng tiếng còi xe hơi từ ngoài đường cái ; tiếng nước xối ào ào và tiếng cười đùa, diễu cợt của đôi trai gái hắt sang từ căn nhà bên cạnh. Tôi cố lắng nghe những âm-thanh ấy để khỏi phải nghe gì khác. Nhưng mọi thứ âm-thanh đang nổi lên hỗn-độn chung quanh chúng tôi lúc này tựa hồ không còn ảnh hưởng gì đến thính giác của tôi nữa. Bây giờ, tôi chỉ nghe duy nhất một thứ tiếng gọi âm-thầm, bền bỉ, mỗi lúc mỗi cấp bách hơn, mỗi lúc mỗi rộn-ràng, náo nhiệt hơn, vẳng lên từ cái dạ dày của tôi. Ruột gan tôi cơ hồ rối loạn, không còn giữ được trật-tự, tôn ti gì nữa. Chân tay tôi mệt mỏi, một thứ mệt mỏi chậm chạp, lừ đừ. Tôi có cảm-tưởng, các mạch máu trong người tôi cũng đang lưu-thông một cách hết sức lững-lờ, lãnh-đạm, và chỉ cần có điều gì làm chúng phật lòng một chút là chúng sẵn sàng đứng dừng ngay lại. Tôi nghĩ, chắc Huệ cũng đang có những cảm giác như tôi. Tôi quay nhìn nàng. Huệ đương ngồi bên khung cửa, lúi-húi mạng những chỗ rách của tấm màn do chuột cắn. Nhờ ánh sáng từ ngoài hắt vào, tôi thấy nét mặt Huệ vẫn có vẻ thản nhiên. Nàng như đang để hết tâm hồn vào công việc đó. Đầu Huệ hơi cúi, mái tóc xõa xuống hai vai, che gần hết hai bên má. Tôi trông thấy hai vệt lông mày đen, dài, nhỏ, nằm hai bên sống mũi cao và thanh. Miệng nàng hơi mím. Thỉnh thoảng, hai mắt Huệ khẽ chớp. Hàng mi dài rung động nhẹ nhàng. Từ ngày sống với Huệ, đây là lần đầu tiên tôi ngắm kỹ nàng. Tôi làm lạ là nét mặt nàng tựa hồ hơi khác đi. Càng ngắm kỹ từng chi tiết, tôi càng nhận thấy sự đổi khác hiện rõ hơn. Và tôi hơi hơi thích thú trong việc tìm ra điểm khác lạ đó. Niềm thích thú làm tôi tạm thời quên được cái đói hiện đang chờ đợi trong người.

Bỗng Huệ ngửng đầu lên gọi :

— Anh này...

— Gì thế ?

— Hay anh thử đến người bạn của anh xem sao

Tôi hơi ngạc nhiên nhìn Huệ. Hôm qua: chính tôi đề nghị với nàng, để tôi đến Trị lấy tạm của hắn ít tiền, nàng gạt đi. Bây giờ chính nàng lại nhắc tôi chuyện đó. Tôi thoáng nghĩ một điều, nhưng thấy không nên hỏi Huệ. Tôi bảo :

— Phải dấy. Để anh đến hắn. Em ở nhà đợi anh.

Thực ra, ngay từ hôm qua, tôi cũng không muốn đến Trị! Không phải tôi sợ hắn sẽ từ chối ý định của tôi (trừ khi hắn không có tiền). Song, tự nhiên tôi vẫn e-ngại vu-vơ, vô cớ. Trước kia, hồi chưa quen Huệ, tôi vẫn thường tiêu tiền của Trị và tôi không nghĩ ngợi gì về chuyện ấy. Nhưng bây giờ, hình như giữa tôi và hắn đã có cái gì đổi khác đi rồi. Có thể Trị không nghĩ thế. Có thể hắn không cảm thấy gì cả. Mà dù có cảm thấy chăng nữa. tôi biết, Trị cũng không khi nào không làm cho tôi bất luận điều gì mà tôi mong muốn, nếu quả tình hắn làm được.

Có lẽ chính vì điều này mà tôi phân-vân, e-ngại khi nghĩ đến việc tới vay tiền Trị, Nhưng cái dạ dầy của tôi hiện giờ lại không phân-vân như thế. Nó cũng không khuyến-khích tôi có những ý nghĩ tốt lành. Nó kêu gào, thúc dục tôi phải làm ngược lại những gì lương tâm tôi muốn. Và theo kinh-nghiệm, tôi nhận ra rằng, tiếng nói của cái dạ dày luôn luôn hùng hồn, quyết-liệt. Và rồi cuối cùng, bao giờ nó cũng thắng được tiếng nói hiền từ, đoan-chính của lương-tâm. Chỉ khi nào nó đã phởn-phơ, phè-phỡn, lúc đó, nó mới chịu nằm im để cho lương-tâm tha hồ sỉ.vả. Cái dạ dày của tôi chưa được phởn-phơ cho nên nó cũng nhất-định không chịu nằm đấy. Tôi tự hiểu rằng thế nào rồi tôi cũng nghe lời nó. Tôi tự an ủi, bào chữa cho sự vâng lời của tôi bằng cách đổ tội cho cái dạ dày của Huệ. Tôi nghĩ, nếu tôi đến Trị bây giờ thì chỉ vì nàng. Và tôi cảm thấy hổ-thẹn bâng quơ.

— Sao anh còn ngồi đó ?

Tôi giật mình quay lại. Đối mắt Huệ làm tôi chợt có cảm tưởng nàng vừa « trông » rõ mọi ý nghĩ tôi. Tôi bối-rối, nói liều :

— À, ừ...Anh đang phân vân. Hắn cũng nghèo lắm. Sợ đến vào cuối tháng thế này, hắn cũng không còn.

Tôi lại thấy mình dại. Nhỡ Huệ bảo đừng đi. Tôi vội tiếp :

— Nhưng thà cứ đến còn hơn không.

Huệ không nói gì, lẳng-lặng cúi xuống tấm màn, nét mặt có dáng đăm chiêu, tư-lự.

* * *

Khi tôi tới nơi thì trời đã tối hẳn. Trị không có nhà. Bà chị dâu của hắn cho tôi biết hắn đi từ chiều và không biết đi đâu. Chị trách tôi sao lâu nay không tới, tôi cười, không biết trả lời thế nào. Chị bảo :

— Tôi có hỏi chú Trị mấy lần về chú, chú ấy bảo chú bận. Dạo này chú ấy cũng hay đi chơi. Có khi cả đêm không về.

Tôi ngồi nghe chị nói. Một mối buồn vô cớ dâng lên trong lòng. Đã mấy tháng rồi, tôi không gặp Trị. Bây giờ tôi đến, hắn lại đi vắng. Tôi cũng không biết hắn đi đâu, làm gì, nhưng tự nhiên tôi nghĩ là chính tôi cũng có một phần liên-quan trong việc hay đi của Trị hồi này. Tôi nhớ, hôm cãi nhau về Huệ, tôi đã hỏi hắn : « Mày biết là tao chỉ có mình mày ? » Vâng. Tôi chỉ có mình Trị. Nhưng hôm đó, tôi đã quên không nhớ ra là chính hắn lại cũng chỉ có mình tôi, không còn ai khác, ngoài một ông anh đã có gia đình và hay say rượu. Từ bao lâu nay, hắn vẫn chỉ có mình tôi. Rồi bỗng dưng tôi có Huệ. Và Trị mất hết ý nghĩ đó làm tôi cảm thấy bùi ngùi, nỗi bùi ngùi hòa tan trong niềm ân-hận vu-vơ. Với niềm ân hận ấy, tôi nóng lòng mong gặp Trị, không phải chỉ để hỏi tiền, nhưng là để trông thấy hắn. Chỉ cần trông thấy hắn. Lúc ở nhà ra đi, tôi nghĩ, tôi đến Trị là vì tôi, vì Huệ. Nhưng lúc này, tôi ở lại đây, đợi hắn về thì chỉ là vì hắn. Tình bạn giữa Trị và tôi đã chìm lặn đi, đã nằm tại một chỗ nào khuất nẻo ở trong lòng tôi từ mấy

tháng nay, đột nhiên thức dậy. Nghĩ đến lúc gặp hắn, tôi thấy tâm hồn rưng rưng, nao-nức. Một niềm sung sướng lay-động nhẹ nhàng trong tâm hồn tôi, tựa như niềm sung sướng của một kẻ lâu ngày trở lại quê hương.

— Chú dùng tạm chén nước.

Tiếng người đàn bà làm tan ý nghĩ tôi.

— Vâng, cám ơn chị. Chị để mặc em

Tôi nâng tách nước trà nóng lên uống Chợt nhớ một điều, tôi hỏi :

— Anh đi đâu, chị ?

— Nhà tôi chắc lại ra quán ngoài đầu ngõ. Ấy, cứ đi làm về, cơm nước là lại đấy đánh cờ. Lắm hôm mãi khuya mới về.

Nghe chị nói, tôi nghĩ đến việc xem giờ. Tôi đưa mắt nhìn quanh. Chị hỏi :

— Chú tìm gì ?

— Em muốn biết mấy giờ.

Người đàn bà cười, có sắc ngượng :

— Nhà không có đồng hồ. Chắc cũng còn sớm, chú ngồi chơi đã.

Chị đứng dậy, bước ra ngoài. Vài phút sau, chị trở lại, nói :

— Mới gần mười giờ, Chú cứ ngồi chơi, đợi chú Trị. Chẳng biết đi đâu mà giờ này không về. Cũng chẳng cơm nước gì cả.

Nghĩ đến Huệ đang ở nhà, tôi nói :

— Xin phép chị, em phải về. Để khi khác em lại.

Tôi đứng dậy, chị nói câu nữa giữ tôi, nhưng thấy ngồi lâu không tiện, tôi nhất định về.

Lúc ra đến ngoài, nghĩ đến đoạn đường từ đây về nhà, bỗng dưng, tôi cảm thấy mệt mỏi rã rời. Cùng với sự rã rời đó, tôi nhận ra có cái gì đột nhiên giẫy giụa, cào cấu ruột gan. Rõ ràng là trong bụng tôi không còn lại gì nữa rồi. Tách nước chè tươi tôi vừa uống ở trong nhà Trị chỉ làm bụng tôi nôn nao thêm. Bây thì các mạch máu trong người tôi không còn lững-lờ, chậm chạp nữa. Chúng đã vùng lên, hăng hái lạ thường, nhưng là một thứ hăng-hái cố-tình làm reo, phá-phách.

Tôi bước chân đi trên những con đường về khuya, âm-thầm chống chọi với sự mỏi mệt đang muốn bắt đôi chân tôi dừng lại. Có một lúc, những ý nghĩ mờ ám, xấu-xa, chạy thoáng qua óc tôi, Tôi nhìn đăm đăm xuống mặt con đường khoảng đen, khoảng sáng. Tôi nhìn xuống đó và đầu óc tôi thì thầm : « Đừng hy vọng, Đừng hy vọng người ta đánh rơi tiền cho mà nhặt con ơi ! » Tiếng nói cứ lặp đi, lặp lại và tôi cứ nhìn dán mắt xuống đường. Chưa lúc nào bằng lúc này, tôi

ghét Trị. Tôi bực tức hắn, oán hắn lạ lùng. Tại sao hắn không ở nhà ? Sao lại đúng ngày hôm nay hắn bỏ đi chơi ? Càng nghĩ, máu tôi càng sôi lên và tôi càng thù oán hắn. Tình bạn giữa tôi và hắn cơ hồ như muốn xụp đổ. Cả thân xác tôi cũng muốn xụp đổ. Bây giờ tôi lại có cảm tưởng, trong cơ thể tôi không còn ruột-non ruột già tim gan phổi thận .. gì hết, Trong đó chỉ là một khoảng trống trơn đang gây náo loạn. Tôi tự hiểu, nếu lúc này tôi dừng lại, ngồi xuống dưới kia là sẽ không bao giờ tôi còn đứng lên được nữa Bởi vậy, tôi cắm cúi bước đi, hăng hái bước đi. Và tôi nói thầm trong óc : « Ráng lên. Cố ráng nữa lên. Sắp đến nơi rồi. » Tội thử cố gắng nghĩ đến những điều hay ho, tốt đẹp mà trước kia thỉnh thoảng có đến với tôi, để quên đoạn đường trước mắt và quên nỗi đói trong người. Nhưng vô ích. Chúng chạy trốn hết cả rồi. Khi trong bụng người ta không có lấy một hột cơm thì không thể nào tìm ra những điều hay ho, tốt đẹp. Những cái đó không ưa những người đói khổ. Cho nên chúng cũng không muốn làm quen với tôi.

Vậy là trên những con lộ về khuya, mình tôi bước đi, mang nặng một sự rỗng tuếch trong người. Lần đầu tiên, tôi hiểu cặn kẽ thế nào là lẻ-loi, cô độc, cô độc ngay cả với những ý nghĩ của cá-nhân mình

Thể xác tôi trống rỗng. Linh hồn tôi trống rỗng,

* * *

Khi tôi về đến nhà, Huệ vẫn chưa đi ngủ. Nàng đón tôi từ ngoài. Tôi hỏi :

— Chắc em mong anh lắm ?

Và tôi đi thẳng vào nhà, không dám nhìn mặt nàng, cũng không dám đợi nàng cất tiếng hỏi Huệ bước theo sau :

— Anh ăn gì chưa ?

Tôi nói thật nhanh :

— Hắn đi vắng.

Tôi đưa mắt nhìn nàng. Huệ vẫn thản nhiên. Và không đợi tôi nói gì thêm nàng đến, mở chiếc rổ trên mặt bàn lên, nói : Em biết anh không vay được. Em để phần...

Tôi nhìn theo tay Huệ và mắt tôi bỗng hoa lên :

— Ở đâu đó ? Sao biết anh không vay được ?

— Thì trước khi đi, anh chả bảo, hắn cũng nghèo lắm là gì nữa.

Tôi cũng không kịp nghĩ xem, những thứ bầy trên bàn kia Huệ lấy đâu ra. Tôi định hỏi, Huệ lại giục :

— Anh ăn đi. Đừng thay quần áo vội. Cứ ăn đi đã.

Nghe lời Huệ, tôi ngồi vào bàn, ổ bánh mì còn nóng, hộp ba-tê mở sẵn, còn đầy. Những con cá ngâm trong chất nước cà chua, đỏ, nằm ngay ngắn trong lòng đĩa. Trong một thoáng, tôi muốn tất cả những thứ đó trôi tuột ngay xuống dạ dầy. Nhưng sợ Huệ cười, tôi phải giả vờ, ăn một cách khoan thai, thong thả. Vừa ăn tôi vừa nói chuyện với nàng. Tôi hỏi :

— Em ăn lâu chưa ? ăn thêm với anh cho vui.

— Chịu thôi. Còn no lắm. Em cũng vừa ăn.

Cầm hộp ba - tê lên, tôi lại hỏi :

— Em lấy những cái này ở đâu đó ?

Huệ cười :

— Anh hỏi đến hay. Em vay chứ lấy ở đâu.

Huệ trả lời vậy rồi đứng dậy, đi sang giường nằm. Tôi tiếp tục với ổ bánh mì. Một lát sau, khi đã hơi lửng dạ, tôi vừa nhai vừa nghĩ vẩn vơ. Bỗng một ý nghĩ mờ ám chạy thoáng qua óc tôi. Tôi quay lại, hỏi :

— Huệ à. Em vay tiền ai thế ?

Huệ nằm quay mặt vào tường, hai chân co lại, hai tay ôm đầu. Nàng nằm im như đã ngủ. Tôi gọi :

— Huệ.

Nàng xoay người ra một cách chậm chạp :

— Gì thế, ano ?

— Em vay tiền ai ?

— Cô bạn em, ở gần đây ấy mà.

Tôi lại quay vào mâm thức ăn. Chẳng biết cái gì làm tôi lại quay ra :

— Anh có nghe nói em có cô bạn nào đâu ?

Giọng Huệ vẫn ngọt ngào :

— Ai chẳng có bạn. Anh chỉ hỏi lần thần.

Câu trả lời lơ lửng của Huệ làm ý nghĩ mờ ám trong đầu tôi vươn lên. Không đừng được, tôi lại hỏi :

— Sao trước kia em nói em không chơi với ai ?

Hình như Huệ có vẻ khó chịu. Tôi thấy đôi lông mày nàng thoáng cau lại. Nàng nhắm mắt, nằm im. Tôi đứng hẳn dậy, ra cạnh giường, ngồi xuống bên Huệ.

— Huệ à. Em nghe anh nói...

Huệ mở bừng mắt, nhìn tôi, cười rất tươi :

— Anh thôi rồi à ? Sao ăn yếu thế ?

— Ừ. Nhưng anh van em. Em vay tiền ai, nói đi không anh khổ lắm.

Huệ tròn mắt, kêu lên :

— Trời ơi. Anh sao thế ? Anh ăn nói gì lạ vậy nè.

Tôi năn nỉ :

— Đừng đùa, Huệ. Anh van em.

— Em có đùa đâu. Em chẳng hiểu anh định nói gì.

Rồi nàng phá lên cười. Huệ kéo mạnh tôi ngã xuống giường. Lát sau, vẫn chưa ngừng cười. Huệ nói :

— À. Em hiểu rồi. Trời đất ơi ! Chồng tôi ghen. Anh nghĩ bậy cho em.

Lần đầu tiên, Huệ gọi tôi là «chồng». Nhưng tôi không để ý đến điều đó. Chỉ để ý đến giọng cười của nàng. Có gì đáng cười đâu ? Một chuyện như thế sao Huệ lại cười ? Cơn giận ở đâu bỗng ùa vào lòng tôi. Tôi giằng mạnh cánh tay Huệ :

— Em phải đứng đắn. Trả lời anh đàng hoàng. Em vay tiền ai, đưa anh lại nhà người đó.

Huệ bỗng im bặt. Nàng trố mắt nhìn vào mặt tôi. Một lát, Nàng quay đi, giọng giận dỗi :

— Đừng vô lý thế.

Tôi xoay người nàng lại :

— Sao lại vô lý, em sợ à ?

Huệ ngồi bật dậy :

— Sợ gì ? Sao lại sợ ?

Đến lượt tôi ngạc nhiên nhìn Huệ. Chưa bao giờ nàng có thái độ đó với tôi. Chưa bao giờ nàng có lời nói dó. Trông đôi mắt nàng, ruột gan tôi thắt lại. Tôi nói như quát :

— Không thì đưa anh đến.

— Tôi không việc gì phải đưa ai đi đâu. Vừa vừa thôi chứ.

Rõ ràng là nàng khiêu khích tôi. Tôi trừng trừng nhìn Huệ và tôi nghe tiếng tôi buột ra, tàn nhẫn :

— Cô « đi-khách » phải không ?

Nàng quay ngoắt đi và vụt đứng lên. Nàng không thèm trả lời tôi. Nghĩ thế, tôi kéo nàng ngồi xuống :

— Trả lời đi. Giỏi thì trả lời đi.

— Tôi không thèm. Tôi không...

Bỗng Huệ ôm mặt, òa lên khóc. Cơn giận tím ruột làm tôi không để ý hành động đó của nàng. Tôi vẫn tàn nhẫn :

— Có phải vậy không, Huệ ? Phải vậy không ?

Nàng khóc to hơn. Giọng nàng tan trong tiếng nấc :

— Trời ơi. Sau tôi khổ thế này...

Nàng ngã vật ra giường. Tôi nhoài người theo, dựng nàng dậy :

— Cái gì mà khổ, hử ! Có thật cô làm thế không ? Thật không ?

Huệ hét lên :

— Thật thật thật thật. Đấy. Giết đi. Giết chết tôi đi.

Tay tôi bỗng rời Huệ ra. Tôi nghe lạnh toát cả người. Hai mắt tôi căng phồng mà không nhìn thấy gì hết. Trong một giây, tôi ngồi như chết ở trên giường Vừa có cái gì nổ tung trong đầu tôi rồi tắt ngấm và tôi rơi vào một khoảng không lặng lẽ đến rợn người.

Không biết bao lâu sao tôi mới nghe thấy tiếng khóc của Huệ. Hình như có tiếng nàng nói : « Anh biết em cũng kinh tởm chuyện đó. Nhưng em làm sao hơn được ? Cả anh, cả em. Vì cả hai đứa... » Tôi không muốn nghe những âm thanh đó. Tôi đứng dậy, đi ra cửa. Huệ vụt nhảy theo, níu cánh tay tôi. Tôi gạt mạnh tay :

— Buông ra. Đồ đi.

Huệ đứng khựng lại. Tiếng khóc nàng vụt đứt. Nàng dương mắt nhìn. Miệng Huệ há ra như trước một sự kinh ngạc tột cùng. Mặt nàng đầy nước mắt Hai con mắt đỏ hoe, ráo hoảnh. Bỗng tiếng Huệ rít lên :

— Nói thế đấy hả ? Anh nói tôi thế đấy hả ?

— Ừ. Tao nói vậy đó.

— Đồ hèn. Đồ đểu. Ừ. Tao làm đi đấy. Nhưng cũng còn hơn những thằng hèn. Bám vào đây. Bám vào con đĩ này đi:..

Như một thằng điên, tôi lao vào người Huệ. Một tiếng « hự » rồi « huỵch » Huệ ngã quay ra đất. Chân tay tôi nện xuống, tha hồ nện xuống...

Huệ không kêu, không khóc, không nói nửa lời. Nàng co quắp, lăn lộn, quằn quại dưới chân tôi, hai tay ôm chặt đầu. Máu trong người tôi phun ngược lên, ngược lên. Tôi nghiến răng như một con thú, cúi xuống, cúi xuống... Những tiếng ho tắc nghẹn, vỡ tan trong cổ họng nàng. *(còn tiếp)*

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật chúng tôi phải cho đăng truyện trên của Doãn Dân thành 3 kỳ ; thay vì đăng làm 2 kỳ như đã dự tính. Mong bạn đọc xem đoạn tiếp trong số tới.

B.K.T.Đ.

Thanh - Tâm - Tuyền

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LẤY

PHẦN THỨ HAI

3 Những tuần lễ đầu tiên mới lên tỉnh, Hiệp ăn ở trong nhà ông Pháp. Tối tối, ông Pháp đưa Hiệp dạo phố chợ, vô quán uống cà phê ăn hủ tíu rồi đi thăm các chỗ quen biết. Đôi khi họ đi xa tới vùng ngoài châu thành, đường đất không điện với những ngôi nhà cổ lâu đời khuất sau các hàng rào cây lá. Ông Pháp bận bà ba lụa trắng, hút thuốc vấn, túi áo trễ lủng lẳng vì bịch thuốc Gò vấp và hộp quẹt máy. Ông nhỏ thó, dáng điệu lụp chụp, mặt như đứa con nít già héo, lúc nào gò má cũng hồng đỏ, không có râu, ông chỉ cao ngang vai Hiệp.

Ông Pháp, ngoài sáu mươi, giáo viên hồi hưu, trông nom trường cho đứa con trai thứ ba bị động viên. Con thứ hai của ông chết yểu, vợ y lấy chồng khác, trả hai đứa cháu gái nhỏ cho vợ chồng ông nuôi. Con thứ tư tập kết, đứa thứ năm làm thợ máy dưới Chợ Lớn và cô gái út làm bé một công chức ty thuế vụ. Vợ chồng ông Pháp và hai đứa cháu nội mồ côi ở trong ngôi nhà cũ già bằng ông Pháp với đồ vật không bao giờ thay thế, nằm lọt giữa hai dãy lớp lầu bằng gạch, quay lưng ra một lạch nước thường cạn sình đen, rác rưởi xú uế do xóm nhà trên bờ đổi trút

đồ, chảy ôm bọc cả khu trường. Hồi tôi học ở tỉnh, nửa sau ngôi nhà ấy còn đặt một lớp học ngăn bằng vách phên, ngừng giờ buổi sáng, tôi ngó thấy gió thổi trên các ngọn cau bên bờ lạch, mấy căn nhà lá lúp xúp, nghe rõ tiếng dọn dẹp lịch kịch trên nhà và tiếng con trẻ chốc chốc reo cười bên kia bờ đất. Mỗi sáng, khi học trò đã vô lớp, ông Pháp ở trần, bận quần xà lỏn da thịt nhăn nhúm như trái táo khô, miệng bập bập điếu thuốc vấn, một mình lúi húi lau chùi bàn ghế xập tủ trạm trổ đã lên nước đen nhánh. Bà Pháp từ dưới trái bếp đi lên qua ngang cuối lớp nhai trầu bỏm bẻm, có khi bà dừng chân nghe mấy ông giáo sư giảng bài mủm mỉm cười như một thú giải khuây tạm quên những công việc bận bịu suốt ngày dưới bếp. Sau đó ông Pháp ra vườn chỉ bảo chú Tư dọn sửa, tưới cây — chú Tư làm vườn kiêm tùy phái của trường. Khu vườn là vùng cấm địa đối với bọn học trò, những giờ nghỉ chỉ vài ba đứa con gái dám lén ra ngồi tuốt dưới những gốc dừa phía góc vườn tâm sự. Từ ngoài vườn trở vô, ông ghé mắt dòm qua các cửa sổ lớp, canh chừng học trò, tới xem xét vu vơ nơi cổng trường, nhìn ra một ngõ trải sạn chạy giữa hai biệt thự quay mặt ra con phố chính dẫn vô tỉnh. Giờ chơi ông chống nạnh đứng trên thềm la bọn nhỏ quấy phá cây cối của ông hoặc ngồi thu cẳng trên ghế, ôm hộp thuốc vấn trên lòng, trò cnuyện với mấy ông giáo sư. Tiếng ông Pháp rổn rảng cả ngày, lúc nào ông tới đâu cũng có hai con chó vện mập nhầy quẫng quanh chân. Ông nạt nộ mấy con vật thấy như nạt nộ con nít. Bà Pháp lo việc bếp núc tối ngày chui dưới trái bếp bên rìa vườn. Đôi ba đứa học trò, những khi tới trường trước giờ vô lớp, bu quanh bà, coi bà làm việc. nghe bà kể tội ông chồng độc đoán ích kỷ hành hạ bà mấy chục năm, những nỗi khổ tâm vì con cái bất hòa với ông bố dữ dằn. Buổi tối bà lên nhà trên, trong khi hai đứa cháu lo học, mấy ông giáo sư ngủ đậu soạn bài, ông Pháp ngồi rỡn với chó với mèo, bà ôm hộp trầu và cái ra đi ô nghe cải lương nho nhỏ hoặc lén vặn đài Hà Nội.

Ông Pháp là người tính toán chi ly, ngay cả với vợ con. Ông thường chê trách người con trai thứ ba — chủ ngôi trường — ăn xài quá lố, vợ lớn vợ bé Hai bố con mỗi bận giáp mặt là gây gổ, cả hai giống nhau ở chỗ đều nóng như lửa. Hồi sau này, người con được giải ngũ, về đòi lại trường, hai bố con giành giựt không ai chịu ai, coi nhau như thù địch. Ông Pháp nói chính ông một tay gầy dựng nên trường, năm con ông đi lính mấy lớp học còn phải mướn đậu trong ngôi nhà bên kia rạch, chính ông là người cất lên những dãy lớp học mới trên miếng đất nhà của vợ chồng ông. Con trai ông hăm kiện ông vì chính hắn đứng tên và đòi thanh toán bằng máu với ông già. Hồi đó Hiệp thường phải đóng vai trung gian giữa hai bố con ông Pháp để dàn hòa. Có lẽ tôi là đứa học sinh duy nhất được ông trừ nửa phần học phí. Duy cảm tình đặc biệt với tôi, ông thường biểu vì lẽ tôi thông minh, học giỏi. Nhưng người trong tỉnh thỉnh thoảng vẫn còn nhắc lại hồi thanh niên ông Pháp thương má tôi nhưng hai bên gia đình không thuận. Tôi không thể tưởng tượng hồi trai trẻ ông Pháp như thế nào và tình yêu giữa ông và má tôi ra sao. Có khi tôi nghĩ bậy ông có thể là cha tôi chăng? Tôi có thể là đứa con của một cuộc ngoại tình chăng? (Tôi không là con của một ai ngay cả người đã chết. Những ý nghĩ quái

gở quay lộn trong đầu biến tôi thành một người khác không ai sinh ra tôi như ngày nay).

Chỉ riêng với Hiệp, một kẻ hoàn toàn xa lạ, ông Pháp biểu lộ một lòng tốt không đắn đo. Ông mê Hiệp ngay từ lúc đầu. Sau này trường trả lại chỗ người con trai (ông bắt hắn ký giấy nợ. Hai bố con không còn muốn dòm mặt nhau), ông không còn nắm quyền điều khiển, ông vẫn đối xử với Hiệp như một người bạn thâm tình. Những ngày đầu tiên, ông mang khoe Hiệp với khắp chỗ quen biết như một món đồ lạ hiếm. Hiệp còn bận cái sơ mi trắng sờn cổ, quần xẫm cũ, lêu đêu chậm chạp đi bên ông già.

— Ông Hiệp đây là người đứng đắn đàng hoàng. Tôi bằng lòng ông Hiệp lắm. Ông mới di cư vô. Sao vậy ông ? Ngoài Bắc không yên sao ? Có thiệt giống như báo nói không ?

Hiệp tươi cười, lấp lửng. Bị gặng hỏi, trước mặt đông người, Hiệp chỉ đáp vắn tắt cho qua chuyện :

— Thiệt. Nhưng nói khó ai tin ..

Hiệp không tìm cách thuyết phục người khác. Anh tránh đả động đến những câu chuyện có tính cách chánh trị. Ngay với tôi, khi tôi tìm đến Hiệp với những nghi vấn xác đáng, những vấn đề được đặt nghiêm chỉnh, anh cười và nhìn tôi nhiều hơn là trả lời. Gặp nhau lâu, tôi nhận thấy không phải anh thiếu lý luận bằng chứng, không phải anh không có lập trường. Thái độ lờ lững, khép kín của Hiệp, theo tôi, chỉ biểu lộ mặc cảm tự tôn đáng ghét. Có lẽ anh coi chúng tôi là những người nông nổi, nhẹ dạ, dễ tin nên cũng dễ bị lôi cuốn thay đổi chính kiến không đáng bận tâm. Tôi không chịu nổi thái độ khinh khỉnh ấy.

Ông Pháp quý Hiệp, tìm mọi cách lưu giữ Hiệp ở lại trong tỉnh. Ông giao cho Hiệp phụ trách những lớp lớn, bọn học trò phải đi thi, mặc dầu Hiệp không muốn vì anh nói chưa quen nghề, mới dạy học lần đầu tiên. Ông lo chạy mướn nhà giúp Hiệp, cho mượn đồ đạc. Ông sốt sắng tới độ tỏ ý không hài lòng về căn nhà mướn của má Diệp dù Hiệp rất thích.

— Ông ở đỡ đó thôi nghe. Rồi tôi sẽ kiếm cho ông chỗ tốt hơn. Thiệt đó, nhà ấy xui xẻo lắm. Tôi sẽ làm mai cho cô vợ về lo dọn dẹp nhà cửa...

Ông Pháp cười ha hả đắc chí giữa đám học trò giờ chơi bu quanh Hiệp hỏi chuyện. Hiệp nói anh đã có vợ và sẽ mang vợ lên. Ông Pháp ngạc nhiên :

— Vậy hả. Tốt. Cô ấy lên luôn trên này. Tốt lắm.

Hiệp đi bộ từ nhà đến trường, khoảng vài trăm thước trên con đường quốc lộ dốc nghiêng về một phía. Tới gần nhà ga trông như bãi đất hoang với đường rầy và toa goòng bỏ không dưới chân một ngôi đình cất trên gò, rẽ xuống ngõ đất rộng hơn lộ, giữa hai xưởng sơn mài, nối đến con phố chính và đối diện với ngõ vào trường. Hiệp bước thong dong không chú ý đến sự vật quanh mình, thường khi

không thấy những đứa học trò đạp xe máy vượt qua mặt ngả nón chào. Thỉnh thoảng vào buổi sớm, Hiệp xuất hiện từ đường bờ sông đưa Thuận vào chợ, rồi mới tới lớp. Trong giờ nghỉ, Hiệp vô nhà ông Pháp uống nước, nói chuyện với ông già. Ông Pháp cười vang khoái trá, nói rõn oang oang. Giờ tan, Hiệp nán đợi ít phút cho học trò tản mác mới thủng thẳng ra ngõ. Nhiều đứa hiếu kỳ dừng xe đợi thày ngoài đầu ngõ, theo chân hỏi chuyện dọc đường về. Những buổi tối mùa nắng, Hiệp và Thuận đẩy xe đến xin nước mưa nhà ông Pháp. Chiếc xe đỗ bên dãy lu sành bự chứa đầy nước hứng từ mùa mưa trước dọc theo vách nhà. Trong lúc Thuận cùng hai cô cháu ông Pháp lo chuyển nước vô thùng, Hiệp theo ông Pháp ra vườn, đứng dưới mấy gốc cau, gốc dừa, đôi khi lẫn vào tàn cây măng cụt. Tiếng chuyện trò đối đáp lẫn dần vào trong các đám lá và bóng tối yên tĩnh. Lâu lâu tiếng cười của hai người nổi lên, tiếng cười của Hiệp kéo dài, lắng xuống theo những nhịp ngắn. Phố đã vắng chiếc xe nước mới ra khỏi ngõ trường. Bánh sắt đè nặng trên mặt đường nghe rõ lớp nhựa trải nhăn nheo. Nước sóng vỗ phình phình trong thùng. Dáng Hiệp thẳng đứng tay chống trên then ngang của càng xe cao ngang bụng. Thuận đi bên tựa một tay dẩy phụ, người dong dỏng cao như Hiệp, trong tấm áo cụt trắng. Xe nước phải đẩy vòng theo các đường phố không theo lối tắt thường ngày của Hiệp Hai chiếc bóng nghiêng ngả qua những quãng sáng tối đều đặn của điện đường bên những tiếng động lạ tai giữa hàng phố chừng im ngủ.

Hiệp có thói quen đưa Thuận đi dạo lúc xẩm chiều trên quãng đường ngoài bờ sông, leo lên những dốc quanh trên khu đồi trồng cây cao che dấu các công thự, đổ xuống nhà thờ và nhiều khi vượt khỏi cây cầu xi măng — đường xe lửa sét rỉ nằm dưới trũng, hai bờ dốc đầy cây gai và cỏ dại — vào con đường lìa khỏi châu thành. Họ cách nhau một khoảng chiều ngang hoặc trước sau một vài bước, ít khi sánh vai. Cũng có lúc Hiệp nắm cánh tay Thuận đưa qua đường. Cử chỉ âu yếm mà vẫn chia cách. Họ nói với nhau những câu ngắn nhỏ Hiệp hút thuốc ngó nhìn phía trước, còn Thuận chẳng biết đặt mắt vào chỗ nào. Thuận ưa mặc áo dài tím hoặc đen, như một vệt loang tối sớm trên đường đi, búi tóc trễ lệch một bên vai là điểm đặc biệt lạ trong châu thành dễ nhận biết từ xa. Một lần tôi đã theo dõi hai người suốt cả buổi chiều. Trước tiên tôi nhìn thấy họ như hai bóng im giữa một vùng hoang tĩnh, họ không ở đây. Đi mãi tôi cũng nhẹ loãng như một cái bóng nữa, quên hết ý định của mình. Tôi ngồi lại trên phiến đá sau nhà thờ, nhìn bóng tối bò dần từ dưới vũng bờ bụi nơi đường rẫy lên mặt đường dưới chân gò. Hiệp và Thuận đi xuống con đường đất dẫn vào đồng ruộng và làng xóm kế cận châu thành, tôi ngồi chờ nghe chuông đồ hồi vang dập trong ngực chẳng khác nào thân mình là những vách trống. Tôi không hiểu tôi ở đó để làm gì. Hiệp và Thuận ở lại trong con đường đất rất lâu tưởng như mất luôn.

Mấy lúc sau Hiệp còn thường cùng ông Pháp ghé thăm một ông già Tàu bại xụi, suốt ngày nằm chết trên ghế xích đu trong một căn nhà ngay đầu góc phố chợ. Từ ngoài ngó vô, gian nhà thụt sâu, tối om, chỉ thấy bóng điện đỏ ké trên kệ thờ,

ông già Tàu nằm im như tượng quay mặt ra hè chấn cửa. Ông sống một mình trong không khí thâm u với cô con gái nuôi săn sóc. Ông Pháp và Hiệp bắc hai chiếc ghế đẫu quây lấy ông. Chỉ mấy phút đầu người ta thấy bóng cô gái nuôi mang nước mời khách, rồi biến lủi vào t óng tối bên trong. Ông Pháp nói cười mạnh bạo nhất, đôi lúc khuya, tiếng cười của ông kéo cái bóng im lìm nhỏ nhắn của cô gái ra khỏi một nửa bóng tối. Ông già Tàu ít biết tiếng Việt nên ông Pháp vừa nói cho mình vừu làm thông ngôn cho Hiệp. Bữa vắng ông Pháp, Hiệp cũng ghé tới một mình và những bữa ấy không nghe tiếng chuyện trò. Giữa hai người đặt một ấm trà, Hiệp vẫn có thể ngồi đối diện với người bệnh cả giờ. Ông già Tàu là một triệu phú, gia tài đã chia hết cho con cái, chúng lo kinh doanh không đứa nào gần ông. Ông về tỉnh sống với đứa con nuôi tận tụy, nằm đợi chết và bị bỏ quên. Mới đầu tôi phỏng đoán Hiệp mê cô gái con nuôi ông Tàu. Bây giờ tôi nghĩ Hiệp chỉ muốn nhìn sự vật trong thể tĩnh, muốn loại trừ những náo động trong tâm bằng cách tạo sự lặng lẽ quanh mình. Cô gái Tàu đẹp và lầm lỳ. Nước da trắng xanh của người ít ra ngoài ánh sáng. Mắt một mí như sưng mọng, miệng nhỏ chúm lại như một búp hồng. Tấm thân uyển chuyển, nhịp nhàng với mái tóc cụt một vẻ quý phái bất ngờ trong dáng điệu. Tên cô là Hàng Duỳn. Hàng Duỳn. Hàng Duỳn. Cô hao hao giống chị Lệ.

(Ông già Tàu đã chết. Hàng Duỳn không còn ở tỉnh nữa.)

THANH-TÂM-TUYỀN

(còn tiếp)

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN
TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN
GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG-TY BẢO-HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH
Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288 750.000.000 F.

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP
CHI NHÁNH TẠI SAIGON
26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)
GIÂY NÓI : 21.253 — 23 913

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn Công-Trứ, 44

SAIGON

★

HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London :	*Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*
Tokyo :	*No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*
Hongkong :	*60, Bonham Strand West.*
Central district :	*Shell House, Queen's Road.*
Kowloon :	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
Singapore :	*64 South Bridge Road*
Kuala Lumpur :	*14 Ampang Street.*

VŨ DZŨNG

HAI chiếc phi cơ lần lượt theo nhau hạ cánh trên một bãi đất trống, chạy dài. Một ngôi nhà nhỏ nằm cuối đường bay với tấm bảng «Phi trường Đông-Hà». Hóa ra đây cũng là một phi trường. Hai phi trường Tân Sơn Nhất, Đông Hà chỉ cách nhau có hơn ba giờ bay, mà đã mang hai hình ảnh trái ngược. Một đằng, phản lực, trực thăng, hai động cơ, bốn động cơ, caribu, skyraider nằm xếp hàng náo nhiệt trên sân tráng nhựa phẳng lì. Một đằng chỉ là bãi đất đỏ trống không. Bỗng nhiên người bạn đi cùng tôi buột mồm than: «Đông Hà nghèo quá !».

Đông Hà đã nghèo, những trận chiến bỏ về Quảng-Trị càng làm cho Đông Hà thêm buồn tẻ. Những ngôi nhà lô nhô, một vài đường phố vắng vẻ, khiến người ta nghĩ ngay đến một thị xã chiến tranh mà nỗi lo túc trực hàng ngày. Chúng tôi bước lên những chiếc Dodge 4, đi qua những con đường lo lắng ấy, ra Bến Hải. Chúng tôi đi để chứng kiến một cuộc sang sông của ba người đàn ông. Ba người đàn bà cũng cùng đi để nhìn mặt chồng lần cuối. Không rõ tâm tư họ thế nào nhưng trên mặt, người ta chỉ thấy một nét lạnh lùng.

Tôi đã định tìm đến ba người đàn bà hỏi dăm ba câu, nhưng anh quân cảnh không cho tôi thực hiện ý định. Bây giờ thì ba bà đã ngồi riêng trên một chiếc Jeep và chúng tôi cũng đang ở trong lòng mấy chiếc Dodge 4 tung bụi đỏ phía sau. Gió thật nhiều, trời buổi trưa ít nắng. Đang vơ vẩn nhìn mây, đến Gio Linh lúc nào chẳng biết.

Một đám đông họp chợ ngay bên đường. Những người đàn ông khăn đống áo the, những bà hàng buôn gánh bán bưng, ngay cả mấy cô gánh nước, cũng phất phơ chiếc áo dài nâu ,tôi mới chợt nhận ra ở đây quá gần với Bắc. Càng tiến gần giới tuyến, càng tìm thấy những hình ảnh quen thuộc với quê

hương mình ngày cũ. Những cột cây số đề Đồng Hới, Vinh, Hà Nội với những con số làm lòng người thêm xao xuyến. Và, cái công dụng của nó tự nhiên đổi khác : nó không còn giúp ích gì về ý niệm chiều dài, nhưng lại giúp ta nhìn xuống chiều sâu của lòng mình. Dĩ vãng len lỏi tìm về...

Mười một năm qua, chúng ta còn lại gì. Bao nhiêu ngươi đã nằm xuống và bao nhiêu người đã lớn lên. Nhưng cây cầu vẫn trơ trẽn nằm đấy. Chúng tôi sắp tới, sắp chứng kiến một 'chứng cớ lịch sử, sắp được nhìn cây cầu, tang chứng đau thương.

Đoàn xe rẽ vào một căn cứ trên đỉnh đồi giáp với vùng phi quân sự. Những khẩu đại bác nghền cổ nhìn về phương Bắc, đạn xếp đầy dưới cỏ như những thực phẩm dự trữ của con quái vật. Gió phớt nhẹ đầu ngọn cỏ trên đỉnh đồi cao. Khung cảnh sẽ thần tiên hơn nếu không cần phải có sự hiện diện của những quái vật nghền cổ đen ngòm kia.

Những mảng số vàng vọt phía trước và sau xe được người ta trát bùn lên kín mít. Đoàn xe quay trở ra con đường cũ và tiếp tục tiến vào khu «phi quân sự».

Những chiếc xe không số như những anh hùng bịt mặt, từ từ lăn bánh trên con đường số Một. Sau khi đổ xuống một con dốc ngoằn ngoèo thì đã trông thấy hai lá cờ ở phía xa. Hai bên đường, ruộng lúa xanh mơn mởn. Nông dân đứng lom khom trên thửa ruộng mình, tấm áo nâu bạc mầu. Lần thứ hai tôi lại nghĩ Quảng Trị nghèo quá. Bên trái núi non vòi vọi, bên phải đại dương mênh mông. Đất hẹp, ruộng khô, người ta phải phấn đấu lắm mới thắng được thiên nhiên. Hàng cây bên đường mới được trồng, còn gầy gò bé bỏng. Xe qua trạm kiểm soát cuối cùng thì cũng tới đầu cầu Hiền Lương

Ở đây trên một bãi cỏ rộng, người dân đã tụ tập sẵn sàng để đón vị Tư Lệnh Vùng I, và cũng để đưa ba người ra Bắc. Trên những tấm biểu ngữ, người ta đọc thấy ý nghĩa của *đón* và *đưa* trái ngược hẳn nhau. Số người không quá một ngàn nhưng cũng đủ lấp đầy bãi cỏ ven đường.

Sáu năm trước đây, tôi có dịp ra đây, ngày đó cột cờ bên kia cao hơn bên này, ở xa chỉ nhìn thấy mầu đỏ.

Sáu năm sau trở lại, quang cảnh có biến đổi, hai cột cờ đã cao bằng nhau, mỗi bên có thêm hệ thống loa phóng thanh tối tân. Bên kia vẫn cái cổng xây với câu « Nam Bắc một nhà » nhưng mất câu « Hòa Bình Thế Giới muôn năm » và thêm một khẩu hiệu bài Mỹ rất lớn.

Một người dân mặc sơ mi bỏ ngoài quần, với giọng nghiêm trang kể lại. thì sau khi có một ông lớn nào đó thăm Bến Hải, cột cờ miền Nam đã được xây thêm cho cao bằng miền Bắc. Tôi thầm nghĩ, thí dụ miền Bắc lại xây cho cờ họ cao lên nữa thì sao ? Cuộc chạy đua sẽ xảy ra bao lâu nữa ?

Ngước nhìn ai lá cờ, gió từ biển vào, cờ mở rộng, cùng bay một hướng ! Một ý nghĩ khác lại đến với tôi : Đáng nhẽ phải bay theo hai hướng khác nhau chứ ?

Tôi cười thầm, nụ cười lộ trên môi, làm cho anh lính đứng gần đấy cũng mỉm cười. Tôi bắt chuyện :

— Anh đồn trú ở đây lâu chưa ?

— Hai ba năm rồi anh.

— Ở đây có dễ chịu không anh ?

— Buồn lắm anh ! Ở đây vắng vẻ, lại ngày ngày trông thấy cảnh bên ni bên nớ, thực là...

Tôi ngước nhìn lên cầu, hai anh lính, một Nam một Bắc đang trò truyện với nhau, tôi hỏi :

— Thế anh có bao giờ nói chuyện với họ không ?

— Có. Ngày nào chả gặp nhau trên cầu. Nhưng mà chẳng bao giờ nói với nhau đặng năm phút.

— Sao vậy ?

— Khi nói với nhau lâu là chúng tôi lại đập lộn.

— Thế có bao giờ các anh nói chuyện tình cảm với nhau ?

— Có, nhưng càng mau đập nhau hơn.

— Các anh nói chuyện chi vậy ?

— À, thì sau vài câu trao đổi, nó nói một câu rất sùng, thí dụ, nó chỉ vào cái bút trên ngực tôi khen « bút đẹp quá hỉ. Của Mỹ cho hỉ » hay là « trông anh coi bộ mập đó, làm tay sai cho Mỹ sướng quá hỉ ». Thế là xảy ra xô sát, có khi bị thương máu me đầy mình. Có đôi lần hai bên rút cả súng ra nữa nhưng chưa bao giờ bắn nhau cả vì Uỷ Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến đã can ngăn kịp thời. Hai bên phải *đình chiến* ngay !...

— Một tháng xảy ra chừng mấy lần như vậy ?

— Nhiều lắm, tới hơn mười lần lận. Bọn nó là hay tuyên truyền tụi tôi lắm. Nghe không chịu nổi đó.

Tôi cười với anh, hỏi tên anh, anh cũng hỏi về tôi và bỗng nhiên chúng tôi trở nên thân thiết. Anh không phải là người Quảng Trị, giọng nói của anh rất dễ nghe. Anh cầm điếu thuốc của tôi đặt lên môi. Tôi châm lửa, anh phà khói, gió thổi bay đi. Vài nét ưu tư thoáng hiện. Người lính miền biên giới, lại tiếp xúc thường xuyên với bên kia, chắc chắn anh phải có tinh thần vững lắm.

Bỗng nhiên từ dàn loa bên kia sông vang lên, nhắc đến những vụ oanh tạc của Mỹ, rồi kế đến những chiến thắng mới đây của bên ấy ở một vài nơi : Nào là hạ được sáu *máy bay lên thẳng*, nào là đánh tan một tiểu đoàn *lính thủy đánh bộ*... Những con số đạn dược võ khí được nêu lên. Nói chán chê, lại xoay ra đả chính quyền miền Nam... Tôi bật cười khi nghe thấy mấy chữ « đại tướng chỉ để làm đại sứ lang thang ».

Người lính biên giới mới quen bảo với tôi :

— Ngày nào chúng cũng nhai đi nhai lại một luận điệu. Có lần, đang đêm chúng cũng lớn tiếng tuyên truyền. Không ngủ được, chúng tôi xách súng ra bắn vỡ loa bọn chúng mới chịu im.

— Thế bên mình sao không thấy nói ?

— Có chứ, bên mình cũng có nói. nhưng không bao giờ nói vào giờ đi ngủ cả !

Bên kia, trên bờ cỏ, từng đôi loa lớn há hốc ngoảnh sang bên này. Một dàn loa 12 chiếc liền tù tì tiếp tục phát âm. Tôi không để ý nữa, kéo người bạn mới ngồi xuống bờ cỏ hàn huyên. Anh cho biết ngoài công việc canh phòng và kiểm soát thì chỉ có ăn và ngủ, thỉnh thoảng có một chuyến thư ra, thư về. Khi có chuyến bưu thiếp ra, bên này bỏ vào một cái xe nhỏ, một người đẩy qua cầu sang bên kia, bên kia ký nhận xong lại đẩy về. Khi bên kia có bưu thiếp vào, họ bỏ vào chiếc bao tải, vác lên vai, đem qua bên này. Chỉ những chuyến thư như vậy là người bên này có thể bước vào đất bên kia, và người bên kia mới bước vào đất bên này. Có thể vào trụ sở của nhau uống chén trà, nói vài câu truyện rồi mới về. Còn thì bình thường chỉ được đứng trên cầu chứ không được bước vào đất của đối phương.

— Sao bên kia không bỏ bưu thiếp vào xe như bên này ?

— Có lẽ họ sợ bị lẫn với tư bản !

Trời bắt đầu nắng gắt. Giòng nước lặng lẽ trôi qua cầu. Tự nhiên tôi chợt buồn. Những cái đấm đá trên cầu, sự cao thấp của hai lá cờ làm người ta bật cười. Nhưng sự khác biệt giữa chiếc bao tải và cái xe không làm người ta cười được nữa. Cột Cờ có thể xây lên cho bằng trong sáu năm, vết thương có thể lành trong vài ngày. Nhưng giữa bao tải và cái xe, chúng ta nghĩ sao ?

Sự cách biệt không chỉ ở một cây cầu bầy nhịp con con dài chưa đầy trăm mét. Sự cách biệt còn ở ngay

SÔNG MÃ THÁNG TƯ

NGỌN TÓC TRĂM NĂM
truyện nghiêuđề

BÌA
nguyễntruug

PHỤ BẢN
tàmtriết, cùnguyễn, nguyễntrung

TRÌNH BÀY
trầndạtừ

trong lòng chúng ta, dù cho nói cùng thứ tiếng, mang cùng mầu da, và như thế, lấy thước nào đo được...

Vài chiếc thuyền đánh cá xuôi ngược hai bên bờ. Gần giữa sông, một chiếc thuyền con buộc níu vào chân cầu, một người đàn ông với chiếc nón xùm xụp trên đầu, ngồi trầm ngâm như một ngư ông nghĩ chuyện thời thế ! Người bạn cho tôi biết người đó là mật thám « giả bộ ngồi câu để quan sát bên này ». Tôi dơ tay chỉ những chiếc thuyền xuôi ngược, người bạn tiếp :

— Còn đấy là những thuyền đánh cá, dân bên nào thì đi nửa sông bên đó.

Anh bạn cho biết thêm : Để kiểm soát những thuyền bè này, ngoài cửa biển, cửa Tùng, có đồn Liên Hợp. Mỗi đồn canh ở một bên sông.

Mỗi tuần đổi đồn một lần. Tuần này mình ở đồn bên này thì tuần sau mình sang đồn bên kia, người bên kia thì ngược lại. Điều này chắc có ghi trong hiệp định ?

Câu chuyện đến đây thì tiếng ồn ào nổi lên. Dàn loa bên này cũng bắt đầu

hoạt động. « Thiếu Tướng Tư Lệnh vùng I đã tới »... Tiếng loa vang lên, đả đảo Việt Cộng, nói đến phong trào Hòa Bình Thân Cộng...

Rồi một đại diện Học Sinh địa phương lên máy phóng thanh kể tội ác Việt Cộng. Thiếu Tướng Thi trong bộ đồ đen đọc diễn văn lên án phong trào hòa bình kiểu Cộng Sản. « Kể từ giờ phút này, ba ông Kỵ, Huyến, Chiếm không còn là Công Dân Việt Nam nữa. Chúng ta tống xuất ba ông này ra Bắc. Yêu cầu Cảnh Sát và Quân Cảnh thi hành nhiệm vụ ! » Thế là ba người một giáo sư, một bác sĩ và một ký giả, bị giữ trong một căn nhà có canh gác cẩn thận, sau khi truyện trò lần cuối với ba bà vợ, đã bị Cảnh Sát và Quân Cảnh đưa ra đầu cầu. Giáo sư Kỵ gầy gò, mắt nhìn thẳng. Bác sĩ Huyến thì nhìn ngang nhìn ngửa, mỉm cười. Ký giả Chiếm có vẻ đau khổ, mặt buồn thảm. Hành lý của ba người là mấy chiếc dỏ xách tay. Người ta chen lấn đến sát bên làm cho ba người bước theo mấy anh Quân Cảnh một cách khó khăn.

Lên đến đầu cầu, ngừng lại. Lính hai bên nói với nhau Mấy anh lính bên kia ra bắt tay, đỡ dỏ. Ba người lại tiếp tục qua cầu, vội vàng, lặng lẽ.

ĐÃ PHÁT HÀNH

bai

le oanh

★ *thơ* Kiên Thêm

★ *mẫu bìa* Huy Tường

Mấy Ký giả miền Bắc được lên cầu chụp hình túi bụi.

Bên kia có tiếng sáo não nuột rồi đến những câu hò Huế trầm hẳn xuống. Bên này dàn loa cũng vang lên kể tội ba kẻ qua sông. Từ bên này bước sang bên kia mà như đi vào một thế giới khác !

Tôi lần xuống một mỏm đá bên sông thò tay xuống nước. *Tôi rửa tay trên dòng Bến Hải.* Cái rửa tay lịch sử. Tôi nhìn xuống sông, giòng nước vẫn chảy bình thường. Những phiên gác đổi đồn ngày mai, ngày kia vẫn diễn ra như thế. Chẳng có gì thay đổi, ngoại trừ chiếc xe chở bưu thiếp hàng tháng sẽ nặng hơn lên vì có thêm ba tấm gửi ra, và người vác bao tải cũng mệt hơn vì lại thêm một chút ít nhiều hàng thương nhớ đè nặng trên vai.

VŨ DZŨNG

tháng 3-65

ĐÃ PHÁT HÀNH :

Trời Thơ Bao La

thơ của HUY-LỰC

— « Thơ Huy-Lực, với những hình ảnh cảm-xúc bén nhạy tinh-tế, tác động sâu rộng trong tâm hồn chúng ta. Huy-Lực là một trong những nhà thơ hôm nay tự dọn cho mình một địa vị xứng đáng.

Vũ-hoàng-Chương

— Sách loại mỹ thuật in trên giấy croquis nền ngàn mai và hoa bướm.

Mọi liên lạc : *164/20 Hiền-Vương — SAIGON*

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.
Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm
Téléphone : 21.902 — 3 Lignes
135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ
(Immeuble TAX)
Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Télephones : 385 et 48
B. P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central
Tel. 35.601
P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Réprésentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

ĐIỂM SÁCH

Tác-phẩm : **Đêm Trăng Mùa Hạ**
Tác-giả : **Lưu Nghi**
Nhà xuất-bản : **Vĩnh Sinh 1965**

● CÔ PHƯƠNG-THẢO

CĂN cứ vào sự ghi chú, người ta được biết *Đêm trăng mùa hạ*, truyện dài đầu tay của Lưu-Nghi, khởi viết từ năm 58, hoàn thành vào năm 62, ra đời vào những tháng đầu của năm 65.

Trong gần 200 trang giấy 13 x 18, tác giả xuất hiện như một nhân chứng dự phần trực tiếp vào trong câu chuyện, kể lể qua một tiếng « tôi » luôn luôn có mặt ở các trang sách về những thảm cảnh xoay quanh hai chữ « tiền, tình » giữa một loại hạng nhân vật sống trên sập gụ, và trên bin-đinh.

Nhân vật đầu tiên được đề cập tới tên là Hélène, con một gã thương gia người Ý đã đến lập nghiệp rất lâu trên đất Việt-Nam, và một người đàn bà Việt. Năm Hélène được 20 tuổi thì thân phụ nàng qua đời vì một tai nạn xe hơi. Trong số bạn bè khách khứa lui tới sau đó, mẹ nàng có lựa một người đàn ông để mà dan díu. Người đàn ông này nhiều tuổi và có đời tư không mấy tốt đẹp, đã từng dạm hỏi Hélène làm vợ khi nàng mới 19 tuổi, nhưng nàng từ chối Rồi một đêm kia, người nhân tình của mẹ nàng, thừa lúc nàng say giấc điệp, mang «cả khối thịt» của gã đè lên người nàng. Tất nhiên, nàng phải chống cự quyết liệt. Ngoài sự vùng vẫy, nàng còn cắn mạnh, và gã buông ra, trước ánh đèn sáng bẽ bàng và vẻ ngơ ngác của bà mẹ già. Hélène bỏ nhà ra đi, oán hận tình đời, những muốn từ giã cuộc sống, nhưng nhờ khóc nhiều nên cái ý nghĩ quyên sinh mất nhiều hiệu lực. (*trg 38*).

Nàng gặp một gã thương gia tên Tấn. Và đây là người thứ hai trong sổ đoạn trường Đêm trăng mùa hạ.

Tấn là con một nhà giàu, thừa tiền, thừa của, nhưng thiếu tình thương. Khi gã lớn lên thì mẹ gã chết. Người cha của gã, được tự do hơn, nên càng sống đời phóng túng, bừa bãi. Anh ruột của gã tên Xuân, noi theo gương cha nên sớm trở thành kẻ trụy lạc hoàn toàn. Rồi cha của gã cưới về một người đàn bà có cái vẻ « đẹp kỳ lạ ». *Những cảnh mẹ ghẻ con chồng xảy ra, khiến cho gia đình nghẹt thở. Một hôm, thấy mẹ ghẻ hành hung đứa em gái mình, – tên Thanh, – Tấn rút dao nhỏ, xông vào can thiệp nhưng rồi nghĩ lại thương cha, anh đành nhượng bộ. Được ba ngày sau, anh Cả của Tấn là Xuân lại có một cuộc xô xát với bà ghẻ và bị người cha đuổi ra khỏi nhà. Sau đó, buồn tình, Tấn cũng bỏ nhà ra đi. Trong cuộc xuất ngoại khá bi thảm này, Xuân càng trở nên bệ rạc, cùng khốn, vì nỗi nghiện ngập, trở thành một*

gã ăn xin không mấy chính thức, chỉ còn có mỗi một sự chờ đợi người cha qua đời để về chiếm lĩnh gia tài. Còn Tấn thì từ tay trắng trở thành một gã thương gia giàu có nhưng rất chán tiền, và « càng sợ hãi đóng tiền thì tiền lại đến càng nhiều ». *Gã yêu Hélène, tìm đủ mọi cách để cho Hélène sung sướng, thuê một căn phòng ở nơi lầu 2, trên cái hãng buôn của gã, để cho nàng ở, trang bị mọi thứ tiện nghi cho nàng, nhưng Hélène chẳng yêu gã chút nào. Nàng chỉ yêu Hoàng, một gã ở tầng lầu 3.*

Hoàng là một gã đàn ông phóng túng, đã được giới thiệu từ nhỏ như một học sinh ngỗ nghịch, « ba-gai ». Trong sự đưa đẩy bất thường của cuộc đời này, gã gặp Mộng-Trinh, cô gái một nhà đại phú. Cô này trước đấy lỡ mê một gã Tây lai tóc quăn và được gã trao cho một khối tình trong bụng mà gã nhất định từ chối việc làm... chủ-nhiệm. Để cứu thể diện gia đình cô gái, Hoàng bằng lòng lấy Mộng-Trinh như là khai thác một chuyến áp phe có lời. Đám cưới của họ tổ chức sang trọng, tưng bừng, ở tại nhà Thờ, có sự chứng kiến của vị mục sư, đại diện cho Đức Chúa Trời. Cưới xong, Hoàng nhận chức vụ ở vùng Cao-Nguyên và đưa « vợ » theo. Nhưng thời gian sau, Hoàng bỏ hẳn vợ, đáo về Saigon, mang theo một số tư trang quí giá lấy trộm của người vợ giàu. Với của cải này, gã ăn diện sang, tìm cách tống tiền những đàn bà góa chán sự thủ tiết và ve vãn các nữ sinh lãng mạn, thích ở bin-đing, thích xe Hoa-kỳ và thích người tình biết ăn biết mặc. Trong cái đại đội tình nhân của gã, ngoài nàng Hélène, còn có Lệ-Thủy.

Lệ-Thủy là một nữ sinh, mới 18 tuổi, có đôi mắt sắc như là dao cạo, học dốt, nhưng mê xi-nê và thích có bồ. Gặp Hoàng, mê Hoàng, bỏ học bỏ hành khiến bà cụ đẻ ra nàng phải chạy khắp nơi cầu cứa người ta lôi kéo hộ con gái mình ra khỏi lưới tình.

Nhưng người ta đến quá chậm. Lệ-Thủy đã gieo mình từ lầu 3 xuống dưới mặt đường. Hélène vỡ mộng về gã tình chung lịch sử của nàng, ngất xỉu, khiến tác giả phải góp phần khuân vác nàng lên giường nằm. Và bà mẹ già của cô Lệ-Thủy đau khổ, hóa điên. Hoàng vào ngồi tù. Hai năm sau, ra tù, gã lại lấy vợ. Vợ gã cũng là con nhà giàu có, bị một sở khanh phụ bạc, sống đời bùn lầy, rồi bị bắt giam. Cả hai về sống trong một xóm nghèo, cùng tỏ ra vẻ hết sức lương thiện. Hoàng đi nuôi thuốc, nuôi cơm bà mẹ Lệ-Thủy, nhưng được vài tháng thì bà cụ chết. Họ lại « nhận con của vợ chồng người xích-lô qua đời đột ngột để đem về nuôi ». *Và khi chấm dứt tác phẩm, tác giả còn hứa hẹn rằng, vợ Hoàng và Hoàng, và đứa con nuôi, là ba nhân vật có thể trở thành đề tài của quyển tiểu thuyết sau này.*

* * *

Qua nội dung ấy, *Đêm Trăng Mùa Hạ* là một tiểu thuyết tình cảm, xã hội, chọn lấy đề tài ở trong khung cảnh sa đọa của những gia đình giàu có, thương nhân, với con cái họ là những nạn nhân bi thảm. Tuy vậy, tác giả không phải lột tả một cách chân thực tất cả suy đồi có thể xảy ra trong lớp hạng ấy, mà chỉ mượn đó như một khung cảnh để nói về sự dại dột, nông nổi của hạng con gái nhà giàu và sự hư hỏng, đê tiện của một loại hạng đàn ông. Hélène, Mộng-Trinh, Lệ-Thủy là lớp người trên, còn Xuân và Hoàng với gã Tây lai vắng mặt là lớp người dưới.

Ngoài những cá tính đáng nên rầu rĩ của lớp nam nữ nói trên, sự việc trong truyện còn cho ta thấy thêm một vấn đề khác nữa : đó là vai trò quan trọng của nền giáo dục ở trong gia đình. Vô tình hay là cố ý, tác giả đã cho ta thấy một cách gián tiếp, những sự khiếm diện các người trưởng thượng, hay những gương xấu do họ gây ra đã làm khổ sở con cái của họ thế nào. Có ba gia đình tương đối quan trọng ở trong tác phẩm thì không một gia đình nào có đủ cả cha lẫn mẹ. Hélène chỉ bắt đầu khổ sau khi cha chết, mẹ hóa bỉ ổi, và Tấn cùng Xuân chỉ bắt đầu khổ khi mẹ lìa đời, cha họ trở nên sa đọa. Lệ-Thủy hư hỏng, cũng là cô gái đã mồ côi cha, được mẹ quá sức nuông chiều.

Nhưng đậm đà nhất, trên cả những gia đình ấy, là vấn đề tiền. Hélène được giáo dục trong sinh hoạt phóng túng của một gia đình no... tiền, và khi bỏ nhà ra đi đã chịu nhận tiền giúp đỡ của gã thương gia tên Tấn để sống cách gã một... cấp thang lầu. Cả sự giận dỗi của gã tên Xuân với người mẹ ghẻ cũng do đồng tiền, và Hoàng chịu lấy Mộng-Trinh rồi bỏ Mộng-Trinh cũng lại bởi tiền. Cho đến cô bé Lệ-Thủy mê Hoàng và lao mình xuống chân lầu (để tránh tủi nhục ?) có thể là vì tiền nữa. Đồng tiền đã ghi những vết tàn phá sâu đậm lên trên cuộc đời của các nhân vật thừa tiền, cũng như cuộc đời những kẻ vốn thèm khát nó đến tự quên mình.

***

Ưu điểm tác phẩm, về mặt nội dung, là một thái độ xã hội. Tác giả không dừng lại ở ngoài ngõ hay nơi chân thềm của các biệt thự, bin đinh, để nhìn ngắm các công trình kiến trúc qui mô hay vẻ sang trọng hào hoa ở trên hình thức mà đã đột nhập vào đó, tham dự vào đó, để nhìn thấy những dại dột, hư hỏng, xấu xa. Ba cái gia đình gọi là sang trọng ở trong tác phẩm, là hiện thân của suy đồi. Ở đấy, không còn tương quan tình nghĩa đích thực, không có tình yêu đích thực, bổn phận đích thực. Mẹ con, cha con, anh em, vợ chồng, và đến những kẻ gọi rằng yêu nhau cũng chỉ là sự tính toán, lừa gạt, theo một tinh thần mua bán của lớp gian thương. Ở trong *Đêm Trăng Mùa Hạ* không có bổn phận, bởi vì có ai thực sự lo lắng cho ai bao giờ ? Cha mẹ Hélène không phải là những người tốt, người cha, người dì của Xuân rõ ràng là những người xấu, cặp Hoàng-Mộng-Trinh chỉ là hai kẻ điếm đàng tạm sống với nhau như vợ như chồng. Bà mẹ của cô Lệ Thủy không phải là người biết thương con mình. Con người đối đãi với nhau bằng một ý thức loạng choạng, trên một căn bản ngờ vực lẫn nhau, lợi dụng lẫn nhau, và được che kín sau cánh cửa sắt, sau rèm lụa thêu, sau những thành cao, tường dày. Tình yêu ở đấy cũng không có mặt, bởi vì có ai thật lòng thương yêu ai đâu ? Ngoại trừ một bọn đàn ông thô bỉ, đê tiện, có hai cô gái ra vẻ trong sạch, đáng thương là Hélène và Lệ Thủy, nhưng xét cho cùng, họ vẫn là hai con buôn hạ cấp, một thứ đĩ điếm chưa có môn bài chính thức đó thôi : Hélène vừa sống trong sự chu cấp của Tấn vừa bảo rằng chỉ yêu Hoàng, Lệ Thủy có thể gửi thư một lúc cho hai tên bồ cùng lớp và cứ tối

đến, thượng lên lầu ba để bàn tình yêu với tên ma-cô đội lốt hào hoa phong nhã. Chỉ có một thứ bản năng ích kỷ xô đẩy họ lại gần nhau, rồi kéo lôi họ xa nhau, trong đó đồng tiền ẩn hiện như kiểu ông tơ bà nguyệt.

Tác giả cố giữ một vẻ bình tĩnh, thản nhiên trong sự trình bày để khỏi « mang cặp kính màu luân lý » nhưng các sự kiện đều chứa đựng sẵn một thứ tinh thần luân lý phổ biến của lẽ nhân quả, của sự hối hận, của lòng khinh bỉ những gì phản bội, xấu xa. Chính tinh thần ấy làm cho tác phẩm có được một thứ quân bình về mặt tâm lý và đẩy nó đến gần gũi người đọc. Đồng thời tác giả *Đêm Trăng Mùa Hạ* chứng tỏ có một ngòi bút chín chắn, diễn đạt. mực thước, bằng một kỹ thuật sáng sủa của người có nhiều năm sống trong nghề. Một điều đáng nên ghi nhận là về bố cục, tác giả cố làm mới lạ bằng cách qui hiệp không gian của các sự việc dồn vào chỗ, và đảo chuyển hẳn thời gian để khiến người đọc được sống trong sự chờ đợi thường trực về những tình tiết sắp sửa xảy ra, dù tình tiết ấy không có gì để đợi chờ.

oOo

Tuy vậy, người đọc vẫn có những điều mong ước hơn nữa về tác phẩm ấy.

Trước hết, về mặt nội dung, tác giả gần như không quan niệm hết trọng lượng vấn đề nên phần ý nghĩa xã hội không được thể hiện một cách đầy đủ. Dù muốn dù không, tác giả cũng làm một nhà chép sử não nề về sự sa đọa của một tầng lớp thương gia ở xã hội này. Đã viết là đã lựa chọn : lựa chọn

vấn đề, lựa chọn nhân vật, lựa chọn sự việc và cách diễn đạt. Tuy nhiên, trong sự lựa chọn, tác giả thường hay lầm lẫn nhân vật — *đối tượng khách quan* — với những nhân vật theo cách suy xét của mình, thành những *đối tượng chủ quan*. Nói một cách khác « trong khi muốn dựng lên những con người hiện hữu » (như tác giả bảo trong lời mở đầu) tác giả không nhìn đầy đủ thực tế nên đã lấy mình để bồ túc vào một cách thiên lệch. Do đó, tác giả đã lãng mạn hóa sự tình đến mức tối đa và nhiều khuôn mặt ở trong tác phẩm đều là phi thực, chứ không hiện hữu như lòng tác giả sở cầu. Cha của Hélène, mẹ của Hélène và cả Hélène là những con người lãng mạn. Cha của Hélène thuở nhỏ là gã chèo thuyền ở trên mặt nước Venise « *hát toàn những bài tình ái yêu đương* » (trang 34). Mẹ của Helène là một cô gái Việt Nam, sống trong một « đại gia đình » nền nếp, đã bất chấp mọi dư luận, bỏ nhà ra đi theo gã ngoại quốc phiêu lưu. Còn nàng Hélène từ nhỏ đã được cha nàng dạy cho khiêu vũ, dạy uống rượu mạnh, dạy hát yêu đương «*đã được khuyến khích tham dự thật sự vào đời sống phóng túng của một gia đình Âu Tây sang trọng* » (trg 35). Còn cha của Tuấn và Xuân là một thương gia giàu có, dễ dãi, rộng lượng, « *sống đời tình cảm dào dạt, phong phú, thích làm ra tiền thật nhiều nhưng không muốn nô lệ cho đồng tiền* » (trg 60) Gã Tấn cũng vậy, thích đi dưới trăng, thích đứng dưới trăng, luôn luôn có một giọng điệu đau khổ về đời, si mê một cách tuyệt vọng, và

từ một kẻ tay trắng trở thành thương gia giàu có, « *sợ hãi đồng tiền mà tiền cứ chạy vào tay quá nhiều* ». Đấy là là chưa nói đến Xuân, một thứ lãng mạn sa đọa, chưa nói đến bà dì ghẻ có một « vẻ đẹp kỳ lạ » lấy tiền của chồng để nuôi những bọn trai khác, và khi chửi lộn với con chồng mình cũng biết « *trong một nháy mắt, quay mình lại, rút từ dưới gối ra một khẩu súng nhỏ, chĩa thẳng* » (trg 70) về phía bọn này, vừa mắng là «những đứa con bất hiếu» như kiểu một ả cao bồi lãng mạn ở trong loại phim « cưỡi ngựa, bắn súng » Hoa Kỳ.

Thật ra không thiếu gì những thương gia lãng mạn trên cõi đời này. Những người lãng mạn tất nhiên không phải là không biết hám đồng tiền. Nhưng chỉ nhìn thấy tính chất lãng mạn trong lớp thương gia của xã hội này là một lầm lẫn Và tả bọn họ như là những kẻ không muốn nô lệ đồng tiền, sợ hãi đồng tiền, thì thật là chuyện hoang đường. Nhưng trong khi ấy, họ đem tiền mua hoan lạc không kể liêm sỉ, đem tiền để tạo tình yêu một cách tồi tàn, là dụng ý gì ? Hay là tác giả nghĩ rằng làm cho kẻ khác nô lệ đồng tiền của mình, thì mình hoàn toàn tự do, không lệ thuộc tiền ?

Hình ảnh bà mẹ Hélène là một hình ảnh phi thực. Một người đàn bà biết yêu chồng mình một cách nồng hậu như thế, sau khi chồng chết lại dan díu ngay với gã đàn ông từng dạm hỏi con gái mình, và là một gã đàn ông bỉ tiện. Hình ảnh của cô Hélène cũng phi thực nốt. Một người con gái đã được giáo dục kiểu nàng, có thể mặc áo lòe loẹt lên hát rất dở ở trước công chúng mà không biết ngượng, đi đêm tự do với mọi người đàn ông lạ mà vẫn trong trắng nói chuyện yêu đương, ngất xỉu khi nghe tên điếm phụ bạc, vừa sống dửng dưng bằng tiền của gã si mê đài thọ cho mình. Hình ảnh của Tấn, cha Tấn cũng lại phi thực, bởi vì dù có lãng mạn cách nào đi nữa, một gã thương gia giàu có cũng không sợ hãi đồng tiền, và cũng không thể không làm nô lệ cho tiền. Nếu họ một hai bảo họ tự do đối với bạc tiền, và sợ nó lắm, thì ta cũng không nên vội mừng rỡ như gặp thánh nhân, hãy nên an tâm là họ nói dối, kể cả nói dối với chính họ nữa. Hình ảnh bà dì của Xuân, và cả tên Xuân cũng lại không thực. Loại người đàn bà lang chạ, đĩ điếm công khai, rút súng mắng bọn con chồng là đồ bất hiếu, thực là đột ngột. Và đứa con chồng trụy lạc, có thể xử sự như một cao-bồi thượng thặng, lại chịu ngoan ngoãn đuổi ra khỏi nhà, để sau khi đeo bệnh ghiền khủng khiếp lại ngoan ngoãn chờ cha chết trở về kiếm chút gia tài ? Còn cô Lệ Thủy, nào có nết na gì đâu, lý tưởng gì đâu mà phải gieo mình xuống ba tầng lầu để chết một cách vội vã ? Phải chăng, qua cái chết ấy, tác giả muốn cho tác phẩm kết thúc một cách « vẹn toàn » ? Hay là, qua cái chết ấy, tác giả muốn trút những sự hờn dỗi đầy ý tiếc rẻ đối với một số nữ sinh nhẹ dạ nhan nhẩn giữa xã hội này ? Nhưng dù thế nào đi nữa, tác giả như quên hẳn rằng có một số người đàn bà không sao chết được vì tình. Trong số loại ấy, nhất định phải có Lệ Thủy.

Kể ra Hoàng chỉ bị tù có 2 năm thôi, thực là quá nhẹ. Nhưng bà mẹ của Lệ Thủy, điên loạn sau khi con chết lại chờ Hoàng ở tù ra săn sóc mấy tháng mới chịu qua đời, thực là có bầm thọ tốt. Cái cảnh Hoàng ra khỏi tù, gặp một gái điếm, nên vợ nên chồng, rồi ở xóm nghèo, nuôi đứa bé con mồ côi của một vợ chồng xích lô, khiến cho người ta nhớ lại đoạn kết của phim Nhật La Sinh Môn. Nhưng cái ngụ ý « loài người vẫn tốt » ở La Sinh Môn có thể khiến ta tin cậy dễ dàng vì nhân vật chính là người tiều phu chất phác. Còn đây, một gã điếm đàng thượng thặng và ả giang hồ chuyên môn, sau một thời gian tu dưỡng trong chốn ngục tù, trở nên an phận, hiền lành như vậy, thực là rất đáng đề phòng.

Tuy nhiên, với kết thúc ấy, ít nhất tác giả cũng cho ta thấy được một điểm này : Ở nơi tác giả, cái căn bản thiện vẫn còn. Ông vẫn tin ở con người, và tin được cả khả năng giáo hóa của các nhà tù hiện tại. (Thực ra, nhà tù hiện tại chỉ có mỗi một tác dụng trái ngược. Kẻ cắp tập sự một khi vào tù sẽ sớm trở thành kẻ cắp dạn dày. Một chính trị phạm vào tù sẽ củng cố thêm lập trường và thêm kinh nghiệm đấu tranh). Ngoài ra, ông vẫn lo lắng cho những kẻ nghèo, nên trong đoạn kết tác phẩm, khi vợ chồng người xích lô chết đi, ông đã trao ngay đứa con của họ cho vợ chồng Hoàng bảo bọc. Rất tiếc, những kẻ bảo bọc không đáng cho ta tin cậy lâu dài.

Tuy vậy, vẫn có một số nhân vật đã được hiện thực linh động, mà Mộng Trinh là rõ nhất. Đó là nhân vật thành công ở trong tác phẩm. Mộng Trinh hiện thân cho một loại gái nhà giàu hư hỏng nhưng biết che đậy bằng cách mua một người chồng, và khi không giữ được chồng thì phải vội vàng giữ tiền bằng mọi mưu tính siêng năng và quyết liệt nhất. Một người đàn bà như vậy, mê gã Tây lai, và bị gã bỏ khi đã bụng mang dạ chửa, thật cũng hợp lý, hợp tình.

Tóm lại, nhân vật thiếu hẳn những nét tiêu biểu xác thực là vì nội dung không có vấn đề rõ rệt, chủ điểm rõ rệt. Người ta có thể tiếc rằng tác giả không có lập trường xã hội rõ ràng nên ông lạc lõng trong những chi tiết. Do đó, không những ông chưa đạt đến bút pháp của một nghệ thuật tả thực tự nhiên — vốn là một thứ bút pháp đã quá chậm trễ so với yêu cầu thời đại — mà còn chơi vơi trong một quan điểm lãng mạn đã lạc loài rồi. Vì thiếu bề rộng, cũng như chiều sâu, những cảnh sa đọa gò ép gặp nhau miễn cưỡng trong một ngôi nhà không tạo thành một bóng đen dày đặc mà chỉ mơ hồ, huyền ảo như một đêm trăng. Nhưng đó là một đêm trăng mùa hạ — một mùa không hề có mặt rõ rệt ở miền Nam này — xảy ra ở một bin-ding ba tầng có thừa thoáng khi để không cảm thấy oi bức.

* * *

Ngoài các điểm trên thuộc về chủ đề và những nhân vật tác phẩm, còn có hai điểm đáng nên lưu ý :

Thứ nhất là vai trò của tác giả ở trong nội dung, biểu hiện qua một tiếng « tôi » thường trực. Nếu có người nào thừa tiền, đùa nghịch đem tác phẩm này quay thành phim ảnh thì nhân vật

chính lại là tác giả, mặc dầu tác giả luôn luôn xác nhận mình chỉ là vai phụ thuộc, là kẻ nhắc tuồng. Bởi vì ở đâu, lúc nào, chúng ta cũng gặp tác giả. Tác giả khêu gợi tâm sự, tán tỉnh gái đẹp, khuyên can bà già, thăm viếng bạn hữu, sấn sóc tận tình cho một Hélène, thức trắng cả đêm vì một gã Tấn, lọ mọ theo sau Lệ Thủy để nhìn gót chân, tà áo ôm sát thân hình thon nhỏ của nàng, bỏ đã « *khá nhiều thì giờ để đi theo nàng* ». (trg 145) Đó là chưa kể những dịp tác giả rình rập « *khá lâu ở ngoài hàng rào* » (trg 147) nhà cô bé ấy, và khi ra về « *lòng không dịu bớt bâng khuâng* » (trg 147).

Kể làm sao xiết những sự khổ nhọc, công phu mà tác giả đã chịu đựng vì đám nhân vật lôi thôi, loạng choạng của mình. Xưa nay, chưa có tiểu thuyết-gia nào phí nhiều sức khỏe để mà săn só nhân vật của mình đến thế. Và cũng chưa có những nhân vật nào may mắn gặp gỡ được một tác giả dễ tin, và lại chịu khó như thế. Thỉnh thoảng để bù đắp lại những công ơn ấy, đám nhân vật kia cũng có tìm đến tác giả để mà phô bày tâm sự giữa khuya, hoặc đưa tác giả đi ăn, đi uống. Đôi khi họ cũng không tiếc lời khen tác giả là có lòng tốt. Và trước các lời khen tặng, hình như tác giả khiêm tốn nhận lãnh tất cả.

Thực ra, không phải tác giả không nhìn thấy rõ được sự quan trọng của mình. Không, tác giả là người hết sức quan trọng. Thường thường chúng ta được đọc những câu « *Tôi chân thành nói với các bạn rằng*»..., long trọng, chỉnh tề, rải rác ở trong tác phẩm, chẳng hạn « *Tôi chân thành nói với các bạn rằng gã say rượu ấy là một người bạn tốt của tôi* » (trg 53) hay là « *Tôi chân thành nói với các bạn rằng chính tôi cũng chưa phân biệt được rõ ràng sự ám ảnh ấy thuộc vào loại nào* » (trg 155) ... Vậy xin tác giả yên tâm. Độc giả không ai nghi ngờ gì hết về sự thành thực của tác giả cả. Bởi vì, những sự việc ấy không có quan hệ gì hết. Đôi khi, tác giả xen vào giữa chuyện những câu « *Điều ấy không lấy gì làm quan trọng* » đóng trong vòng ngoặc, khiến ta lại cảm thấy... tầm quan trọng của nó một cách đặc biệt.

Đôi khi sự quan trọng ấy lại được biểu lộ một cách khác hẳn. Chẳng hạn khi nghe Mộng Trinh nói chuyện Hoàng đã lừa mình, tức thì đầu óc tác giả rối loạn, nóng bừng, bần thần, mỏi mệt. Rồi thì tác giả nhủ thầm :« *Hết hi vọng rồi. Khốn nạn, khốn nạn .. Cướp tài sản của vợ, đi lừa bịp mọi người, dày xéo tình thương...,* » rồi « *hút tiếp mấy điếu thuốc lá, cố nuốt lấy khói để ngăn chận uất nghẹn trào lên tận cổ* » (trg 135). Một người đạo-đức như thế, nếu gặp ngoài đời thật là hết sức cảm động.

Chỉ phiền đôi khi, vì quá quan trọng, tác giả làm tình làm tội khá nhiều nhân vật. Phải thấy tác giả nói chuyện với Tấn, hay bắt vợ chồng của Nghĩa — một người bạn khác — chờ đợi câu chuyện của mình, phải thấy tác giả làm thinh trước sự hiện diện của gã thương gia ở nhà Hélène và sự Hélène ra vào phòng Hoàng, phải thấy tác giả lọ mọ theo dò Lệ-Thủy mà không chịu đến ngay Hoàng nói rõ sự thực, để cho đến

nỗi cô gái chết đi, bà già điên loạn, thì mới biết rằng tác giả đóng một vai trò quyết định chừng nào đối với cuộc đời nhân vật. Đáng lẽ ở đoạn kết thúc, tác giả có thể tự phê bằng một câu Kiều :

Trong mình nghĩ đã có người thác oan !

Một điểm *thứ hai* đáng lẽ phải nói trước hết, là lời mở đầu tác phẩm, gồm 5 trang sách, gói ghém tất cả quan niệm, lập trường tác giả. Tuy nhiên, chúng ta dành phần này lại sau cùng, là vì đọc xong tác phẩm, người ta thấy rằng những lời nói đầu không có liên quan gì hết đối với công trình. Có thể nó được cấu tạo — mãi về sau này, khi tác giả đã hoàn thành tác phẩm từ lâu — không phải để làm sáng tỏ tác phẩm, mà chỉ là để biện hộ tác phẩm, hoặc để tăng thêm cho nó ít nhiều màu sắc... tri-thức.

Sau khi long trọng « *xin phép báo trước cùng bạn đọc mấy điều cần thiết về cuốn tiểu thuyết* », tác giả trình bày đại khái như sau :

— a) Các nhân vật này không phải là sản phẩm tưởng tượng tuyệt đối mà là những người có thực. Nhưng « *họ là họ, mà tôi là tôi* ». Họ được viết ra không để sùng bái hay để sỉ vả. Họ chỉ là những con người với nhân tính đầy đủ, hành động với sự tự do tuyệt đối của con người. Đáng lẽ họ không cần có tên, vì họ chỉ là con người.

— b) Tác phẩm không có không gian thời gian rõ rệt vì tác giả ghi chép sự việc tùy lúc thuận tiện. Ngoài ra sự việc có nhiều nhưng không thể nào viết hết vì chỉ gạn lọc sắp xếp những gì liên hệ đến cốt chuyện chính yếu.

— c) Tác giả viết sách này không phải để làm triết lý, vì ý hướng tác giả là ý hướng văn chương. Tác giả cũng không nói đến luân lý đạo đức vì cái tốt xấu không phân biệt được. Hơn nữa tâm trạng con người luôn luôn thay đổi và sự tự do lựa chọn của người tùy thuộc tâm trạng hơn là lý trí. Tác giả không đưa ra *con người phải có*, chỉ muốn dựng lên con người *hiện hữu*, dựa trên một nền tảng chung là lương tri và lương tâm. (Tác giả có thêm chữ Tây : bon sens, conscience.)

Rất tiếc, đoạn thay lời tựa trên đây làm hại không ít đối với tác phẩm.

Đêm Trăng Mùa Hạ, với các tình tiết, với cách bố cục và những nhân vật của nó, dù không đạt được bề sâu vẫn có vẻ gì độc đáo của một ngòi bút không chịu ngoan ngoãn ngồi yên trong sự tầm thường. Nhưng vì thiếu hẳn bề sâu nên sự tìm mới trở thành một lối làm dáng kiểu cách, nặng nề, khiến cho người đọc nhiều khi không tránh được sự bực mình. Tuy thế, người đọc vẫn qui tác giả ở chỗ đã cố gắng đem cho họ ít nhiều hình ảnh về cuộc đời này, nên đã sẵn sàng quên đi mọi sự kiểu cách, như trong giao tiếp hàng ngày chúng ta phải biết nhân nhượng khuyết điểm ở trong cá tính mỗi người.

Nhưng với bao nhiêu lập luận « trí

thức» của đoạn mở đầu thì không một ai có thể nén được bất bình. Bởi vì tác-giả đã đi quá xa khỏi sự làm dáng, mà bước vào một thế giới ngụy trá của những lý luận giáo điều hết sức sai lầm, có thể tìm gặp trong đôi tài liệu giảng dạy văn chương. Không những vô nghĩa, mâu thuẫn, các lập luận ấy làm cho khuynh đảo lẽ phải, tạo cái thành trì kiên cố của một thái độ chủ quan lỗi thời, đề bưng bít các sự thực hiển nhiên về người, về đời.

Trước hết, một tiểu thuyết gia xác nhận nhân vật ở trong tác phẩm của mình *là những người thực* điều ấy có nghĩa gì không ? *Thực* hay *không thực* phải để tài năng tác giả tự trả lời lấy, qua cái ấn tượng gây được ở nơi tâm não người đọc. Có biết bao nhiêu sự thực hiển nhiên ngoài đời đã được nhà văn chép lại thành những sự kiện phi thực, chỉ vì khả năng tiếp nhận, khả năng diễn đạt của nhà văn ấy vẫn còn thiếu sót. Có những câu chuyện ma quỉ, thần tiên, làm bằng tưởng tượng mà vẫn có đủ ấn chứng thực tại để làm xúc động nhiều người. Lại thêm nhân vật tiểu thuyết có nhất định được phân cách hẳn với tác giả theo cái khẩu lệnh rằng « họ là họ mà tôi là tôi » đấy chăng ? Thiết tưởng không thể có chuyện phi thường như thế. Một người sáng tác dù muốn dù không cũng phải quan niệm nhân vật của mình, phải nhồi nhân vật bằng bột và nước của tâm hồn mình. Bất tài hay có tài cũng không thể nào thoát ly khỏi những con đẻ của mình. Họa chăng càng là thiên tài người ta càng có khả năng để tách biệt mình ra khỏi nhân vật nhưng tách biệt ấy chỉ là tương đối chứ không bao giờ có sự dứt khoát máy móc giữa « tôi và họ ».

Người ta còn tự hỏi rằng thế nào là những *nhân vật tưởng tượng tuyệt đối* như tác giả bảo ? Sự tưởng tượng nào cũng trên căn bản tái tạo, thì tuyệt đối như thế nào ? Vô tình tác giả đã vạch một cái giới hạn quá sức rạch ròi giữa điều tưởng tượng và điều có thực, đến nỗi không sao nhìn thấy những mối tương đồng cũng như dị biệt giữa chúng nó nữa.

Và khi tác giả bảo rằng họ là con người, không cần có tên, họ chỉ có những nhân tính đầy đủ, thế thì tại sao lại cần minh xác rằng « họ là họ và tôi là tôi ? » Hay vì tác giả sợ người đọc sách lầm ông với Tấn, với Xuân, với Hoàng đó chăng ? Cùng là « nhân tính đầy đủ» thì sao lại phải phân bua như vậy ? Ấy, khi thích lý luận, ông mượn đôi điều lý thuyết mơ hồ trong những sách vở quá cũ nên không xác nhận con người ở trên bình diện xã hội cùng mối tương quan thực tế của nó, *tuy trong cảm nghĩ ông không thể nào dám từ chối nó.*

Và lại thế nào là những « *nhân tính đầy đủ* » ? Và cái « *con người* » trừu tượng như ông quan niệm, nó ở nơi nào ? Hẳn là tác giả chỉ nghe nói thế chứ chưa bao giờ thấy nó. Một ngàn năm nữa, một triệu năm nữa, tác giả dù có uống được món thuốc trường sinh, cũng không có hi vọng gì gặp nó. Chỉ có những lớp con người trước mắt, con người cụ thể, với những vấn đề cụ thể, đang đòi hỏi ta có những thái độ hàng ngày. Sợ hãi thực tế, nên

phải trốn vào mơ hồ, lẽ ra tác giả không nên làm thế. Bởi vì tác giả tỏ ra là người yêu mến cuộc đời, tha thiết đối với văn nghệ, nghĩa là băn khoăn đi tìm sự thực về người. Và có sự thực nào đáng giá hơn là những sự thực của những con người gần gũi, cụ thể, ở chung quanh ta, và kể cả ta đấy nữa. Con người cụ thể, rất giới hạn của tác giả đã viết *Đêm Trăng Mùa Hạ* chứ không phải là con người mơ hồ, nhân tính đầy đủ, tuyệt đối tự do. Nhưng tìm đâu ra một thứ tự do tuyệt đối như ông tỏ bày ? Ngay óc tưởng tượng của ông có vẻ mênh mông là vậy, vẫn bị hạn chế nặng nề bởi cách nhận thức cuộc đời, bởi cái khiếu năng quan sát, bởi cái trình độ diễn đạt của ông. Gã Tôn Hành Giả ngày xưa với những tài phép phi thường cứ tưởng mình quá tự do, nhưng không nhảy khỏi bàn tay Phật Bà năm ngón tượng trưng cho lẽ ngũ hành vật chất. Quan niệm con người tự do tuyệt đối có lẽ là một quan niệm khôi hài lớn nhất và bi thảm nhất của cuộc đời này. Khôi hài vì đó là sự nhắm mắt xông xáo giữa đời. Nhưng lại bi thảm vì muốn chối từ tất cả những sự kêu đòi cơm áo, tự do, nhân phẩm, từ trước đến giờ. Chính vì bị nhiều hạn chế, cướp đoạt, mà chưa một ai có thể tự do một cách hoàn toàn. Tự do chỉ là thành quả của sự chiến đấu. Thân phận con lừa bị đặt giữa chậu nước và giỏ cỏ mà lầm tưởng mình có quyền tự do lựa chọn hoàn toàn thì thật hết sức đáng thương.

Tác giả lại còn tỏ ra chu đáo một cách vô ích khi bảo rằng mình không thể viết hết sự thực, mà chỉ lựa chọn những gì chính yếu. Kể ra, có ai ghi hết sự thực được đâu, dù đó là Đấng Vạn Năng. Nghệ thuật không hề buộc ai ghi hết — mà buộc sao được — nhưng chỉ đòi hỏi những nét tiêu biểu điển hình. Vì thế, người làm văn nghệ mới cần quan sát, mới cần chọn lựa, mới cần xây dựng. Và đó là những công việc thường thức, tất nhiên, của kẻ làm văn.

Ngoài ra tác giả còn ghi nhận rằng tác phẩm của mình không có không gian, thời gian rõ rệt. Nhưng chính người đọc vẫn thấy không gian của nó là cái Sài-gòn ồ-ạt được thu hẹp dần vào một bin-đing, thời gian của nó là những thàng ngày tiếp nối hiệp vào trong một đêm trăng, lại một đêm trăng mùa hạ. Có lẽ tác giả lầm sự *thay đổi thứ tự thời gian, không gian* với sự *không có chúng nó rõ rệt*. Vả lại, có những việc gì ra khỏi cái nhà hai chiều đó đâu ? Cho đến một cái chén bể lượm dưới đáy biển thẳm sâu vẫn kể với ta về cái sự tình không gian, thời gian của nó rõ ràng. Một số nhà văn ngoại quốc, viết *tiểu thuyết mới*, bảo không cần đến hai yếu tố ấy, nhưng đọc sách họ người ta vẫn thấy chúng cứ hiện ra như thường. Nhớ mới ngày nào, nghe chính tác giả *Đêm Trăng Mùa Hạ* tỏ sự bất bình khi thấy trên tờ Văn-Hóa Ngày Nay người ta đề một câu nói bất chấp không gian với lại thời gian, mà nay ông đã ngoan ngoãn muốn ra khỏi địa cầu này để sống giữa các hành tinh. Khốn thay, ở đấy, thời gian cùng với không gian vẫn có kia mà.

Tác giả còn nhắc đến cái ý hướng

văn chương đề mà phân biệt với cái ý hướng triết lý, và « *thường nghĩ rằng nếu viết văn mà đặt ý hướng văn chương sau một ý hướng nào khác, đó là điều đáng trách, nếu quả thật người viết nhằm mục đích duy nhất là viết một tác-phẩm nghệ thuật* » (trang 8). Thực ra, chưa một nhà văn nào trên cuộc đời này nhằm một mục đích *duy nhất* viết một tác phẩm nghệ thuật, theo một ý nghĩa mơ hồ như vậy. Nếu chưa sáng tác mà họ nói thế, thì chắc là họ nói đùa. Nếu sáng tác rồi mà họ nói thế thì chắc là họ thích đùa dai hơn, hoặc họ cố gắng nguỵ biện một cách vụng về. Không ai viết sách với cái mục đích *duy nhất* là làm tác-phẩm nghệ-thuật. Bởi vì viết một tác phẩm người ta nhắm nhiều mục đích. Hoặc đề góp phần xây dựng xã hội, hoặc đề giải tỏa lòng mình, đề chống lại một cái gì, hoặc tự xác nhận, đề kiếm thêm danh, và kiếm thêm tiền. Người ra nghệ thuật không phải là một cái gì trừu tượng, tự nó đã có ý nghĩa vẹn toàn. Nghệ thuật chính là sự sống biểu hiện đến mức cao nhất, và đã nói đến sự sống là nói đến các vấn đề. Nghệ thuật *thuần túy* chỉ là một cách nói đùa nghiêm nghị đề che đậy sự gian trá, hay sự bất lực. Hơn nữa phân biệt một cái ý hướng văn chương ở trong tiểu thuyết là một việc làm có vẻ thừa thãi, lần thần, đáng lẽ nên dành cho những kẻ nào chưa từng sáng tác, những kẻ đang nhìn văn nghệ với một cặp mắt ngơ ngác, tò mò. Tất nhiên khi viết tiểu thuyết không phải là viết biên khảo, tuy có thể cùng chung một mục đích. Nếu có những người sáng tác cứ thích biện luận, giảng giải, mà không thể hiện bằng những hình ảnh nghệ thuật, thì chỉ có thể giải thích như sau : họ chưa quan sát một cách đầy đủ, hoặc thiếu khả năng xây dựng hình tượng văn chương. Có thể là họ hời hợt, có thể là họ biếng lười, hay quá nôn nóng hoàn thành tác phẩm. Cũng có những nhà triết học, những nhà chính trị mượn các phương tiện văn chương đề mà trình bày quan niệm của mình. Như thế, chẳng có gì là đáng trách như tác giả bảo. Tại sao người ta lại không thể mượn lục bát đề vần-điệu-hóa các công thức toán cho dễ thuộc lòng ? Tại sao người ta không dùng hội họa đề mà quảng cáo thuốc xổ ? Người ta vẫn làm hàng ngày đấy chứ.

Có lẽ đây cũng là một quan niệm mơ hồ, tuyệt đối về cái ý - hướng văn chương. Văn chương vốn là sự sống, và là sự sống đã được quan niệm, đã được đúc kết, được hình dung bằng ngôn-ngữ, văn từ. Biết bao nhiêu nhà triết học đã viết tiểu thuyết đề phô diễn các quan niệm của mình, và đã sáng tạo được những tác phẩm nghệ thuật, đúng với nghĩa ấy. Có gì mà đặt trước, sau ? Chỉ vì họ sống trọn vẹn vấn đề của họ, quan niệm nó rất cụ thể, thấm nhuần nó bằng sinh hoạt, rồi lại có một kinh-nghiệm cấu tạo hình tượng nghệ thuật, họ đã tạo nên một sự tổng hợp, một thể, một khối, gọi là tác phẩm văn chương. Như thế, đi tìm cái ý hướng nào đặt sau hay là đặt trước trong tác phẩm họ, là tìm giữa trưa vào 2 giờ chiều. Trong trường hợp này, vấn đề đặt ra thực là giản dị : viết hay, hay là viết dở mà thôi.

Tóm lại, vẫn còn khá nhiều nhận-định lệch-lạc tìm thấy trong đoạn mở đầu tác-phẩm *Đêm Trăng Mùa Hạ*. Tuy vậy, riêng còn một điểm phải được nói tới, đó là quan niệm tác giả cho rằng không có gì là xấu, tốt phân minh, trên cõi đời này. Vẫn biết, ở mỗi thời đại, qua mội chế độ, ý niệm xấu tốt vẫn được quan niệm khác nhau, nhưng không vì thế mà con người không nhìn thấy được những giá trị. Đối với Thích Ca hay là Jésus, dù không phải là tín đồ, dù không tán thành tôn giáo các ngài chủ xướng, người ta vẫn không thể nào phủ nhận giá trị các ngài, ít nhất cũng trong không gian thời gian nào đó của sự phát triển nhân loại. Đi vào lịch sử dân tộc, tác giả cũng không thể nào không phân biệt rõ tốt, xấu giữa Phan-Đình-Phùng và Hoàng-Cao-Khải, giữa một Đề-Thám và một Nguyễn-Thân. Gần gũi hơn nữa, tác giả hẳn vẫn lựa chọn bạn bè để mà giao tiếp, và ngày nào đó, cần phải kén dâu, chọn rể, tác giả có chịu lựa chọn « tuyệt đối tự do » bất cứ kẻ nào, vì họ đều là « con người », đều có « nhân tính đầy đủ », đều « không có sự xấu tốt phân minh »? Chúng ta có thể ngờ rằng tác giả đã không thành thật đối với mọi người, và đối với mình, khi nói như vậy. Ngay trong *Đêm Trăng Mùa Hạ*, cô nàng Hélène đã khen tác giả là « tốt », và tác giả không cải-chính lời nào. Hay là tác giả tự biết quá rõ là mình cũng chẳng tốt gì thực sự với cô gái ấy, ? Dù có thực như vậy nữa, thì khi làm thinh lãnh đủ lời khen tặng ấy, tác giả cũng đã xác nhận có một tiếng « tốt » rất tốt trên cuộc đời này. Lại khi nghe gã Hoàng kia ăn cắp tiền bạc của vợ để mà lừa gạt các cô nữ sinh nông nổi thì chính tác giả cũng đã uất hận nghẹn ngào, mắng lên mắng xuống là đồ khốn nạn kia mà ! Tại sao bây giờ tác giả tuyên bố những điều nghịch lý, trái thường như vậy ? Tại đùa cợt chăng ? Tại chán đời chăng ? Hay là chấp nhận không dám mặc-cả lý luận của bọn triết gia lầm cầm lối thời ? Hay là chỉ muốn xóa bỏ tất cả giá trị để tự biện hộ cho những sai lầm của mình, và để từ khước tất cả những giá trị khác, kể cả giá trị chiến đấu đòi lấy « tự do tuyệt đối » thực hiện « nhân tính đầy đủ » cho cả nhân loại ?

Có lẽ vì thế mà tác giả cứ nhắc nhở đến cái « *con người hiện hữu* », hẳn vì tác giả sợ cái con người đã qua, và cái con người sẽ tới. Đành rằng văn nghệ phải chọn đối tượng là những con người trước mắt, nhưng thế nào là *hiện hữu ?* Chính hiện-hữu này chỉ là kết quả của những gì đã xảy ra, và đang chuẩn bị cho những gì sẽ xảy đến. Con người hiện hữu đừng vội nghĩ lầm có thể đoạn tuyệt quá khứ, từ chối tương lai. Thực chất quan-niệm con người hiện hữu ở đây chỉ là một loại đà-điểu chui vào đống cát. Đà-điểu có thể tự nhủ mình rằng : « Không có gì hết, chẳng còn gì nữa », nhưng mà vẫn có nhiều đấy, vẫn còn nhiều nữa. Con người hiện-hữu vẫn là con người xê-dịch không ngừng, con người nhân-quả trong cái xã hội mà nó tiếp nhận, cũng như phản ứng hàng ngày.

Kể ra, những người xưa nay thích nói về sự tuyệt đối tự do, thích khoe về cái nhân tính đầy đủ, lại phải hạ xuống nép sau con người hiện hữu, cũng thực đáng

buồn. Người ta có thể nghĩ đến một viên Đại tướng khoe mình tài ba, đủ cả phép mầu, thế mà lâm vào cuộc chiến, lại tuyên bố mình chỉ chịu có mỗi nước... cắn mà thôi. Nhưng đôi hàm răng không phải là không liên hệ đến toàn cơ thể. Mô tả con người hiện hữu, đúng với ý niệm danh từ, phải là mô tả con người cụ thể, với những tương quan cụ thể trong cái xã hội mà nó sinh thành. Và đã như thế thì con người ấy nhất định là có xấu, tốt rõ rệt — theo một lập trường tiến bộ — nhất định là chưa hề được tuyệt đối tự do — vì còn bao nhiêu thiệt thòi về mặt vật chất, tinh thần — và cũng nhất định là chưa thể có nhân tính đầy đủ — vì còn mang nặng bao nhiêu thú tính xấu xa, còn cần phải được giáo dục không ngừng.

Và cái *lương tâm, lương tri* của nó cũng chẳng phải là bửu bối vạn năng như tác giả tưởng. Ngày xưa, có vài bộ lạc Ba-na chặt tay kẻ khác làm đồ sính lễ cầu hôn, hẳn rất khoan khoái trong công việc ấy. Ngày nay, chính bọn Thực dân tàn sát người trong thuộc địa, và tự hào là khai hóa, văn minh. Những lớp người ấy đều làm theo cái tiếng gọi « lương tâm» của họ cả đấy. Cũng như một tên ăn trộm chuyên nghề, sẽ thấy « lương tâm » cắn rứt bao nhiêu, nếu nó bỏ qua một dịp đánh cắp dễ dàng. Nếu ai cũng có sẵn món lương tâm toàn thiện, lương tri toàn hảo, thì còn cần gì phải lo phát triển giáo dục, mở mang tòa án, xây dựng chế độ ? Và ngay trong cái xã hội mọi người cùng sống, cùng một giáo dục, không phải tất cả lương tâm đều có dung tích như nhau. Tục ngữ của ta thường bảo: «Nhà giàu nuôi chó, nhà khó nuôi con », thực là rõ ràng như hai thứ lượng tâm. Do đó khi tác giả bảo chỉ biết có chữ *lương tri* và chữ *lương tâm* để mà đối phó với đời, thì ta không mấy yên lòng. Bởi vì, xưa nay, không thiếu những kẻ tàn ác nhân danh lẽ phải, và càng không thiếu những kẻ mê loạn tự hào sáng suốt.

xOx

Tóm lại, *Đêm Trăng Mùa Hạ* là một truyện dài độc đáo cả về ưu điểm cũng như khuyết điểm. Về mặt ưu điểm, nó cố nói lên một thái độ xã hội và những gắng sức làm mới một loại đề tài quen thuộc. Về mặt khuyết điểm, nó đã tiêu biểu cho một lề lối làm dáng ở trong tiểu thuyết, thêm vào một cái mặc cảm tri thức ngự trị trong mấy trang đầu.

Về sự trình bày, tác phẩm cũng có những khuyết và ưu như thế. Quyển sách nổi bật với một cái bìa sáng, đẹp, với đôi mắt cô thiếu nữ tươi cười. Nhưng đôi mắt đẹp dường kia lại không chịu nhìn vào cái nội dung buồn thảm của quyển sách ấy. Và chắc vì mải nhìn vào nơi khác nên đề khuyết điểm chính tả chứa đầy trang sách. Người ta bất giác nhớ lại các ấn-loát phẩm công phu của nhà xuất bản Trùng Dương, mà ông Lưu Nghị sáng lập độ nào. Phải chăng con người hiện hữu tác giả đã không tuyệt đối tự do trong sự trình diện đứa con đầu lòng ?

Cô PHƯƠNG-THẢO

NGUIỄN- NGU-Í

Sống và Viết
với
LÊ - NGỌC - TRỤ

Sanh ngày 25-3-1909 tại Cây-Gõ, châu thành Chợ-Lớn.

Cai quản tiệm vàng của cha vợ ở Chợ-Lớn từ 1932 đến 1945.

Sau biến cố 1945, giúp việc tại Thư-viện Quốc-gia từ 1945 đến 1961 với chức phó thủ thư công nhật, và từ 1961 đến 1964 : chủ sự phòng Sưu-tầm và Thư-viện.

Lúc rảnh, tự học, đọc sách khảo cứu về ngôn-ngữ, viết bài đăng rải rác trên các báo : **Văn Học Tuần San** *(1936),* **Tự Do** *(1939),* **Đông-Dương** *(1940 - 1941),* **Nghệ-Thuật** *và* **Bút Mới** *(1941),* **Hạnh-Phúc** *(1944) ; sau thời biến cố, trên các báo* **Sông Hương, Nắng Hè, Mới, Việt-Nam Giáo-Khoa tập san** *(bộ mới) và mấy số Xuân* **Dân Quí** *(1951),* **Khoa-Học Phổ-Thông** *(1951, 1953),* **Đọc Thấy** *(1952),* **Tiếng Dội** *(1953), trên các báo : Văn Đàn, Phổ-Thông, Khoa-Học Phổ-Thông, Tự Do, Bách Khoa, Văn... Đồng thời có chân trong bộ Biên tập của tập Kỉ yếu Hội Khuyến Học Nam-Việt từ 1941 đến nay.*

Những bài chuyên về ngữ học đều kí tên thật, các bài khảo cứu khác thì kí biệt hiệu : Ngọc-Toàn.

Đã xuất bản : Chính tả Việt-ngữ (Nam-Việt, 1951 : 2 quyển ; Trường-Thi tái bản làm 1 quyển : 1961), Nguyễn-Cư-Trinh và quyển Sãi Vãi (Tân Việt 1952, chung với Phạm-Văn-Luật) Việt-Ngữ, Chánh-Tả Tự Vị (Thanh-Tân, 1960).

Đã dịch : Le Livre de mon ami của Anatole France (Chuyện bạn tôi, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục 1962, La Vingt cinquième heure của Gheorghiu (Giờ thứ 25, cùng dịch với Võ-Thị-Hay, Ngày Nay, 1964).

Hiện giảng viên môn Chánh-Tả Việt-Nam tại Đại Học Văn Khoa và trường Đại Học Sư-Phạm Sàigòn.

Lê-Ngọc-Trụ 11 năm về trước

« Thôi, từ đây, trên gác nhà in, mỗi khi cúi đầu xuống trang giấy mỏng đầy chữ còn ướt mực, tôi không còn thấy cô đơn. Tôi bỗng nhớ đến anh bạn chuyên về ngôn ngữ học mà tôi thường nhờ anh chỉ dạy ; anh đinh ninh rằng *tiếng Việt có nguồn góc và có đủ tinh thần diễn tả tư tưởng, học thuật* » và vẫn cắm cúi đuổi theo công trình dự định, mặc dầu một chứng bịnh khó trị đang gậm lần sức khỏe qui báu của anh »

Hai mươi mốt năm qua, từ ngày những dòng chữ này nằm trên mặt báo (1), trong một mục « Chuyện văn ». Bao nhiêu lận đận trong đời từ cơn quốc biến 45, bao nhiêu xáo trộn trong tâm tư từ dạo ấy, bao nhiêu bất bình trước những điều mắt thấy tai nghe..., giờ ngồi đối diện với nhau trong phòng khách yên lành ở khu Chợ-Lớn-Mới, dưới ngọn đèn điện sáng hiền, tay mân mê chén nước trà vừa uống, chẳng biết anh nghĩ gì, còn tôi, sao tôi lại ngỡ thời gian như đứng lại khi tôi gởi lên giấy những dòng vừa trích ở trên, mặc dầu mắt tôi nay cận thị gấp năm lần và tóc anh trổ màu muối tiêu rõ rệt. Phải chăng về mở đầu câu chuyện, tôi đã hỏi anh về sức khỏe, và anh đã buồn buồn cho tôi biết :

---

(1) Tuần báo Thanh Niên, số 30, 1-4-1944.

– Tôi cho mình như một kẻ phân thân. Một con người « hết xài » rồi. Và một con người đang cố quên mình là kẻ bịnh hoạn kinh niên để mà đeo đuổi vào công trình ôm ấp.

Thì ra, hai mươi mốt năm xưa, anh chỉ mang một chứng bịnh khó trị. Còn nay, thì có đến năm : từ đầu xuống mình và lan cả tứ chi.

— Cho nên tôi rất sợ những cuộc hội nghị kéo dài. Gặp là tôi một mực xin được miễn.

— Bằng không ?

— Bằng không, đó là một cực hình, mà thường thì nửa chừng, là tôi đành thua cuộc.

— Nghĩa là anh chuồn một cách rất Ăng-Lê ?

— Không phải thế đâu. Tôi xin phép về nghỉ.

Tôi không giấu được nỗi lo âu cho người bạn cũ :

— Thế còn những khi anh cặm cụi tìm tài liệu, làm thẻ, viết... hẳn cái hình hài cũng làm tội làm tình anh đủ thứ ?

Anh cười cười, để lộ hàm răng vàng :

— Thật là Trời Phật thương tình. Những lúc ấy, sao « chúng nó » lại để mình yên.

Anh ngừng lại, rồi tiếp :

— Không thì tôi khổ sở không biết đến đâu !

Miệng anh hơi cười khi nói câu này, nhưng toàn thể gương mặt của người bạn năm mươi sáu tuổi ngồi trước mặt tôi lại không vì thế mà bớt vẻ mỏn mỏi, xanh xao. Những vết nhăn ở cuối mắt anh càng nổi lên, rõ rệt hơn bao giờ.

Thấy tôi im lặng nhìn anh, ra chiều ái ngại, anh tươi hẳn nét mặt, đáp đúng ý nghĩ đang tới trong trí tôi.

— Ở đời, chẳng biết may đâu, rủi đâu. Tôi đau nặng, năm mười bảy tuổi thủi lỗ tai trái. Phải mổ xương mép tai. Bịnh lỗ tai khỏi, nhưng óc bị cuộc giải phẫu ấy mà « lung lay ».

— Tôi nhớ có lần anh phải vô nhà thương Chợ Quán.

Anh gật đầu. Tôi hỏi tiếp :

— Anh có bị họ lấy nước tủy không?

Anh hơi nhăn mặt :

— Ba lần.

— Ba lần ? Tôi bị có một lần, mà hai mươi lăm năm qua, bây giờ nhớ đến còn rùng mình. Đau trong thịt còn rán chịu nổi, chớ đau trong xương sau khi bị lấy nước tủy, thì quả là một cực hình !

— Có lẽ tôi vì bị lấy tủy đến ba lần mà thần kinh trở nên suy yếu, do đó mà hay đau ốm. Cái hại ở đó. Mà cái lợi cũng do đó. Tôi vốn ham học, sức khỏe kém, thì « rị mọ » với sách, chịu khó tìm tòi, suy nghĩ, rồi năm nầy qua năm khác...

— ... anh thành nhà ngữ học nổi danh !

Anh đưa tay ra, vui vẻ và thân mật :

— Xin đừng đề cao anh em mà thiên hạ rầy. Anh đừng quên rằng « nhà ngữ học » này chưa từng xuất ngoại và chỉ mới có bằng Sơ học.

Anh nói, tự nhiên, không hậu ý gì : anh vốn tánh khiêm tốn, thật thà xác nhận học lực mình còn non, và việc chưa được đi xa để thâu thái tận nguồn những điều mới mẻ về môn ngữ học. Nhưng tôi lại liên tưởng đến một số người được du học về, có bằng cao, có địa vị lớn, chưa có một công trình nào đáng giá, mà đã tỏ ra xem thường những người tự học, chưa ra khỏi nước, không đậu bằng như họ, song lại có những thành tích đáng kể. Tôi hỏi :

— A ! lại câu chuyện bằng cấp của anh ! Tôi cứ tưởng anh đã đậu bằng Thành Chung (1).

— Tôi bỏ thi bằng này, vào năm 1929.

— Lúc ấy anh học trường Sư phạm Sai-Gòn thì phải ?

— Phải. Tôi cùng anh em bãi khóa ngày 17 tháng 5 năm ấy.

— Vì lí do chánh trị ?

Anh lắc đầu.

— Vì danh dự, nhưng lại thành ra vì quyền lợi.

Thấy tôi nhíu mày, cố tìm hiểu, anh giải thích.

— Có tên huấn luyện viên thể dục người Pháp tỏ ra lỗ mãng; đôi khi tàn nhẫn đối với chúng tôi, chúng tôi nhịn nhục không được, đồng tâm bãi khóa. Nhưng bàn lại với nhau, thấy cái cớ ấy không tương xứng với hành động quyết liệt của mình, chúng tôi bèn tìm một cớ quan trọng hơn, liên hệ đến tất cả anh em từ nhỏ tới lớn. Lúc bấy giờ giáo sinh ra trường sau bốn năm học tập mà đậu bằng Thành Chung thì được ăn lương bốn chục đồng mấy cắc một tháng, còn như thi rớt thì chỉ được hai mươi tám đồng một cắc sáu.

— Nghĩa là ít hơn.,.

— Không phải cái mười mấy đồng mấy cắc ít hơn đó làm chúng tôi bất bình, mà vì số lương này lại bằng với

(1) Tiếng trong Nam gọi bằng Cao đẳng tiểu học (D.E.P.S.F I.)

SÁCH BÁO MỚI

— **Nhã-Ca mới** tập thơ của Nhã-Ca, do Ngôn-Ngữ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 118 trang, gồm 38 bài thơ, 2 chân dung tác giả của Duy Thanh và Nguyễn Trung, 4 phụ bản. Giá 60đ.

— **Áo Đen Áo Đỏ**, kịch của Trần Thúc Linh, phóng tác theo Brieux, Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 188 trang, tựa của Nguyễn-Hiến-Lê, giá 48đ.

— **Dạy Đọc và Dạy Viết** cho trẻ con của Đoàn Nhật Tấn, G.S. Trường Sư Phạm Qui Nhơn, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 66 trang, giá 25đ.

— **Việt Luận** Lớp Nhì, Nhứt, Tiếp liên, Luyện thi Tiểu học và Đệ Thất Trung học. của Từ Phát, do Thanh Quang xuất bản và tác giả gửi tặng Sách dày 222 trang, in lần thứ 6, có thêm nhiều bài mới, giá 40đ.

số lương các bạn có bằng Sơ học (2) rồi tu nghiệp một năm. Anh coi, mình học bốn năm, ăn lương cũng như người học một năm, thì cái bất công này cũng đáng cho người ta phản kháng lắm chớ ?

— Các anh bãi khóa thắng lợi ?

Anh mỉm cười.

— Dễ gì « họ » nhượng bộ. Một số anh em bị đuổi, một số anh em được cho học lại với điều kiện cha mẹ đích thân đến làm giấy bảo đảm. Tôi thuộc vô hạng sau này, nhưng tôi không chịu để tỏ tình đoàn kết với anh em.

— Thế còn học bổng bốn năm mà anh đã hưởng ? Theo lời cam kết, giáo sinh bỏ học phải hoàn lại học bổng cho « Nhà nước ».

— Thì tôi phải đi làm để bồi thường bốn năm cơm áo ấy, mỗi tháng mười hai đồng vì gia đình tôi « thường thường bực trung », mà tôi có đến mười một anh chị em. À, mà tại sao anh rành về cái khoản này ?

— Mười lăm năm sau anh, tôi cũng vào trường Sư phạm Nam Kì ấy, nhưng phải có bằng Thành Chung và học chỉ có một năm.

— Anh cũng nửa chừng bỏ cuộc rồi phải bồi thường ?

— Học được nửa năm, tôi đau não, vô nằm nhà thương Chợ-Quán cho đến hết niên khoá Vì bịnh, nên tôi khỏi phải bồi thường.

Anh gục gặc đầu :

— Anh với tôi cũng có đôi điểm trùng nhau. Tôi học trường Tiểu học Phú-Lâm, rồi trường Sư phạm Sàigòn, làm thân chủ nhà thương Chợ-Quán, và thành thầy giáo hụt.

— À, anh cho biết anh đã đi làm nghề gì để sống và để trả nợ cho « nhà nước Pha-Lang-Sa » ?

— Tôi làm thư kí, trước cho công ti Lệ-Công-Hòa ở Chợ-Lớn, sau cho một hãng rang cà phê ở Sài-Gòn, hãng Torréfaction Saigonnaise.

— Rồi sau đó ?

— Rồi từ năm 1932 đến năm 1945, tôi đứng trông nom tiệm vàng ông nhạc tôi ở đường Marins (3), số 310, anh còn nhớ nơi này chớ ?

Tôi cười cười để trả lời anh. Sao tôi lại không nhớ tiệm vàng Lê-Văn-Ngữ ở bên cái đường rộng và náo nhiệt vào bực nhất ở trong Chợ-Lớn ấy, nơi mỗi lần ghé thăm anh, tôi không khỏi buồn cười mà bắt gặp người bạn « nửa chừng xuân » đắm say chữ nghĩa nước nhà ấy đang hoặc lễ phép cho khách hàng biết giá vàng, hoặc cần trọng cân vàng, hoặc ân cần chỉ vẽ cho thợ. Có cái gì trái ngược giữa cái đích anh đeo đuổi và cái nghề anh làm. Khiến có lần tôi nửa đùa nửa thật hỏi anh, nhại lời người xưa (4) :

« Trong sách có người đẹp như... vàng ? »

---

(2) Tức là bằng Cơ thủy ở Bắc, bằng Ri me ở Trung ; bây giờ gọi là bằng Tiểu học.

(3) Tiếng Pháp là Rue des Marins ; người Việt ta gọi là đường Thủy binh, nay là đường Đồng-Khánh.

(4) « Thư trung hữu nữ nhan như ngọc »

Tôi lại nhớ gian nhà cổ, rêu phong, hơi thấp, nhà tự của anh, trầm ngâm trên bến Phú Lâm, cạnh con rạch con nước đục chẳng buồn trôi. Gặp anh ngồi cúi tra sách cũ trong gian nhà cổ này trong những ngày nghỉ việc bán buôn, mới thật là gặp Lê-Ngọc-Trụ thật !

Tôi đang mơ màng nhớ đến một gian nhà vắng, một dòng nước lặng, thì anh lại kéo tôi về một con đường ồn, một cửa hiệu đông.

— Nhắc đến thời quản đốc tiệm vàng cho cha vợ tôi, tôi lại nhớ đến... Anh biết tôi nhớ ai không ?

Có ông Thần .. Chánh tả mới biết anh nhớ ai, nên tôi trả lời anh bằng một câu ca dao lững lờ :

— « Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ (biết) nhớ ai ?

— Tôi nhớ anh Thâu. Thỉnh thoảng, ảnh tạt qua đó...

— Để thăm anh ?

— Để thăm tôi thì ít, mà để mượn tê lê phôn thì nhiều. Ảnh mượn nó để « xạt-cờ-ray » mấy ông lớn Tây, nhất là ông chánh sở Mật thám. Lần cuối cùng, anh ghé lại đấy là để giã từ tôi đi Tân-Gia-Ba (5) Tôi không ngờ giã từ nhau lúc ấy lại là vĩnh biệt nhau.

Giọng anh thấp xuống, như thể mình nói với mình

Không bảo nhau, chúng tôi im lặng hồi lâu, cùng nghĩ đến cái chết nghẹn ngào của người chiến sĩ xã hội đáng qui này mà giờ đây thân còn « vùi nông một nắm » cạnh bờ một con sông xa,

Tôi trở lại câu chuyện cấp bằng.

— Thế là, về mặt bằng cấp, anh chỉ có bằng Sơ học. Điều này, chắc ảnh hưởng nhiều đến lương anh, khi anh làm phụ thủ thơ cho Thơ viện quốc gia Sài-gòn.

Anh nháy mắt.

— Năm 1948, ông Đoàn (6) làm giám đốc Thơ viện Nam-Việt, cần thêm người giúp việc, có nghĩ đến tôi, mời tôi giữ chức vụ phó thủ thơ. Tôi thì không biết gì về mặt hành chánh, ông Đoàn lại không rành, nên thay vì ông sắp xếp trước để tôi vào hàng các chuyên viên, thì ông cứ để vậy ; dến khi người ta theo thủ tục tuyển dụng công chức thông thường, bỏ tôi vào hàng cộng chức ăn lương ngày, theo cấp bằng, thì tôi ăn lương công nhựt, tương đương với hạng có bằng Sơ học. Khi ông Đoàn hay, thì việc đã rồi.

— Thế thì lương anh...

Anh cho tôi biết con số. Tôi ngạc nhiên ra mặt :

— Thế thì lương anh không hơn lương tùy phái !

— Lúc đầu thì có hơn chút ít, rồi lần lần, lương họ tăng lên trong khi con mình lần lần lớn, mất phần ăn,

---

(5) Về việc Tạ-Thu-Thâu trốn đi Tân-Gia-Ba này, các bạn có thể xem hồi kí « Tù trong tù » của Hồ-Hữu-Tường đăng trong Bách Khoa, số kỉ niệm năm thứ bảy, để biết nguyên do cùng hậu quả.

(6) Ông ĐoànJQuan-Tấn, hội trưởng hội Khuyến học Nam-Kì (nay là hội Khuyến học Nam-Việt) từ 1941 đến nay, mà chúng tôi, hội viên từ thuở ấy, gọi thận mật là ông Đoàn,

ương mình bằng lương họ, rồi sau mười sáu năm công vụ, lương mình đành thua lương họ.

Tôi không ngăn được một cái thở dài.

— Khi nghe anh phải về hưu, nhiều anh em và tôi đều buồn và bực. Buồn vì vắng anh ở Thơ viện, Thơ viện như mất linh hồn. Không, anh đừng cười. Chúng tôi không nói quá lời đâu. Làm sao kiếm được người hiểu rộng, biết sâu về sách, báo như anh và nhất là chịu khó giúp người muốn biết, như anh. Anh biết không, lắm người có việc cần mà không đến thơ viện vì anh không còn ở đấy, trong số này có anh Lê và tôi. Mới đây, anh Tường nói anh đã giúp ảnh nhiều trong việc tìm lại những bài, những truyện ảnh viết trong báo, khoảng mười lăm mười sáu năm về trước, tôi hỏi phăn, mới biết anh được Chánh phủ mới làm trở lại. Tôi mừng cho anh Tường, cho mình và cho biết bao người nữa. Nhưng này, lượng anh bây giờ có khá hơn lương « mười mấy năm ấy » chớ ?

Anh gật đầu :

— Nay, tôi được trả lương chuyên viên, đỡ hơn lương công chức công nhật.

Tôi thở phào một cái.

Có thực mới vực được đạo !

Chuyện vàng bạc, chuyện cơm gạo xong, thì sang chuyện chữ nghĩa vậy.

— Hồi nhỏ, anh học chữ Hán ở nhà với bác trai, chắc là anh bắt đầu thích môn ngữ học từ hồi đó.

— Hồi đó, tôi còn nhỏ quá, chưa biết gì về môn học mới mẻ này. Lúc đó, tôi thích toán thì có, lại còn thích thơ nữa ?

— Anh từng làm thơ ?

— Làm thơ, thì không Mà thích chép và học thơ hay. Lúc bấy giờ có tập thi tuyển « Thi phú văn từ của Võ-Sâm » tôi học nằm lòng và ngâm nga luôn miệng. Cả đến lúc lớn khôn, tôi không hề nghĩ rằng có ngày mình nghiên cứu về ngữ học. Khó khăn quá, và lớn lao quá.

— Nhưng mà mọi sự trên đời đều có cái bắt đầu chớ.

— Cái bắt đầu của tôi là khi trông nom tiệm vàng, cần giao thiệp với người Tàu, tôi học tiếng Quảng-Đông. Ngay lúc khởi sự học, tôi nhận thấy một sự tương đối giữa tiếng này và tiếng Hán-Việt.

— Anh cho vài tỉ dụ.

Tỉ dụ như tiếng Hán-Việt khởi đầu bằng những âm B, Gi, Đ. T, thì tiếng Quảng-Đông phát âm ra Ph, K, T, Th và X. Hán-Việt : *đả*, Quảng-Đông : *tả*: Hán-Việt : *đa*, Quảng-Đông : *tố* ; Hán-Việt : *đại*, Quảng-Đông ; *tài* ; Hán-Việt . *đà* (ngựa), Quảng-Đông : *thồ* ; Hán-Việt : *đường*, Quảng-Đông : *thòn* Thêm nữa, tiếng Hán-Việt viết dấu hỏi, thì tiếng Quảng-Đông phát âm ra giọng hỏi, còn tiếng Hán-Việt viết với dấu ngã, thì tiếng Quảng-Đông phát âm ra giọng nặng hoặc giọng huyền. Tôi bèn lập bảng tương đối giữa hai thứ tiếng này để dễ học tiếng Quảng-Đông.

— Đó mới là bước khởi đầu, nhưng còn phần quyết định ?

— Phần quyết định là một bài phê bình. À này, anh có còn nhớ mấy tiệm ba Tàu bán sách xôn ở trước ga xe lửa không? Tôi mua ở đó được một số *Conférencia*, từ số đầu, có mấy bài diễn thuyết của mấy ông « gộc » như Jean Richepin, Emile Faguet, v.v... Sau này, tôi tặng lại cho hội Khuyến học của mình ; trong thời biến cố 45, bộ này bị thất lạc. Tôi tiếc quá và lại... tiếc rẻ. Phải chi tôi giữ cho mình, thì những tài liệu quí ấy (lại là kỉ niệm một thời nữa) may ra còn. Tôi đi xa để mất rồi ! Anh phải nhắc tôi chớ. Ngoài *Conférencia*, tôi còn mua được nhiều tập « *Larousse mensuel* », anh biết loại nguyệt san giới thiệu và phê bình sách mới của nhà Larousse này chớ ? Trong một số nguyệt san loại này, tôi đọc một bài phê bình của Albert Dauzat về một quyển ngữ học...

— Anh nhớ tên quyển sách ấy chớ ?

— Nhớ chớ. Đó là quyển *Le langage* của Vendryes. Trong bài phê bình này, Dauzat có nói đến luật biến âm của tiếng Đức. Những âm B, D, G của tiếng Pháp, thì tiếng Đức lại phát âm ra P, T,K. Bắt được cái mối này, tôi khoái quá. Thì ra giữa hai tiếng Đức và Pháp, có sự giống nhau, như giữa tiếng Hán-Việt và tiếng Quảng-Đông. Tôi đặt mạnh chưn vào mảnh đất khô khan của ngữ học từ đây. Tôi bèn tìm mua sách ngữ học mà đọc. Sách của Ferdinand de Saussure, của Meillet, của Vendryes, của Bréal, của Dauzat, của Grammont..Nhờ những sách này mà tôi áp dụng mấy luật của ngôn ngữ Pháp vào ngôn ngữ Việt, tôi lập bảng tương đối về Âm, về Vận, về Thinh giữa tiếng Hán-Việt và tiếng Quảng-Đông, rồi giữa tiếng Hán-Việt với tiếng Nôm để phần tìm nguồn gốc tiếng Việt.

— Anh âm thầm tự học, tìm tòi như thế, rồi tới năm nào anh mới « xuất đầu lộ diện » với đời ?

— Năm 1936. Thật ra là năm ấy, tôi mới có định..ra mắt công chúng. Số là hội Khuyến học Nam-Kỳ lúc ấy...

Tôi chận anh lại :

— Phải nói là « Société de l'Enseignement mutuel de la Cochinchine », vì tiếng sau này, năm 1941, ông Đoàn nhà ta làm cuộc « đảo chánh êm thấm », hội này mới xưng tên với đồng bào bằng tiếng mẹ đẻ, và được người đời biết đến với tên hội Khuyến học Nam-Kì hơn là Sociéte de l'Enseignement mutuel de la Cochinchine. Còn trước 1941, thì lại là ngược lại.

— Đồng ý. Vậy Sociéte de l'Enseignement mutuel de la Cochinchine dạo ấy có tổ chức những cuộc diễn thuyết tại hội quán hội Đức Trí Thể dục.

— Lại xin chỉnh anh nữa. Lúc đó, người ta biết hội ấy dưới tên Tây, trọn vẹn Société pour l'Amélioration morale, intellectuelle et phisique des indigènes de la Cochinchine, viết tắt là S.A.M.I.P.I.C.

— Lại đồng ý nữa. Chánh-phủ đã công nhận phe đối lập. Anh không nhẩy ra nhập vào phe này cũng uổng !

Chúng tôi cùng cười.

Giữa lúc ấy, con gái và rể anh đi đâu về. Chào khách xong, rể anh đi vô nhà sau, còn con gái anh, liếc nhìn hai tách

nước, thấy đã cạn tự bao giờ, rón rén lại bàn, nhẹ nhàng rót cho chú, cho cha.

Chúng tôi lúc ấy mới thấy mình thiếu nước.

Anh đề tách xuống bàn, liếm môi, nói tiếp :

— Tôi hay đi nghe các cuộc nói chuyện này, thường do mấy ông ở Pháp về nói. Thấy họ học cao, đi xa về, mà nói... mình không phục, tôi «ngứa nghề», quyết « nhảy lên diễn đàn » một phen. Tôi mới viết một bài về « Ngôn ngữ học Việt-Nam », gởi đến ông tổng thơ kí của hội để xin diễn thuyết. Tôi được ông mời đến nhà riêng để nói chuyện.

— Anh quên nói ông là ai.

— Anh Nguyễn-Văn.Hanh. Đố anh biết đến nhà anh Hanh tôi gặp ai ?

Tôi cười :

— Gặp cọp !

Anh cũng cười !

— Chưa. Tôi gặp anh Hùm sau. Hôm ấy, tôi gặp anh Tường

— Lần đầu ?

— Lần đầu. Nhưng tôi nghe tiếng ảnh lâu. Tiếng học giỏi, tiếng lí thuyết gia của Đệ Tứ. Nhưng sau buổi gặp gỡ ấy, tôi lại biết anh Tường cũng giỏi về môn ngữ học. Chính anh Hanh đưa bài diễn thuyết của tôi cho anh Tường coi để góp ý với tôi. Tôi còn nhớ lời anh Tường, đại khái như vầy : « Ngay ở Pháp, môn ngữ học còn là môn học mới. Học trò có Tú tài rồi. cũng chưa biết a, b, c, môn này. Huống hồ gì ở nước ta.

« Đề tài đã mới, lại khó, lại khô khan, lại trình bày bằng tiếng Việt (*anh nhớ rằng lúc ấy ta đang ở vào thời thuộc Pháp năm 1936*), trước một số thính giả trên dưới trăm người, thì nghe rồi, người ta quên rồi, chẳng để lại dấu vết gì. Anh sẽ thất vọng, rồi chán nản mà xa môn ngữ học cũng nên. Sao bằng anh đăng bài này lên báo, người ta đọc, hiểu anh hơn, rồi kẻ khen người chê, sẽ có một luồng dư luận...Nếu anh muốn, tôi sẽ chỉ cho anh một ít sách để đọc thêm, rồi tôi giới thiệu anh với anh Hùm cũng từng để ý đến ngữ học, ảnh sẽ giúp thêm anh ý kiến, chừng ấy bài anh sẽ đầy đủ hơn, phong phú hơn, ảnh hưởng sẽ sâu đậm hơn.» Sau đó, tôi nghĩ rằng anh Tường thấy bài tôi còn kém, nói khéo cho tôi đừng vội « xuất đầu lộ diện », vì ít lâu, sau khi được đọc sách do ảnh và anh Hùm chỉ, như sách của Henri Maspéro, của Léopold Cadière, của Ernest Souvignet khảo về tiếng Trung-Hoa và tiếng Việt, tôi thấy bài diễn thuyết của mình có nhiều điểm cần phải « xét lại ».

— Thế rồi sau chuyến « ra mắt » hụt ấy, anh « ra mắt » thật sự lúc nào.

— Sau khi đọc và nghiền ngẫm những sách của anh Tường, anh Hùm chỉ cho cùng những bài khảo cứu « *Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-Nam* » của ông Đào-Trọng-Đủ...

— Đăng ở tuần báo *Tri Tân* của cụ Nguyễn-văn-Tố ?

Anh gật đầu, rồi tiếp :

—... tôi chứng minh được những điều nhận xét của mình về ngôn ngữ

nước nhà là đúng ; nhờ thế mà tôi vững lòng dấn bước trên con đường khảo cứu tiếng Việt. Anh còn nhớ cuộc tranh luận của tôi và Trúc-Khê về luật « phiên thiết » chớ ?

— Năm 1941, nếu tôi nhớ không lầm. Trúc-Khê đăng bài trên Phổ Thông bán nguyệt san ở Bắc, phần Văn học, anh góp ý trên báo *Bút Mới* của anh Đỗ-Phương-Quế, trong Nam. Sau, Trúc-Khê nhận ý kiến anh là đúng. Còn nội dung cuộc tranh luận, lâu quá, tôi quên. Anh nhắc lại giùm.

— Đại ý ông Trúc-Khê cho rằng từ xưa tới giờ, người ta đọc chữ *khứ* là sai, phải đọc là *khự* mới đúng vì phiên thiết là « khúc dự thiết ».

— Tại sao Trúc-Khê lại chủ trương phải đọc *khự* ?

— Vì ông chỉ ráp vần hai tiếng thôi, mà quên nguyên tắc căn bản của phương pháp phiên thiết. Ông dùng ví dụ của *Từ Hải*, chớ *Khang Hi tự điển* lại ghi là « khưu cứ thiết », nếu ráp vần như ông « khúc dự » là *dự*, thì « khưu cứ » là *khứ*, Như thế từ xưa tới giờ, đâu có đọc sai.

Anh hớp một miếng nước rồi tiếp :

— Do sự sai lầm nói trên, tôi mới soạn một bài dài, đăng vô tập Kỉ yếu hội Khuyến học năm 1943, nhan đề là « *Luật tứ thinh và luật hỏi ngã* ».

— Tôi nhớ bài này được anh Hùm khen là « rất thông thái » trong bài « Để cho người Việt phương Nam phân biệt hỏi ngã » đăng trong tuần báo Thanh Niên và sau khi Nhật đảo chánh lật Pháp, nha Học chánh miền Nam ra thông tư cho các trường Tiểu học nên dùng bài này để dạy học sinh viết hỏi, ngã cho đúng.

Anh gật đầu :

— À này, anh chỉ có mảnh bằng Sơ học gọi là mà sao lại được làm giảng viên Đại học Văn khoa ?

— Sau năm 1948, nhận rằng viết đúng hỏi, ngã chưa đủ, còn phải viết đúng những vần có *c, t*, hay là *an, ang* v.v..., anh bạn Lê-Thọ-Xuân có nhờ tôi viết trong tạp chí *Sông Hương* của anh một loạt bài về vấn đề này. Sau đó

---

(7) Phiên thiết là một lối ghi âm chữ Hán, cách thức giống lối nói lái của tiếng mình, nhưng có qui tắc hơn: mượn hai chữ đọc ráp lại. Thí dụ như chữ *khứ* thì phiên thiết *khúc* + *dự* hoặc *khưu* + *cứ* thì chữ thứ nhất cho kết quả âm khởi đầu (initiale) là *kh* và định bậc thinh (ton), nghĩa là tiếng thứ nhứt ở vào thinh bổng (ngang, hỏi, sắc) thời tiếng kết quả phải ở thinh bổng : khúc là tiếng có dấu sắc, khưu là tiếng không dấu thì kết quả phải là thinh bổng. Tiếng thứ nhì cho vận (finale) và định loại thinh, như chữ « dự » và « cứ » cho vận là *ư* và thuộc thinh khứ vì giọng nặng và sắc là khứ thinh. Nhưng vì tiếng thứ nhứt cho thinh bổng nên kết quả phải là thanh (ton haut, ton bas) khứ thinh : dấu sắc. Theo đó « khúc dự thiết » = *kh* (σ) + *ư* + *dấu sắc*, phải đọc *khứ* chớ không thể đọc *khự* được.

Xin nhắc lại tiếng Trung-Hoa có bốn loại thinh : *bình, thượng, khứ, nhập*, thường gọi là tứ thinh, mỗi loại có hai bậc *thanh* và *trọc* : bình thinh (thanh là *ngang* và trọc là *huyền*) ; thượng thinh (thanh là *hỏi*, trọc là *ngã*); khứ thinh (thanh là *sắc* và trọc là *nặng*), nhập thinh (những tiếng có *c, ch, p, t* cuối, thanh là *sắc*, trọc là *nặng*). Riêng bình thinh. những tiếng Hán-Việt khởi bằng hữu âm *l, m, n, ng, nh*, và *d, v*, thuộc trọc âm nhưng viết không dấu : *dân, la, minh, ngư*, v.v...

tôi thâu thập các bài ấy, biên soạn lại thành bộ *Chánh tả Việt ngữ*, gồm hai quyển, do nhà Nam-Việt xuất bản, năm 1951. Bộ sách này được giáo giới và giới học giả để ý, nên khi trường Đại học Văn khoa thành lập tại Sài-Gòn, thì ông khoa trưởng Trương-Công-Cừu nhờ tôi phụ trách môn Chánh tả Việt Nam, trong chứng chỉ Ngữ học, mặc dầu tôi từ chối nhiều lần.

Tôi mỉm cười hỏi anh :

— Dạy môn này cho các anh chị em sinh viên, chắc là chẳng có gì để giảng nhiều và chắc là « buồn ngủ » lắm chớ !

— Tôi quan niệm dạy Chánh tả không phải là dạy Ám tả. Nhưng mà giải thích lí do chánh tả mỗi chữ. Vì theo tôi, ngoài cách nhờ phát âm cho đúng, vấn đề chánh tả là vấn đề tự nguyên. Ví dụ như chữ *vuông*, ta phải viết *v* khởi đầu mà không viết viết *d* hay *gi* chẳng hạn, và phải viết có *g* là vì nó chuyển bên tiếng *phương* của Hán-Việt, mà tiếng Hán-Việt vần *ương, ước* đều viết có *g* và *c* cuối. Chữ *phương, ph* là một phụ âm môi, nên chuyển ra chữ *vuông, v* khởi đầu cũng là phụ âm môi, như vậy ta thấy *ph* (σ) với *v* (σ) đổi lẫn với nhau vì đồng loại âm môi với nhau, đúng theo luật phát âm, thường gọi là luật P, T, K. *Phương* có *g* thì *vuông* viết có *g*, thể thức chuyển biến ấy rất hợp lí. Nhờ đó mà ta hiểu được nghĩa và viết đúng chánh tả một cách dễ dàng, khỏi phải học thuộc lòng như xưa nay. Tôi theo ngữ nguyên mà giảng dạy Chánh tả cho anh chị em sinh viên, nên anh chị em lấy làm thích thú, chớ không... buồn ngủ.

— Anh cho tôi hỏi một câu không kém phần « buồn ngủ » : tại sao đồng bào Bắc nói và viết *dượt* ra *dượt* ?

— Trong Nam, vì cử tên tả quân Lê-Văn-*Duyệt* mà nói trại ra *Dượt* như *dượt* banh, kiểm *dượt*, thì vận *uyệt* với vận *ượt* là vận hợp khẩu (nghĩa là khi phát âm, túm miệng lại, mấy vận này viết ra quấc ngữ có bán âm *o* hoặc *u* ở trước, như *doạn, dươn, duyên*). Tuy đọc trại khác song vẫn giữ đặc tính vận hợp khẩu nên không đọc *duyệt* mà đọc trại ra *dượt* cũng là một âm hợp khẩu. Có lẽ đồng bào Bắc không nhận thức điều ấy mà nói về viết sai.

— Hèn chi mà trong Việt-Nam tự điển của hội Khai trí Tiến đức không có chữ *dượt*, mà trong Đại-Nam quấc âm tự vị của Huỳnh-Tịnh-Của, lại có.

À, có nhiều người trách anh chữ gì cũng « lùa » về cội nguồn Trung-Hoa cả, e rằng anh đi quá lố chăng ? Và họ hỏi anh sẽ cắt nghĩa nguồn cội chữ *mít* ra sao, vì người Tàu không có thứ cây này.

— Tôi không phải chủ trương thế. Tôi cũng biết rằng ngoài một số tiếng tinh thuần Việt, còn có những tiếng Mường. Thái, Chàm, Mã-Lai, Môn-Khmer v.v... có tương quan đối chiếu với tiếng Việt mình, nhưng vì tôi không rành và không đủ tài liệu khảo cứu, nên chỉ nhấn mạnh, nói nhiều về gốc Hán-Việt ; vả lại tôi cũng nhân đó mà chứng minh rằng khả năng tiếng Việt rất dồi dào khi Việt hóa tiếng Hán-Việt. Có khi chỉ mượn một tiếng Hán-Việt mà ta tạo nên nhiều tiếng Việt mới,

như chữ *chính* (cũng đọc *chánh*): *chính nguyệt* tạo ra tháng *giêng*, *tứ chính* tạo ra *tứ chiếng*, *đoan chính* tạo ra *đứng đắn*.

Tôi ngắt lời anh :

— Có người dùng tiếng *đúng đắn* để chỉ người « đoan trang chính đính », e rằng không được chính xác bằng tiếng *đứng đắn*.

Anh đồng ý và nói về tiếng *mít*.

— Nói kĩ thì dài dòng lắm, tôi xin rút gọn. Gốc nó là tiếng Phạn (sanscrit) : *madhu*, có nghĩa là « ngọt ngào, êm ái », rồi từ Ấn nó tỏa khắp thế giới.

« Tiếng cổ slave là *medu*, cổ Anh ngữ là *me(o)du*, cổ Đức ngữ miền Nam là *metu*, tiếng Ai-Nhĩ-Lan là *mid*, và do gốc *meli* của Hi-Lạp và *mel*, *mellis* của La-Tinh, mà tiếng Pháp có *miel* (mật ong) miellé (pha mật). *mielleux* (ngọt ngào, lời đường mật)... và tiếng *Mélasse* (mật mía) ; tiếng Ý có *miele*, *melassa*, tiếng I-Pha-Nho có *miel*, *melaza*, tiếng Cao-Li có *mil*, tiếng Nhật có *mitu*.

« Tàu có *miật*, giọng Quảng-Đông là *mạch*, giọng quan thoại là *mí*, giọng hakka (tức nước Hẹ) là *mít*. *Mật* của tiếng Hán-Việt được Việt hóa, âm thanh và ý nghĩ không biến đổi. Tiếng *mật* của ta biến trại thành *mít* (trái mít, hột mít,..) Về mặt chánh tả, vận *ât* của tất cả tiếng Hán-Việt đều viết với *t* cuối, chánh tả chữ *mít* viết với *t cuối* cũng theo lí do ấy, cũng như chữ *mứt* (trái cây dùng đường mà xên) viết với *t cuối* có lẽ cũng bởi do chữ *mật*.

tìm đọc

ĐẤT-SỐNG

nguyệt-san nghị luận văn học của lớp người ý thức hiện đại

— Ôi cha ! rút gọn lại mà còn nghe mệt cả đầu ! Thôi xin giã từ cái thế giới chữ nghĩa, để hỏi cho một chút về văn chương, Vì sao anh cùng anh Luật sưu tầm, biên khảo và chú thích cuốn *Sãi Vãi* của Nguyễn Cư-Trinh ?

— Trước hết, vì phần đất chúng mình ở đây là công trình và kết quả chính sách « tàm thực » của Đạm-Am Nguyễn-Cư-Trinh. Kế đó, tác phẩm này từ trước được xem như một lối về giải trí. Chúng tôi, với những tài liệu thâu thập được, thấy rằng đó là một áng văn chương lịch sử, soạn ra để khuyến khích binh sĩ chống bọn Mọi Đá-Vách và cũng để cắt nghĩa đạo Khổng xuyên qua đạo Phật.

Tôi bỗng hỏi :

— Hồi nhỏ, anh có thường đi chùa không ?

Anh gật đầu, rồi đáp :

— Lúc tôi còn nhỏ, bà nội tôi tu tại gia, sáng sớm nào khi bà dậy tụng kinh gõ mõ là tôi dậy theo để học. Và khi bà đi chùa, thì tôi cũng đi theo chơi.

Đã khá khuya. Tôi hỏi anh câu chót :

— Mười một năm xưa, khi phỏng vấn anh cho báo Phương Đông, anh kể cho biết một trong những công trình anh đang deo đuổi là việc soạn hai quyển tự

vị *Việt-Nam ngữ nguyên* và *Việt ngữ tinh nghĩa và suy loại*, nay đã xong quyển nào chưa ?

Anh lắc đầu, cười :

— Quyển nào cũng chưa xong ! Hay có xong một nửa cuốn đầu. Anh nghĩ coi, mười một năm nay, thời cuộc nước nhà như thế, lại còn phải chạy sống hằng ngày, đầu óc và thì giờ đâu để mà hoàn thành cả hai công trình dài hơi đó.

Rồi con người suốt đời cặm cụi với chữ, nghĩa ấy lại đem bức tâm thư của một ông tướng trẻ và mấy biến cố quân sự và chánh trị mới xảy ra mà bàn.

Tôi đứng dậy, cáo từ, Anh nắm tay tôi lại :

— Còn cả một giờ mới tới giờ giới nghiêm. Anh để xe đây, chúng mình đi ăn chút đồ ngọt, rồi về còn kịp.

Chúng tôi thả bộ ra chợ. Anh nói mời tôi ăn đồ ngọt, nhưng khi kéo ghế, anh lại gọi mì trước, đồ ngọt sau. Hẳn anh nghĩ rằng phải có « mặn mà » trước để « ngọt ngào » sau càng thêm ý vị !

Tôi hỏi anh, giữa hai « chầu » mặn, ngọt :

— À, này anh, quan niệm anh về cuộc đời ra sao ?

Anh cười không trả lời. Tôi chẳng chịu thua :

— Thiên hạ *duy* đủ thứ. Nào *tâm*, nào *vật*, nào *thần*, nào *linh*... Còn anh ?

Anh bỗng trở nên nghiêm trang, nhìn tôi, nói chậm :

— Còn anh, anh *duy* cái gì là anh chết về cái ấy. Đời nó muôn mặt, nó vạn nẻo, mà ta chỉ nhìn có mỗi một khía cạnh, chỉ biết có một con đường, thì « *cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa* ».

Và tôi lại biết thêm một khía cạnh của anh bạn họ Lê tên Ngọc-Trụ.

Tôi lên xe đạp anh còn nói theo :

« Nhớ đi đường Đồng-Khánh về, đừng đi đường Hồng Bàng. Đi xa mà ăn chắc. Hai đứa con tôi hôm rồi đi học ở hội Việt Mĩ về, đi xe mô bi lết dọc theo đường xe lửa, đường Hùng Vương, bị bọn du đãng giựt đồ. Anh nhớ đi xa một chút mà « chắc ăn hơn » !

Cuối tháng 3-1965

NGUIỄN-NGU-Í

Sách của nhà xuất bản Sáng Tạo

Doãn Quốc Sỹ : Ba Sinh Hương Lửa 80đ — Dòng Sông Định Mệnh 40đ Trái Cây Đau Khổ 40đ — Gìn Vàng Giữ Ngọc 44đ — Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến 110đ — **Nguyễn Sỹ Tế** Chờ Sáng (Hết) — **Tuệ Mai Trần Gia** Thơ Tuệ Mai 50đ — Không Bờ Bến 40đ — **Mai Thảo** Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời 50đ — **Thanh Tâm Tuyền** : Khuôn Mặt 40đ — Mặt Trời Tìm Thấy 50đ . **Duy Thanh** : Lớp Gió 52đ — **Minh Đức Hoài Trinh** : Bơ Vơ 52đ — Hẫn 44đ Mơ 30đ.

Mới cho phát hành vào dịp xuân Ất Tỵ

U Hoài tập truyện của Doãn Quốc Sỹ xuất bản lần thứ hai 40đ.
Thư Sinh Kịch thơ của Minh Đức Hoài Trinh 40đ.
Đôi Cánh Gãy Của Thiên Thần Tập truyện của Vĩnh Lộc 42đ.

Các bạn ở xa có thể viết thư về cho nhà xuất bản Sáng Tạo 133 Võ Tánh Saigon hay cho Doãn Quốc Sỹ 338/60B Thành Thái Cholon các bạn sẽ nhận được sách gửi bảo đảm tận nhà.

SINH HOẠT

Một chút cảm nghĩ và hy-vọng về Hội-Nghị Trưởng Nhiệm-sở Ngoại-giao và Lãnh-sự

THẾ là Hội nghị Trưởng Nhiệm sở Ngoại giao và Lãnh sự đã khai mạc và bế mạc. Nó khai mạc bằng một buổi lễ long trọng, sáng thứ Ba 9-3-1965, tại Bộ Ngoại giao, bằng những bài diễn văn thật xây dựng và minh bạch.

Nó bế mạc bằng một buổi họp gia đình, ngày thứ Ba 16-3-1965, cũng tại Bộ Ngoại giao, bằng một cuộc trao đổi ý kiến và kết luận các đề nghị.

Còn giữa hai buổi khai mạc và bế mạc : Tôi rất tiếc, nhưng rất dễ hiểu, là không được dự thính các buổi họp mật.

Dầu sao, tôi cũng biết là các vị tất nhiên phải đàm luận rất sôi nổi, cùng là dự thính những buổi thuyết trình về các vấn đề trọng đại, quốc gia và quốc tế. Nghe đâu, các vị còn đi viếng mặt trận, để hòa mình với các sanh hoạt của dân tộc, hầu nhận xét về đời sống tranh đấu của đồng bào và các chiến sĩ. Đó là một ý kiến hay.

15 năm trôi qua... Ngành Ngoại giao Việt Nam đã là một kỳ công của vũ trụ ! Xuốt từ triều đại « phong kiến » quà kỹ nguyên « nhân vị », cho tới thời kỳ « cách mạng » (1) : trừ một số tình cờ được dịp phục vụ vì năng lực của chính mình và nhu cầu của đất nước, còn thì một số khác vào ngành là vì những lý do riêng, ủ ấp những ẩn tình khó tả, và do những ngả đường không tiện nói ra !

Triều đại « phong kiến » : Độc lập phôi thai, ngoại giao ấu trĩ. Vì quan niệm thiên vị cố hữu của nhà cầm quyền khi đó, lại thêm những áp lực ngoại lai của các « quan thày » Pháp, có một số nhân viên được lựa chọn chỉ vì có liên hệ họ hàng hay bầu bạn với một số yếu nhân trong chánh giới !

Thậm chí có người được bổ nhiệm làm Đại sứ, Cố vấn ngoại giao, mà không có cả tới cái quốc tịch Việt-Nam bé

(1) Hãy tạm tính tới ngày 9-3-65 là ngày khai mạc Hội nghị.

nhỏ và xấu số này, và nói tiếng Việt Nam chưa sõi !

Kỷ nguyên « nhân vị » : buổi đầu tưởng hứa hẹn, mà rồi sau cùng đâu vào đó ! Nhiều lầm lỗi lại tiếp tục xảy ra, dưới những hình thức khác, với những vai trò khác ! Lịch sử âu là một cuộc tái diễn không ngừng...

Một số các vụ bổ nhiệm đã được bắt nguồn từ những quan niệm tưởng như mâu thuẫn, mà thực dễ hiểu : tưởng thưởng họ hàng bàu bạn ; trừng phạt hoặc muốn khuất mắt những ai mũ cao áo dài đã phạm lỗi ; đày ải trong vàng son nhung lụa, những ai ngang ngạnh hay biết quá nhiều mặt trái ; đền bù những bạn đồng chí cũ, nhưng không còn đồng ý kiến ; hay an ủi những chính trị gia đã lỗi thời !

Rồi cách mạng ngày 1-11-1963 tới. Một số Đại sứ, Đặc sứ không được lưu nhiệm.

Vì những biến cố dồn dập xảy ra, mặt khác, lại vì sinh kế đa đoan xô đẩy chiếc thân sống đời nay đây mai đó, nên tôi cũng không để ý đến cái ngành ngoại giao của nước ta về sau, nó đã được cải tiến như thế nào ? Nhưng tôi vẫn lòng tự nhủ lòng, rằng : rút kinh nghiệm từ hai đoạn đường đi trước, nền ngoại giao Việt Nam sau ngày cách mạng (1), tất nhiên là phải hợp « vệ sinh » hơn. Nghĩa là nhân sự và tổ chức đỡ lụộm thuộm một phần nào !

* * *

Nhờ ở Hội nghị các Trưởng Nhiệm sở Ngoại giao và Lãnh sự, tôi được biết thêm rằng : có 24 nhiệm sở Ngoại giao và Lãnh sự, để bảo vệ quyền lợi và nâng cao uy tín của Việt Nam ở hải ngoại. Ở phòng họp ra, ngay sau buổi lễ khai mạc sáng ngày 9-3-1965 một anh bạn đồng nghiệp hàng ngày, đứng cạnh tôi, đã bất ưng thốt lên một lời than tự đáy lòng...

Tôi tò mò hỏi ra mới biết rằng : Việt Nam có 24 Nhiệm sở, mà chỉ có 6 Đại sứ, 2 Đại lý, 2 Lãnh sự, còn thì toàn là Xử lý và Quản lý cả ! Sống đời nguyên tử, chỉ Ngoại giao Đại cồ Việt ta mới có cái chức « Quản » hiếm hoi kỳ thú ấy !

Ngoài ra, nghe nói như tại một sứ quán lớn kia, có người không có văn bằng, không biết ngoại ngữ, mà cũng được đặc biệt tuyển dụng, không biết để làm gì ?! Trách làm chi trước kia « gia đình trị », một quân nhân được bổ nhiệm phục vụ tại một phòng tùy viên quân sự của ta ở ngoại quốc, mà chỉ có một sứ mệnh thực tế là : đưa bà Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống đi chải đầu, và đưa đón các con ông bà Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống kiêm phụ tá Quốc phòng, đi học !

Về phần các đương kim Trưởng Nhiệm sở, tối đại đa số đều là Xử-lý.

Cứ kể cũng lạ thật ! Bổ nhiệm một ông Đại sứ, Tổng Lãnh sự, *đặc biệt*, thì một ngày cũng xong ! Ấy thế mà ngoài ra, thì từ hơn một năm nay rồi, hoạt động ngoại giao của ta thụ động đến nỗi một phần lớn đều chỉ là « xử lý » ! Kết quả vì có mong manh, thành tích

(1) Tính đến ngày 9-3-65 là ngày khai mạc Hội nghị.

ví có gầy còm, hãy hỏi chúng ta có quyền ngạc nhiên không ? Và ai chịu trách nhiệm ?

Tuy có 24 Trưởng Nhiệm sở, nhưng chỉ có 23 vị tham dự Hội nghị.

Nha sĩ Đại úy Phạm thinh Châu, Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Hồng Kông, là em ruột bà Đại tướng Nguyễn Khánh, đã không về, vì « bệnh ». Và cứ ngẫm cho cùng, cái nhiệm sở Hồng Kông thật là « tử địa » ! Từ ngày nước Việt Nam ta đặt Lãnh sự quán tại Hồng Kông, cứ gửi ông Lãnh sự nào đi là ông ấy « đi thẳng » ! Hết nhiệm kỳ, đáng lẽ về nước hay thuyên chuyển đi nơi khác, thì các ông ấy tự động « về hưu »... rồi đi Pháp, đi Mỹ chớ không chịu về cái nước Đại cồ Việt bé nhỏ này ! Thế là nghĩa làm sao ? Có Trời mà hiểu được !

Đại tướng Trần thiện Khiêm, Đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn, cũng không về.

Có ông Bùi văn Anh là phụ tá đặc biệt, về thay. Bà Bùi văn Anh và bà Trần thiện Khiêm là hai chị em ruột.

Một chi tiết về nghi lễ, mà tôi phàm tục không lưu ý, nhưng một anh bạn đặc phái viên đã tinh quái nêu câu hỏi : Ông Bùi văn Anh tuy rất dễ thương và chức lớn, nhưng không là « Đại », không là « Lãnh », không là « Xử », mà cũng chẳng là « Quản », thì chẳng hiểu trong Hội nghị hay quanh bàn tiệc, chỗ ngồi chánh thức và xứng đáng của ông phải là ở đâu mới được chớ ? Cứ kể ra, cái Ngoại giao mà lắm lúc cũng phiền toái tệ.

* * *

SÁCH BÁO MỚI

— **Đây... Tòa Án** (Tòa Sơ-Thẩm, Tòa Hòa-giải rộng quyền) của Trần-Thúc-Linh và Phạm-Mạnh-Doanh do Bộ Thông-Tin Tâm-Lý-Chiến bảo trợ và xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày 178 trang, chỉ dẫn thể thức xin giấy tờ, giải thích các thủ tục thông thường. Không đề giá bán.

— **Biệt Chính** số 3 tháng 4-65, tập san văn-nghệ của người biệt chính, do ô. Lê-Xuân-Mai làm chủ nhiệm, Nguyễn-Xuân-Phác chủ bút và Thế-Phong tổng thư ký. Tập san khổ 15x21, dày 130 trang, bản đặc biệt không đề giá.

— **Tìm Hiểu Triết-Học của Karl Marx** của Trần văn Toàn, do Nam Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 160 trang, thuộc « Tủ sách nghiên cứu xã-hội ». Giá 50đ.

Những thắc mắc của tôi bỗng vơi hẳn đi, khi về nhà giở tập tài liệu nhận được buổi sáng hôm khai mạc Hội nghị, tôi đọc lại những bài diễn văn đã vạch ra cả một chương trình cải tổ trong tương lai :

1. « Ngành Ngoại giao không thể là phương tiện để trả ân báo oán đối với các nhân vật chánh trị. Ngành Ngoại giao phải là nơi qui tụ những nhà chuyên môn thấm nhuần tư tưởng cách mạng của dân tộc... » (Lời của Thủ Tướng Phan Huy Quát, nguyên Ngoại trưởng)

2. Một Chánh sách dù hay đến đâu cũng trở nên vô giá trị, nếu không có những cán bộ xứng đáng... « Một nhân viên ngoại giao chỉ có thể coi như có khả năng, nếu biết thực sự hòa mình với các sanh hoạt của đất nước ». « Nhân viên ngoại giao không thể phục vụ đắc lực đất nước, nếu chỉ thường xuyên sống ngoài lòng đất nước ». « ... đặt người ngồi cho đúng chỗ. . » «... tăng số bạn, giảm số thù, chú trọng củng cố tình hữu nghị đối với một số lớn các nước Á Phi...» (Lời Phó Thủ tướng kiêm Tổng Trưởng Ngoại giao, Bác sĩ Trần văn Đỗ).

3. «... quốc dân đang chờ đợi ở nền Ngoại giao Việt Nam : vai trò của các chiến sĩ tranh đấu cho chánh nghĩa quốc gia trên tiền tiến quốc tế...» (Lời ông Đại sứ Niên trưởng, nguyên Tổng trưởng Ngoại giao Vũ văn Mẫu).

Chương trình đã đề cập, kế hoạch đã phác họa : quốc dân nóng lòng được thấy chánh phủ mới bắt tay vào công cuộc cải tổ khẩn trương này. Quá nhiều thì giờ đã bị lãng phí rồi, từ 15 năm qua. Bây giờ tất nhiên các vị có trách nhiệm sẽ đốt chặng đường, để gấp thực hiện những điều cụ thể.

NGUYỄN-KÍNH-ĐỨC

Ý-niệm về thời-gian

Chiều thứ sáu 12-3-1965, hồi 18g30 tại Trung tâm Văn hóa Pháp, cô G. Marchand, giáo sư Thạc sĩ khoa Vật lý, đã đăng đàn nói chuyện với thính giả Đô thành — mà non nửa là người Pháp — về vấn đề thời gian.

● Cô mở đầu bằng một số khái niệm và định nghĩa :

Thời gian và thời hạn chỉ là những thực thể chủ quan. Không gian và thời gian chỉ là những thực thể hiện hữu trong một hiện tượng khác đang tồn tại. Vì thế, một giờ của mỗi người chúng ta đều khác nhau. Thời gian ta sống khác hẳn với thời gian của đồng hồ, vì thời gian này chỉ là một thứ thời gian vật lý tạo ra do sự đi về tuần hoàn của một vật gì, và vì là một sáng tạo của trí óc, nên đo được. Theo Aristote, thời gian đo bằng không gian do một động tử chuyển động. Galilée đi xa hơn, căn cứ vào công thức khoa động lực học, dùng tới bốn đại lượng là sức, khối lượng. chiều dài và thời gian. Bốn đại lượng này liên hệ với nhau, ba đại lượng trên đã đo được rồi thì dĩ nhiên đại lượng thứ tư là thời gian cũng đo được, đo được bằng một cách gián tiếp.

● Rồi cô chuyển sang vấn đề tập hợp (ensemble).

Muốn định nghĩa một hệ thống quy-chiếu (système de références) để định rõ vị trí một vật, ta phải nối liền vật đó với quan sát viên trong cùng một tập-hợp. Cô đưa ra một thí dụ : có một phi công

với một trái bom hợp thành một tập-hợp trong đó trái bom rơi xuống đối với người phi công, là một đường thẳng, nhưng đối với quan sát viên dưới đất với trái bom tạo thành một tập-hợp khác thì trái bom rơi theo một đường cong parabole. Như thế quỹ đạo của trá bom không phải do tự trái bom, bởi như thế vô nghĩa, mà phải được định bằng sự tương ứng với một vật khác, vậy quỹ đạo này không phải là tính chất của trái bom, mà là tính chất của tập-hợp được tạo ra. Vậy, bất cứ một tập hợp nào cũng bị các định luật riêng chi phối, những định luật này không có tính chất tuyệt đối, mà chỉ tùy thuộc vào tập hợp được tạo ra.

Vậy thì không gian cụ thể không tuyệt đối mà chỉ do từ một tập hợp chúng ta liên hệ, ở đấy sẵn có những quy luật rồi.

Thời gian cũng như không gian *không có sự hiện hữu độc lập*, mà trái lại phải phụ thuộc vào một tập hợp được tạo ra.

Vận tốc, làm gạch nối thời gian với không gian. Ta hãy lấy một thí dụ về vận tốc :

Có một tầu hỏa chạy qua mô đất với vận tốc V đối với mô đất (V/mô đất).

Có một người đi trên con tầu hỏa này với vận tốc W đối với con tầu (W/con tầu).

Như vậy ta phải kể thêm vận tốc thứ ba nữa, là vận tốc của người đối với mô đất (W người/mô đất)

Như thế thì ta có :

Wngười/mô đất = W/con tầu + V/môđất

● Rồi cô chuyển sang vấn đề định luật :

Từ tập hợp, người ta có khái niệm về định luật.

Các định luật điễn tả một tỷ số bất biến giữa các phần tử một tập hợp. Ví như các định luật vật lý dẫn đến một hệ thống trục Galilée : ta không thể làm một thí nghệim cơ học nào được nếu vận tốc không đồng đều. Trong khoa vật lý, các định luật có thể đi từ một tập hợp nọ sang một tập hợp kia, còn trong khoa vạn vật, các định luật đứng yên lại.

● Sau một nhập đề khá dài nhưng không nhàm, cô đi vào vấn đề ánh sáng.

Ánh sáng có vận tốc là 300.000km/giây. Vận tốc ánh sáng không bao giờ thay đổi dù cho nguồn gốc, dù cho quãng đường ở đâu ?

Quả đất quay mỗi giây được 30km. Nếu ánh sáng chiếu xuống quả đất đồng chiều hay ngược chiều thì vận tốc vẫn chỉ là 300.000km/giây, không tăng không giảm, không phải là 300.030km/giây mà cũng không là 299.970km/giây.

Như vậy đáp số nào đúng, cộng trừ các vận tốc hay là giữ nguyên vận tốc không đổi của ánh sáng.

Nói một cách khác làm thế nào dung hòa nguyên lý tương đối với định luật dẫn truyền ánh sáng trong khoảng chân không ? Lorentz đưa ra mot hệ thống phương trình :

$$x' = \frac{x - vt}{\sqrt{1 - \frac{v^2}{c^2}}}$$

$$t' = \frac{t - \frac{vx}{c^2}}{\sqrt{1 - \frac{v^2}{c^2}}}$$

mà người ta gọi là sự « biến đổi Lorentz ».

Einstein có công hơn cả, thu thập các công thức, các ý kiến của Lorentz, của Poincaré và cắt nghĩa :

Mỗi hệ thống có một không gian và một thời gian riêng không giống như Newton chỉ cho là có một không gian và một thời gian duy nhất, khi hệ thống thay đổi thì không gian cũng thay đổi và khoảng cách thời gian x giữa hai điểm không còn có tính cách độc lập đối với vận tốc của tập hợp nữa.

Ví dụ trong hệ thống K, có một tia sáng truyền đi, ứng với công thức :

$$x = c \times t$$

(x là quãng đường, c là vận tốc ánh sáng, t là thời gian)

Áp dụng sự biến đổi Lorentz, ta có :

$x' = c \times t'$ ở hệ thống K'.

Rồi từ đây, diễn giả đưa ra một loạt tính để giải thích sự chạy chậm của đồng hồ, sự co rút chiều dài, và đặc biệt nhất là kể lại một nghịch lý (paradoxe) của Langevin.

Cô ví dụ : có một người cha 30 tuổi là một nhà phi hành không gian, ông ta lên đường đi lúc con ông một tuổi. Khi con ông 100 tuổi, ông trở về, nhưng vì ông đi trong một tập hợp khác, — có một sự co rút chiều dài là $\frac{6}{10}$ thành ra ông tính chỉ mới đi có : 100 năm $\times \frac{6}{10} =$ 60 năm) Như vậy tuổi ông lúc trở về là 30 + 60 = 90 tuổi, trong khi người con tính tuổi là 100 rồi. Và cô tiếp : nhà phi hành đã lợi được thời gian nhưng đã mất không gian (il a gagné le temps mais il a peudu l'espace). Thời gian và không gian họp lại thành một toàn bộ không tách rời được. Nhà phi hành vì đi nhanh như vậy (lợi thời gian) nên đã bớt già đến hơn người con.

Quan niệm như thế, thì phải kể không gian có 4 chiều (3 tọa độ cũ và 1 tọa độ thời gian).

Ta hiện nay chuyển động trong một không gian có bốn chiều. Điều này có lẽ làm ta thâu nhập khó khăn nhưng nếu dạy toán cho lớp trẻ nhỏ về phương pháp các tập hợp này, thì chúng sẽ không lấy gì làm lạ nữa. Sự chuyển hướng này cần thiết cho nhiều ngành, và ngôn ngữ thế kỷ thứ XX hiện nay đượm màu tương đối : nghệ thuật, âm nhạc, văn chương, nói chung tất cả nền văn hóa mới..., vì thời gian, chính là ý nghĩa của cuộc đời chúng ta vậy.

QUANG HOA *ghi lại*

SÁCH BÁO MỚI

— **Rũ Thần** tập thơ của Tô Mạc Thao, do Việt Nam Văn Học xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang, gồm 30 bài thơ, không đề giá bán.

— **Thi Trắc Nghiệm Như Thế nào ?** của ông Bùi văn Bảo và một nhóm giáo viên, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách soạn riêng cho các em học sinh Lớp Nhất sửa soạn thi vào Đệ Thất. Dày 80 trang, giá bán 20đ.

Một buổi nói chuyện về ung-thư

Một đề tài nói chuyện về ung thư bao giờ cũng hấp dẫn và hợp thời, vì ngày nay khi động tới bệnh tật là người ta nghĩ tới ung thư, một thứ bệnh cho đến nay vẫn chưa tìm ra được thuốc chữa hữu hiệu, nói đến ung thư là nói đến những tế bào dị dạng (cellules monstrueuses) tăng trưởng quá nhanh chóng, nói đến ung thư là nói đến « bệnh chạy » (métastoses), đến « tái phát » (réridives) đến giải phẫu, đến « gần dất xa trời » v.v...

Cho nên buổi nói chuyện do Viện Đại học Saigon tổ chức chiều thứ sáu 2-4-1965 tại giảng đường trường Khoa học đã thu hút khá đông người, đến không còn một ghế nào trống nữa...

Diễn giả, bác sĩ Nguyễn-Ngọc-Bích tốt nghiệp trường Bách Khoa kiêm Y khoa Tiến sĩ, đã trình bày ngay khi vào đề là chỉ xin nói một vài nhận xét riêng biệt về trường hợp ung thư trong các vết thương tế bào (lésion cellulaire) mà thôi.

Khởi đầu bác sĩ nói ngay nhận xét của bác sĩ về các hồng huyết cầu kết đám trong huyết tương. Có thể các hồng huyết cầu giữ nguyên vị trí cũ khi chạm nhau nhờ những sức nối (force de liaison): đó là trường hợp ngưng-tập (agglutination). Cũng có trường hợp, khi hai hồng huyết cầu chạm nhau, thì xô đẩy nhau để rồi chồng chất lên nhau như những đồng tiền, sự xếp đặt này do những sức yếu hơn tạo ra trên khắp diện tích, đó là sự kết tập hồng huyết cầu (agrégation de hématies).

Khi nghiên cứu về hồng huyết cầu, người ta quan niệm mỗi huyết cầu có một lớp bọc ngoài gọi là lớp Ponder. Và ở diện tích khoảng cách giữa hai lớp này có một năng lượng. Năng lượng này tùy thuộc vào diện tích. Nếu diện tích càng nhỏ thì năng lượng này cũng nhỏ đi.

Khi các hồng huyết cầu xếp chồng lên nhau, thì có một sức ép xuống và sức ép này lại chính do năng lượng kia tạo ra, vì vậy càng chồng chất lên nhau các huyết cầu càng dài ra và cũng mỏng dần đi. Như vậy 2 tế bào dính vào nhau, chính là do sức ép này cả.

Robertson thí nghiệm qua máy hiển vi điện tử thì thấy 2 cái tế bào không dính chặt vào nhau mà còn cách nhau một khoảng cách từ 100 đến 150 angstrom (1 angstrom bằng 1/10.000.000 của 1mm).

Pethica còn tìm ra tại sao các tế bào không dính chặt, đó là vì có một chất gian-màng (matière intermembraneuse).

Và chính trong khoảng này sức ép giữa môi trường nọ (A) với môi trường kia (B) đã liên hệ với năng lượng (được tính theo đơn vị diện tích).

Năng lượng AB này ($\sqrt{AB}$ tăng lên, thì vết thương tế bào (lésion cellulaire) cũng tăng lên. Năng lượng này giảm đi thì vết thương cũng giảm đi.

Khi các tế bào gần nhau, phải kể tới một năng lượng dính bám (énergie d'adhérence).

Rồi diễn giả đưa ra một thí dụ :

Trong một môi trường B, có hai tế bào A, A dính vào nhau, và một tế bào A' đứng bên ngoài. Đó là trạng thái bình thường.

Bây giờ tế bào A' vì tiết ra một chất gì đó để có một năng lượng A'B (năng lượng của tế bào A' đối với môi trường B) so ra lại kém năng lượng AB, do đó A' bị len vào giữa hai tế bào A A kia.

Tế bào A' này là một tế bào ung thư.

Và ông đặt giả thuyết cho rằng tế bào ung thư là một tế bào có bao bọc một chất mà năng lượng của chính nó phải nhỏ hơn năng lượng của các tế bào lành.

Như vậy, so với các tế bào lành, tế bào ung thư có một năng lực bám dính nhỏ hơn, nhỏ hơn vì có một chất gì mới mẻ (?) ở trong nó.

Và ông giải thích về bệnh chạy (sự chuyển di = métastose) là vì tế bào ung thư không bị hủy diệt bởi các bạch huyết cầu.

Ông cũng cho biết thêm tế bào ung thư thiếu chất vôi (calcium) cho nên sự bám dính yếu đi

Ông căn cứ vào máu của các bào thai, có hồng huyết cầu ít bám vào nhau để suy ra các tế bào non ít bám hơn các tế bào già, và sự lạnh làm cho bám dính cũng tăng lên.

Rồi để kết luận, ông cho biết : như vậy chữa bệnh ung thư là phải làm tăng sự bám dính tế bào lên, và muốn thế phải tăng năng lượng của môi trường.

xox

Phải nói đây là một ý kiến rất mới mẻ về ung thư.

Thông thường người ta xét ung thư qua những nhận xét về cơ thể bệnh lý (anatomie pathologique) ở đây ông thày thuốc kiêm nhà khoa học đưa ra một lý thuyết mới mẻ : một thuyết vật lý để giải thích trường hợp bệnh lý của tế bào.

THIỆN-Ý

Lễ truy niệm Phan-Hiển-Đạo (1822-1864)

Cụ là một danh nho miền Nam, đồng thời với Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị. Thơ xưa để lại có ca ngợi văn tài của người khoa bảng tỉnh Định Tường này :

Lớp sau Thanh Giản tiếng đồn,
Là Phan hiền Đạo với Tôn thọ Tường.
Ông thời nho nhã văn chương,
Ông thời thi phú tốt đường diệu công.
Ông về thác tại Kim Đông,
. . . . . .

Kim Đông đây là làng Vĩnh-Kim Đông, ngày nay là làng Vĩnh Kim, thuộc quận Long Định, tỉnh Định Tường Mĩ Tho).

Theo lời ghi ở mộ chí của cụ, thì cụ đậu Tiến sĩ năm Tự Đức thứ 9 (1856), và làm đốc học chánh tỉnh nhà.

Khi Pháp lấy ba tỉnh miền Đông, thì cụ bỏ sở, về quê (Vĩnh Kim Đông) mà nương náu. « Nhiều khi quân Pháp đến tận nhà để tặng lễ vật và khuyến khích cụ trở lại nhậm chức, nhưng cụ một mực từ chối và âm thầm mượn chén độc dược mà chấm dứt cuộc đời ». (1) Hiện giờ gia quyến cụ ở tại ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Kim, và mồ mả cụ cũng ở nơi đây.

Cụ sinh thời nổi tiếng về mấy điệu đờn Huế. Hậu duệ của cụ cũng tỏ ra xuất sắc trong ngành âm nhạc, như bà Trần Ngọc Viện, người sáng lập gánh Đồng nữ ban, gồm toàn con gái, ông Trần Quang Chiêu, người sáng chế đây Tố Lan, cả hai là cô và thân phụ hai bạn Trần văn Khê và Trần văn Trạch.

Lễ truy niệm bậc tiền bối khả kính này được Chủ Hội Phụ huynh học sinh Vĩnh Kim tổ chức vào ngày Chủ Nhật 4 tháng 4 vừa qua, dưới sự chủ tọa của đại úy quận trưởng Long Định, đại diện cho 7 trung tá tỉnh trưởng Định Tường. Trước đó, các báo hằng ngày ở thủ đô có nhắc đến tiểu sử của cụ và nói đến ý nghĩa việc làm của Chi hội Phụ huynh học sinh Việt Kim.

Một số anh em văn nghệ sĩ thủ đô đã đến tận nơi để dự lễ truy niệm bậc danh nho này, như nhà khảo cổ Vương Hồng Sển, nhạc sĩ Lê Thương, thi sĩ Kiên Giang, giáo sư Bùi Đức Tịnh, kí-giả Hồng Sơn và kẻ viết bài này.

Lễ rước linh vị, cùng đại lễ tại trường Tiểu học cộng đồng, đã cử hành đúng theo nghi lễ cổ truyền, có giàn cổ nhạc với chiêng, trống càng làm bầu không khí thêm phần trang nghiêm, và đượm màu huyền bí thiêng liêng.

Ý nghĩa buổi lễ và cuộc đời người ái quốc tiết liệt này đã được hai vị trong ban Tổ chức, ông Khổng Nghi và ông Trần Năng Dung nói đến kỹ càng. Và khi được mời phát biểu cảm tưởng, bạn Kiên Giang trước, và tôi sau, đều mong mỏi ở đàn hậu tấn của vùng Vĩnh Kim — Chợ Giữa — Sầm Giang này, một vùng địa linh nhân kiệt của miền Nam đã từng chịu nhiều tang tóc, đau thương từ thời Pháp thuộc cho đến nay.

Ra về, người dữ lễ ở xa không ngăn được niềm luyến tiếc ngùi ngùi.

NGUYỄN NGU Í

(1) Trích ở tài liệu do Chi hội Phụ huynh học sinh Vĩnh Kim sưu tầm.

15 NGÀY tin tức trong nước

- *Chiến tranh nới rộng ra miền Bắc*

Vụ oanh tạc miền Bắc đầu tiên vào ngày 15-8-64 tại 4 địa điểm xuất phát hải quân là để trả đũa những vụ tấn công vào khu trục hạm Huê-kỳ tại Vịnh Bắc Việt.

Đầu năm nay những vụ oanh tạc tại các cứ điểm quân sự ở bên kia vỹ tuyến 17 (Đồng-Hới, Vĩnh-Linh v.v...) vào những ngày7,8 và 11-2-65 cũng vẫn chỉ còn là

những vụ trả đũa các cuộc tấn công, phá hoại của Cộng-Sản tại Miền Nam Việt-Nam.

Nhưng sau khi cuốn Bạch-Thư, tố cáo những hành động xâm lược miền Nam của C.S. Bắc-Việt, được công bố thì bắt đầu từ tháng 3-65 những vụ dội bom liên tiếp của không lực V.N. và Huê-Kỳ tại những căn cứ quân sự V.C. từ vỹ tuyến 17 trở lên đều nằm trong khuôn khổ « những biện pháp tự vệ để đối phó với những hành động xâm lăng liên tục của nhà cầm quyền Hà-Nội ».

Do đó, chiến tranh nới rộng từng nấc một ra miền Bắc đã được thể hiện bằng các cuộc oanh kích sau đây, phá hủy những kho vũ khí, những căn cứ trú quân, rồi tới các đài radar, các cầu nối những trục giao thông chính yếu...

— Ngày 2-3 : Oanh tạc Quảng-Khê, Xóm-Bàng (Không lực V.N. và H.K.)

— Ngày 14-3 : Hòn-Cọp (Không lực V.N.)

— Ngày 15-3 : Phủ-Quỳ (Không lực Hoa-Kỳ)

— Ngày 19-3 : Kho đạn Phú-Văn và Vinh-Sơn thuộc Huyện Thanh-Chương, Nghệ-An (Không lực Hoa-Kỳ)

— Ngày 21-3 : Căn cứ Vụ-Cồn (Không lực V.N.)

— Ngày 22-3 : Phá giàn Radar và 3 thuyền máy của C.S. ở gần khu phi quân sự (Không lực Hoa-Kỳ)

— Ngày 23-3 : Phá đài Radar tại Ba-Bình cách Bến-Hải 15 km và nhiều đoàn quân xa dọc quốc lộ số 1 (Không lực V.N.)

— Ngày 24-3 : Phá đài Radar và trung tâm vô tuyến tại Đồng Hới, bắn chìm 4 tàu của V.C. (Không lực V.N)

— Ngày 26-3 : Oanh tạc những đài radar tại đảo Bạch Long, Mũi Ron, Vinh Sơn thuộc vùng Hà Tĩnh (Không lực H.K).

— Ngày 29-3 : oanh tạc đảo Bạch Long, căn cứ radar, lần thứ 2 (Không lực H.K).

— Ngày 30-3 : Phá hủy Phi trường, kho săng Đồng Hới.

— Ngày 31-3 : Bắn phá 3 đài radar gần Vinh, 1 đài radar ở Hà Tĩnh và 2 đài radar khác ở phía Bắc vĩ tuyến 17 (Không lực H.K và V.N.)

Ô. HỒ KIM : *Rất cảm ơn ông đã góp ý kiến với Bách Khoa Thời Đại. Tuy nhiên bài của ông chúng tôi đăng không tiện, chúng tôi đã chuyển lại cho tác giả bài đó xem và mong ông thông cảm cho.*

Tòa soạn B.K.T.Đ.

— Ngày 2-4 : Oanh tạc cầu Đông Phương Thượng (Không lực H.K)

— Ngày 3-4 : Phá hủy 2 cầu Hàm Rồng và Đò Lèn, Thanh Hóa.

— Ngày 4-4 : Phá hủy trọn vẹn cầu Hàm Rồng (Không lực H.K) : Phá hủy cầu Hồ Chí Minh, Đồng Hới (Không lực V.N)

— Ngày 5-4 : Phá hủy đài radar Vinh Linh (Không lực HK).

— Ngày 7-4 : Oanh kích suốt 5 giờ dọc quốc lộ số 1 từ Bến-Hải đến Vinh (Không lực HK).

— Ngày 9-4 : Oanh tạc cầu Tam Đa (cách Vinh 25km) vào buổi sáng và 2 cầu Qui Vinh và Khê Kiên vào buổi chiều.

— Ngày 10-4 : Oanh tạc cầu Kim Cương cách Hà-Nội 240km (Không lực HK)

Những phi cơ Mig 15 và 17 của Trung Cộng, được đưa tới Bắc Việt từ tháng 8 64, đã xuất trận lần đầu vào ngày 4-4 vừa qua và trong dịp này 2 phi cơ F. 105 của Huê-Kỳ bị hạ. Trong ngày 9-4, lần đầu tiên có cuộc không chiến giữa Mig của Trung-Cộng và phi cơ Phantom của Huê-Kỳ gần đảo Hải-Nam và một Mig đã bị bắn cháy.

- *Chiến sự Miền Nam.*

15-3 : Một chiếc tầu C.S. vượt vĩ tuyến 17 chạy về phía Nam bị hải-quân V.N.C.H. vây bắt, đã tự đánh đắm tại Cửa Việt : 5 tên bị bắt sống.

16-3 : 1400 quân nhân đặc nhiệm Đại-Hàn tới Saigon đợt thứ nhì.

18-3 : Chiến thắng Vũng-Rô lần thứ 2 : 47 V.C. chết không mang được xác, ta tịch thâu hơn 1000 súng đủ loại dấu tại các hốc đá.

20-3 : Một thuyền máy V. C. bị oanh kích chìm tại ngoài khơi bờ biển Bình-Định.

22-3 : Hành quân trực thăng vận (62 trực thăng) bao vậy một căn cứ trú quân của 1.500 V.C. cách Đà Nẵng chừng 16 km.

27-3 : V.C. phá hoại bằng mìn một tàu vận tải L.S.T. của Mỹ tại Đà Nẵng.

30-3 : phá hoại Tòa Đại Sứ Mỹ bằng thuốc nổ đặt trên một xe hơi.

30-3 : Hành quân lớn trực thăng vận tiến chiếm Đại bản doanh của MTGPMN tại Tây Ninh.

31-3 : Oanh tạc mật khu Bời Lời của VC.

3-4 : V.C. tấn công các đơn vị Đại Hàn đồn trú tại Dĩ An.

4-4 : Trận đánh lớn tại Chương Thiện khởi sự từ 4-4 đã kết thúc thắng lợi sau 4 ngày ác chiến : địch để lại 278 xác chết, bị bắt 32 tên.

7-4 : V.C. tấn công thị xã Bồng Sơn bị thất bại nặng nề với 200 tử thương.

— *10-4* : 1400 Thủy quân lục chiến H.K. đổ bộ lên Đà Nẵng để bảo vệ các căn cứ quân sự ở miền Trung.

• *Các tin tức khác*

— 12-3 : Chương trình hoạt động ngắn hạn của Chánh-Phủ được công bố.

— 14-3 : Đại-Hội Phật-Giáo toàn quốc khai mạc ngày 14-3 và bế mạc ngày 16-3.

— 15-3 : Đại-Hội dân chính toàn quốc khai mạc với 223 đại biểu thuộc 43 tỉnh trong đó có 53 đại biểu Hành-chánh và 21 đại diện đồng bào Thượng. Mục đích của Đại-Hội là "thắt chặt sự liên hệ giữa Chánh-Phủ Trung-Ương với Chánh-quyền và dân chúng địa phương". Đại-Hội bế mạc ngày 17-3.

— 17-3 : Cố Đại-tá Lê-quang-Vinh (Ba Cụt) được phòng tái thẩm miễn nghị

— 19-3 : Ba nhân vật trong tổ chức « Ủy ban Vận động Hòa-Bình » là Bác sĩ Phạm-văn-Huyến, ký giả Cao minh-Chiếm và Giáo sư Tôn Thất Dương-Kỵ, bị tống xuất ra miền Bắc qua cầu Hiền-Lương.

— 25-3 : Hội đồng Quốc gia Giáo dục gồm 36 nhân viên khai mạc phiên họp thường niên đầu tiên ngày 35-3 và bế mạc ngày 2-4 với nhiều quyết định quan trọng.

— 26-3 : Bãi bỏ tình trạng thiết quân luật nhưng vẫn còn giới nghiêm tại Đô Thành. Còn kiểm duyệt báo chí nhưng hạn chế tới mức tối thiểu.

— 27-3 : Tai nạn tại Pleiku : 40 quả mìn nổ vì bị sét đánh trúng làm chết 14 người và bị thương 74 người.

— 28-3 : Một đại đức (Đ.Đ. Thích Nguyên Từ tục danh là Nguyễn đình Sen 32 tuổi) giám tự chùa Vĩnh Long, xã Cát Hanh, quận Phù Cát, Bình Định, tự thiêu để phản đối hành động tiêu diệt tôn giáo của V.C,

— 5-4 : Đại Hội báo chí, gồm 140 đại biểu nhật báo và tuần báo, khai mạc ngày 5-4 và bế mạc ngày 13-4.

Nhà xuất bản SÁNG TẠO

Đã cho phát hành :

khuôn mặt của chúng ta

THI PHẨM THỨ TƯ CỦA **THẾ VIÊN**

BẢN THƯỜNG 50đ. **BẢN QUÝ 100đ.**

8-4 : V.C. bắt một số lớn Phật tử tại vùng Tân Sinh Bình-Tuy ; trong số người bị bắt đi có cả Đ.Đ. Thích-Bửu-Huệ là vị lãnh đạo Phật giáo ở vùng đó. Trong buổi thuyết pháp đêm 10-4 tại V.N. Quốc tự cũng như trong Thông-Bạch của Viện Hóa Đạo, T.T. Thích-Tâm-Châu đã « cực lực phản đối những âm mưu tiêu diệt tôn giáo của C.S. trước dư luận quốc tế và quốc nội, đồng thời kêu gọi những người tin Phật hãy siết chặt hàng ngũ chống lại những âm mưu phản tôn giáo của C.S. »

* * *

● 17 Quốc gia không liên kết hội họp tại Belgrade (Nam-Tư), đề nghị các phe liên hệ trong cuộc chiến tranh ở V.N. nên thương thuyết không điều kiện tiên quyết để giải quyết hòa bình về vấn đề V.N.

● Một Phi thuyền không gian Nga được phóng lên hồi 10 giờ sáng ngày 18-3. Phi thuyền này mang tên « Voskhod 2 » chở đại-tá Paul Beliaev và trung-tá Alexis Leonov. Phi hành gia Leonov đã ra ngoài phi thuyền trong 20 phút và trong khoảng thời gian đó phi hành gia bay tự do trong không gian suốt 10 phút.

● Một Phi thuyền không gian Mỹ Gemini cũng được phóng lên hồi 9 giờ 24 ngày 23-3. Phi thuyền này chở 2 phi hành gia là Virgil Grissom và John Young, đã quay 4 vòng quanh trái đất và hạ xuống biển hồi 19 giờ 24. Đây là lần đầu tiên các phi hành gia đã tự điều khiển được phi thuyền khi đang bay để thay đổi qui đạo.

● Phi đạn Ranger-IX của Mỹ đã được phóng lên mặt trăng ngày 21-3 và rơi xuống mặt trăng 15 giờ 8, ngày 24-3 chỉ cách nơi dự tính có 6 km. Trong 16 phút cuối cùng, trước khi rớt xuống mặt trăng, Phi đạn Ranger-IX đã chuyền về trái đất gần 5000 tấm hình mặt trăng

● Gheorghiu-Dej, Chủ tịch nước Cộng Hòa Lỗ-Ma-Ni, đã từ trần ngày 19-3 (64 tuổi).

● Tổng Thống Huê kỳ Johnson đã đọc một bài diễn từ quan trọng về vấn đề Đông Nam Á tại Đại-học đường John Hopkins, Baltimore, Maryland, ngày 7-4 vừa qua.

Mở đầu diễn từ này, TT. Johnson nêu lên những lý lẽ vì sao người Mỹ phải chiến đấu ở VN. Cuộc chiến tranh ở VN xảy ra vì hai thực tại : Bắc Việt mưu toan xâm lược miền Nam, Trung Cộng thúc đẩy Bắc Việt. Người Mỹ phải « giúp miền Nam VN độc lập và không bị ai tấn công », vì phải giữ lời hứa với VN từ 1954, vì phải củng cố lòng tin tưởng của các dân tộc khác trên thế giới đã trông cậy vào những lời cam kết của Huê Kỳ, vì « tham vọng xâm lăng không bao giờ thỏa mãn được ». Rút lui ở V.N. không phải đưa đến chấm dứt chiến cuộc mà « chiến tranh sẽ tái diễn ở một quốc gia khác, rồi lại một quốc gia khác nữa ». Oanh tạc miền Bắc là để « kìm hãm bớt cuộc xâm lăng », để tỏ rằng người Mỹ sẽ không thất trận, không thối chí, không rút lui... Người Mỹ hy vọng chóng có hòa bình. « Hòa bình này đòi hỏi miền Nam V.N. độc lập : được bảo đảm về mặt an ninh và họ có thể chọn lựa bang giao với những nước khác, không bị bên ngoài

can thiệp, không bị ràng buộc vào liên minh nào, không nhường căn cứ quân sự cho quốc gia nào ». Người Mỹ sẵn sàng đi đến hòa bình bằng đường lối thảo luận và thương thuyết không tiên quyết.

Nếu tình thế được ổn định, hòa bình được tái lập ở V.N., Tổng Thống Huê kỳ mong mỏi các nước ở Đông-Nam-Á trong đó có cả Bắc Việt — sẽ kết hợp với nhau để lập « một kế hoạch hợp tác khuyếch trương » rộng lớn ; riêng Huê kỳ sẽ góp phần vào cố gắng này 1 tỷ mỹ kim và hy vọng Nga sô cũng sẽ góp mặt nữa. T.T Johnson nói : « Chúng ta không chịu để cho những dân tộc khác đói rách trong lúc những kho dự trữ của chúng ta đầy lúa gạo và vải vóc... Chúng ta luôn luôn chống lại cố gắng của nước này chinh phục nước khác. Chúng ta sẽ áp dụng điều đó vì nó liên hệ đến nền an ninh của chúng ta... Chúng ta mơ tưởng một thế giới trong đó các cuộc tranh chấp được luật pháp và lý trí dàn xếp êm đẹp... Đại bác, bom đạn, hỏa tiễn và chiến hạm đều là biểu hiện của thất bại của con người... Thế hệ trên thế giới ngày nay phải chọn lựa : tàn phá hay xây dựng, tàn sát hay cứu giúp. thù ghét hay hiểu biết lẫn nhau ».

Trong ngày 12-4, hai tờ báo Nhân Dân của Trung Cộng và Bắc Việt đã đăng tải hai bài xã thuyết bác bỏ đề nghị trên đây của Tổng Thống Mỹ và kêu gọi chiến đấu đến cùng.

Tin Khoa-Học

● *Những tiến triển trong ngành vận chuyển :* Những cố gắng đáng kể trong ngành vận chuyển :

— Thương thuyền nguyên tử đầu tiên trên thế giới, chiếc M.S. Savannah là một hãnh diện cho thế giới tự do.

— Về mặt đường bộ, phải kể tới ngành hỏa xa của Nhật Bản Xe lửa đường Tokaido-Line đã chạy từ Tokyo đến Osaka trong 3 giờ đồng hồ, vượt 320 dặm đường. So về tốc độ như vậy, thì Nhật Bản đứng đầu, nhì là Pháp, và ba là Hoa Kỳ. Sự này cũng không có gì là lạ, vì căn cứ vào thống kê thì năm 1960 có 760/o dân chúng Nhật đi xe hỏa trong khi ở Hoa Kỳ chỉ có 2,60/o thôi.

— Về mặt hàng không, bộ không lực Hoa Kỳ đã tiết lộ tin tối mật FY12A là một loại phi cơ mới A-11, siêu âm, vượt nhanh gấp ba lần tốc độ của âm thanh.

● *Và một chiếc cầu treo dài nhất hoàn cầu :* Song song với ngành vận chuyển công cuộc sữa sang đường lộ tất nhiên cũng được mở rộng : và tại Nữu Ước, một cầu treo dài nhất thế giới đã hoàn thành, chiếc Verrazano Narrows Bridge, dài 2.033 mét. Đây là chiếc cầu thứ 60 của Nữu Ước, lớn nhất, và cũng dự tính lâu nhất : hoành đồ xây cất được hoạch định đã từ nửa thế kỷ nay rồi. Phí tổn cũng đứng vào bậc đầu là 1.625 triệu quan với 232.000 km

dây cáp để dự định chịu đựng vào năm 1981 khoảng chừng 48 triệu xe cộ qua lại trên cầu này.

● *Thêm một người đàn bà vào địa hạt khoa học* : Đó là cô Marguerite Perrey học trò của bà Marie Curie được tiếp nhận vào Hàn Lâm Viện Khoa Học Pháp, với tư cách nhân viên liên lạc (chưa được gọi là hội viên thực thụ). Điều cần nhắc tới là cô Perrey là người đã tìm ra chất Francium, nguyên tố thứ 87 xếp loại trong bảng phân hạng tuần hoàn các nguyên tố của Mendéléïeff.

● *Bikini 1946, Bikini 1965* ? Từ 20-7-1946, ngày có vụ nổ nguyên tử dưới biển đầu tiên trong lịch sử, đảo Bikini đã thành một trung tâm thí nghiệm liên tiếp các vụ nổ khác. Cho tới 1958 thì đảo này đã có một độ phóng xạ khá cao, đến nỗi nhà cầm quyền phải ra lệnh không cho một ai tới gần nữa : các động vật và thực vật như bị tiêu diệt hoàn toàn, dĩ nhiên dân cư trên đảo đã được dời đến một hòn đảo khác, khá xa, từ lâu rồi.

Sáu năm qua, căn cứ vào bản tường trình của không lực Hoa Kỳ cho biết độ phóng xạ đã giảm xuống nhiều, giới thực vật hình như có thể xuất hiện. Bác sĩ Lauren Donaldson, giám đốc phòng sưu tầm sinh học của trường Đại học Washington cùng một số cộng sự viên đã trở lại đảo này.

Điều ngạc nhiên trước tiên là cây cối trong đảo mọc rất sầm uất. Và đã có cả động vật tại đảo nữa. Cá tới đẻ trứng ở đó. Chim chóc nhiều đến nỗi không có chỗ mà làm tổ trên cây, phải làm tổ ngay cả dưới đất. Một sự lạ nữa : có những con rùa đến đẻ trứng ngay trên bãi bể nóng, điều mà người dân bản xứ từ trước chưa thấy.

Về trường hợp chuột, cũng là 1 sự lạ ; vì chui rúc tít trong các hang hóc, lũ chuột chỉ bị mù mắt, mà không chết và hơn thế còn có thể sanh đẻ được. Giáo sư sinh học, ông William Jackson của trường Đại học Bowling Green, sau khi trắc nghiệm nhiều lần cho biết lũ chuột này không có dấu hiệu nào khác lạ về di truyền tính cả.

Đặc biệt và lạ lùng hơn cả, là các loại sò hến biến mất, phải chăng các sinh vật này đã bị tiêu diệt hoàn toàn vì những đám bùn đầy chất phóng xạ kia.

Bác sĩ Gessel cho biết nước mưa của đảo rất ngọt và đất trên đảo có thể giồng lại được giống dừa, một nguồn lợi trước đây của đảo. Tuy nhiên người ta vẫn còn thắc mắc vì có những cây dừa lá lại vàng úa và chỉ cao được bằng nửa những cây mẹ...

Dĩ nhiên còn nhiều điểm mà phái đoàn Donaldson chưa thể giải thích ngay được, vì cần phải thí nghiệm và nghiên cứu trong khoảng một năm.

Đến cuối năm 1965, bản công bố của phái đoàn Donaldson sẽ cho biết thêm nhiều nhận xét đáng giá.

Còn nay Bikini của đầu năm 1965 này vẫn nở đầy hoa trắng, hoa Messerschmidia, cây hoa nở đầu tiên trên đảo và mang tên người Đức đầu tiên đã giới thiệu nó, ông Messerschmid.

QUANG HOA

Các bạn Chu Tân, Luân Hoán, LĐ Phạm Phú, Tần Hoài, Nguyễn Nho Nhượng, SN. Hoài Thảo, Hoài Vọng, Đynh Trầm Ca, Yến Nguyên Thanh. — *Đã nhận được thư và thơ các bạn gửi. Sẽ góp ý sau, và lựa đăng dần (X.H)*

Bách Khoa đã nhận được những bài sau đây của các bạn :

Tiếng buồn luân lưu (Huyền Phong) Những người hôm nay.. (Đoàn Dũng) Từ giã mùa xuân... (Thanh Huyền Nga) Xõa tóc chờ trăng... (Hoàng Minh Phương) Tình yêu của hai ng rời .. (Lam Hồ) Niềm đau quê hương .. (Nguyên Thanh) Quê hương và mẹ... (Cung Ngọc Uyên) Gia tài của mẹ... (Phan Phụng Thạch) Thay phiên, niềm đau (Trần Nguyên Thủy) Nét buồn xưa... (Nguyễn Thành Tiến) Số phận... (Lệ Hà Chi) Điệu ru (Thanh Lê Xuân) Bơ vơ.. (Trần Lan Anh) Hiện buồn... (Vương Thanh Du) Người yêu của thi sĩ... (Trần Thế Thủy Triều) Thư về mẹ (Hà Thanh Tòng) 7 giờ sáng của Dung (Trần Hồng Nhan) Bài cho em... (Chinh Vân) Tiếng tình... (Phan Hiền Đức) Sức sống... (Hoàng Đình Huy Quan) Mong manh (Hoàng Đình Chung) Thành phố... (An Châu Lan) Ngày tận cùng của cuộc đời... (Kiều Uyên) Niềm đau của mẹ (Nguyễn Thị Khánh Hà) Một cái nhìn (Tôn Thất Tuệ) Em đừng.. (Nguyên Vũ) Lời phủ dụ của rừng xám (Từ Kế Tường) Không thể được (Hàn Mỹ Vũ) Em và quê hương... (Chinh Vân) Đoạn cuối cùng.. (Yên Uyên Sa) Đất mẹ đau thương (Quang Hoài) Cho nên tôi van (Linh Vũ) Mười năm nối tiếp... (Thùy Dương Tử) Ôi miền Trung (Hoàng Ngọc Anh) Đơn Phương (Hoàng Diệu Lành) Đón... (Trần Dư Thi Thiên) Thái độ... (Phan Xuân Tường Huy) Tiếng kêu từ đó (Trang Thạp Tụ) Nụ buồn (Mạc Chinh) Tự mình em ơi (Bạch Công Phi Phụng) Khi xa... Trần Huyền Thoại) Bài tình buồn mùa xuân... (Ngy Hữu) Chứng Tích... (Thương Hoài Fố Hội) Thân phận.. (Lâm Chương) Bắc Phi (Nguyên Thạch) Niềm đau quê hương (Triều Nguyên Khánh) Thân phận hải đăng... (Duy Ty) Chua cay (Thái Duy Thanh) Quá vãng thì thầm (Nghiêu Djũ) Hai thằng (Vũ Hoài Mạc Nguiên) Tuổi đất (Bùi Lạc Việt).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.